



BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TRUNG TÂM QUY HOẠCH VÀ ĐIỀU TRA TÀI NGUYÊN NƯỚC QUỐC GIA

BẢN TIN THÔNG BÁO, DỰ BÁO VÀ CẢNH BÁO
TÀI NGUYÊN NƯỚC DƯỚI ĐẤT
THÁNG 11 NĂM 2020
VÙNG NAM BỘ

HÀ NỘI, THÁNG 11/2020

Chịu trách nhiệm nội dung: Trung tâm Cảnh báo và Dự báo tài nguyên nước
Địa chỉ: Tầng 8 tòa nhà NAWAPI - Số 93/95 Vũ Xuân Thiều, Sài Đồng, Long Biên, Hà Nội;
ĐT: 024 32665006; Fax: 024 37560034; Website: cewafo.gov.vn; Email: vtttcldbttnn@monre.gov.vn

MỤC LỤC

I. Tổng quan diễn biến mực nước	4
I.1. Tầng chứa nước Pleistocene thượng (qp ₃).....	4
I.2. Tầng chứa nước Pleistocene trung-thượng (qp ₂₋₃).....	10
I.3. Tầng chứa nước Pleistocene hạ (qp ₁)	17
I.4. Tầng chứa nước Pliocene trung (n ₂ ²).....	24
I.5. Tầng chứa nước Pliocene hạ (n ₂ ¹).....	31
II. Chi tiết diễn biến và dự báo mực nước các tỉnh thành phố.....	39
II.1. Thành phố Hồ Chí Minh.....	39
II.1.1. Tầng chứa nước Pleistocene thượng (qp ₃)	39
II.1.2. Tầng chứa nước Pleistocene trung-thượng (qp ₂₋₃)	41
II.1.3. Tầng chứa nước Pleistocene hạ (qp ₁)	44
II.1.4. Tầng chứa nước Pliocene trung (n ₂ ²)	45
II.1.5. Tầng chứa nước Pliocene hạ (n ₂ ¹)	47
II.2. Tỉnh Bình Dương:.....	48
II.2.1. Tầng chứa nước Pleistocene trung-thượng (qp ₂₋₃)	48
II.2.2. Tầng chứa nước Pliocene trung (n ₂ ²)	49
II.3. Tỉnh Bình Phước:	50
II.3.1. Tầng chứa nước Pliocene trung (n ₂ ²)	50
II.4. Tỉnh Tây Ninh:	51
II.4.1. Tầng chứa nước Pleistocene thượng (qp ₃)	51
II.4.2. Tầng chứa nước Pleistocene trung-thượng (qp ₂₋₃)	53
II.4.3. Tầng chứa nước Pleistocene hạ (qp ₁)	54
II.4.4. Tầng chứa nước Pliocene trung (n ₂ ²)	56
II.4.5. Tầng chứa nước Pliocene hạ (n ₂ ¹)	57
II.5. Tỉnh Đồng Nai:	58
II.5.1. Tầng chứa nước Pleistocene trung-thượng (qp ₂₋₃)	58
II.5.2. Tầng chứa nước Pleistocene hạ (qp ₁)	59
II.5.3. Tầng chứa nước Pliocene trung (n ₂ ²)	60
II.6. Tỉnh Long An:	62
II.6.1. Tầng chứa nước Pleistocene thượng (qp ₃)	62
II.6.2. Tầng chứa nước Pleistocene trung-thượng (qp ₂₋₃)	63
II.6.3. Tầng chứa nước Pleistocene hạ (qp ₁)	64
II.6.4. Tầng chứa nước Pliocene trung (n ₂ ²)	65
II.6.5. Tầng chứa nước Pliocene hạ (n ₂ ¹)	67
II.7. Tỉnh Đồng Tháp:	69
II.7.1. Tầng chứa nước Pleistocene thượng (qp ₃)	69

II.7.2. Tầng chứa nước Pleistocene trung-thượng (qp ₂₋₃)	70
II.7.3. Tầng chứa nước Pliocene trung (n ₂ ²)	71
II.7.4. Tầng chứa nước Pliocene hạ (n ₂ ¹)	73
II.8. Tỉnh Bến Tre:.....	74
II.8.1. Tầng chứa nước Pleistocene thượng (qp ₃)	74
II.9. Tỉnh An Giang:	76
II.9.1. Tầng chứa nước Pleistocene thượng (qp ₃)	76
II.9.2. Tầng chứa nước Pleistocene trung-thượng (qp ₂₋₃)	78
II.10. Thành phố Cần Thơ:.....	79
II.10.1. Tầng chứa nước Pleistocene thượng (qp ₃)	79
II.10.2. Tầng chứa nước Pleistocene trung-thượng (qp ₂₋₃)	80
II.11. Tỉnh Vĩnh Long:	82
II.11.1. Tầng chứa nước Pleistocene trung-thượng (qp ₂₋₃)	82
II.11.2. Tầng chứa nước Pleistocene hạ (qp ₁)	83
II.11.3. Tầng chứa nước Pliocene trung (n ₂ ²)	84
II.12. Tỉnh Trà Vinh:.....	85
II.12.1. Tầng chứa nước Pleistocene trung-thượng (qp ₂₋₃)	86
II.12.2. Tầng chứa nước Pliocene trung (n ₂ ²)	87
II.12.3. Tầng chứa nước Pliocene hạ (n ₂ ¹)	88
II.13. Tỉnh Kiên Giang:.....	89
II.13.1. Tầng chứa nước Pleistocene trung-thượng (qp ₂₋₃)	90
II.13.2. Tầng chứa nước Pleistocene hạ (qp ₁)	91
II.13.3. Tầng chứa nước Pliocene trung (n ₂ ²)	92
II.14. Tỉnh Hậu Giang:.....	94
II.14.1. Tầng chứa nước Pliocene hạ (n ₂ ¹)	94
II.15. Tỉnh Sóc Trăng:.....	96
II.15.1. Tầng chứa nước Pleistocene thượng (qp ₃)	96
II.15.2. Tầng chứa nước Pleistocene trung - thượng (qp ₂₋₃)	97
II.15.3. Tầng chứa nước Pleistocene hạ (qp ₁)	98
II.15.4. Tầng chứa nước Pliocene trung (n ₂ ²)	100
II.16. Tỉnh Bạc Liêu:	101
II.16.1. Tầng chứa nước Pleistocene thượng (qp ₃)	101
II.16.2. Tầng chứa nước Pleistocene trung-thượng (qp ₂₋₃)	103
II.16.3. Tầng chứa nước Pliocene hạ (n ₂ ¹)	104
II.17. Tỉnh Cà Mau:.....	105
II.17.1. Tầng chứa nước Pleistocene thượng (qp ₃)	105
II.17.2. Tầng chứa nước Pliocene hạ (n ₂ ¹)	106

Vùng Nam Bộ có 5 tầng chứa nước chính theo thứ tự từ trẻ đến già gồm: tầng chứa nước Pleistocene thượng (qp₃), tầng chứa nước Pleistocene trung-thượng (qp₂₋₃), tầng chứa nước Pleistocene hạ (qp₁), tầng chứa nước Pliocene trung (n₂²), tầng chứa nước Pliocene hạ (n₂¹). Trên cơ sở kết quả quan trắc tài nguyên nước dưới đất năm 2019, diễn biến tài nguyên nước dưới đất được phân tích, đánh giá để dự báo cho tháng 11 và tháng 12 năm 2020. Kết quả được thể hiện chi tiết như sau:

I. Tổng quan diễn biến mực nước

I.1. Tầng chứa nước Pleistocene thượng (qp₃)

Diễn biến mực nước dưới đất trung bình tháng 11 so với tháng 10 có xu thế dâng là chính, có 25/60 công trình mực nước dâng, 23/60 công trình mực nước hạ và 12/60 công trình mực nước dâng hạ không đáng kể. Giá trị dâng cao nhất là 0,84m tại xã Phạm Văn Cội, huyện Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh (Q09902C) và giá trị hạ thấp nhất là 1,06m tại xã An Nhơn Tây, huyện Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh (Q01302C).

Trong tháng 11 : mực nước trung bình tháng sâu nhất là -12,20m tại Phường 3, TP.Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng (Q59801Z). Mực nước trung bình tháng nông nhất là -1,11m tại xã Kiên Bình, huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang (Q10401Z).

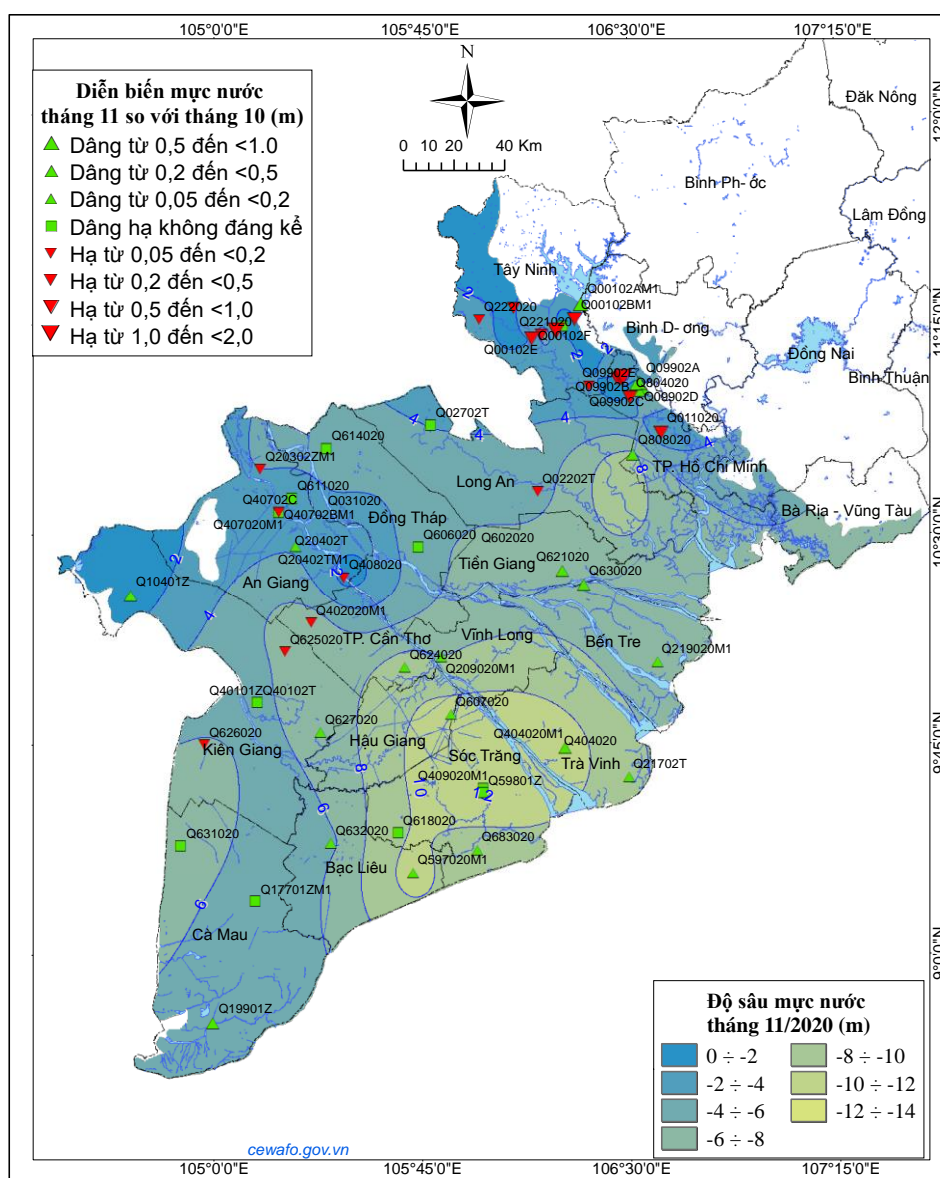
Diễn biến mực nước dưới đất trung bình tháng 11 so với cùng thời điểm 1 năm trước, 5 năm trước, 10 năm trước và 20 năm trước có xu thế hạ và được thể hiện chi tiết trong bảng 1, 2 và các hình 2, 3, 4, 5. Mực nước suy giảm lớn nhất so với cùng kỳ năm trước, 5 năm trước, 10 năm trước và 20 năm trước lần lượt là 1,70m; 2,24m; 3,81m và 5,17m tại huyện Củ Chi, tỉnh Hồ Chí Minh, TP. Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng, huyện Thạnh Hóa, tỉnh Long An.

Bảng 1. Mực nước TB tháng cực trị qua các thời kỳ

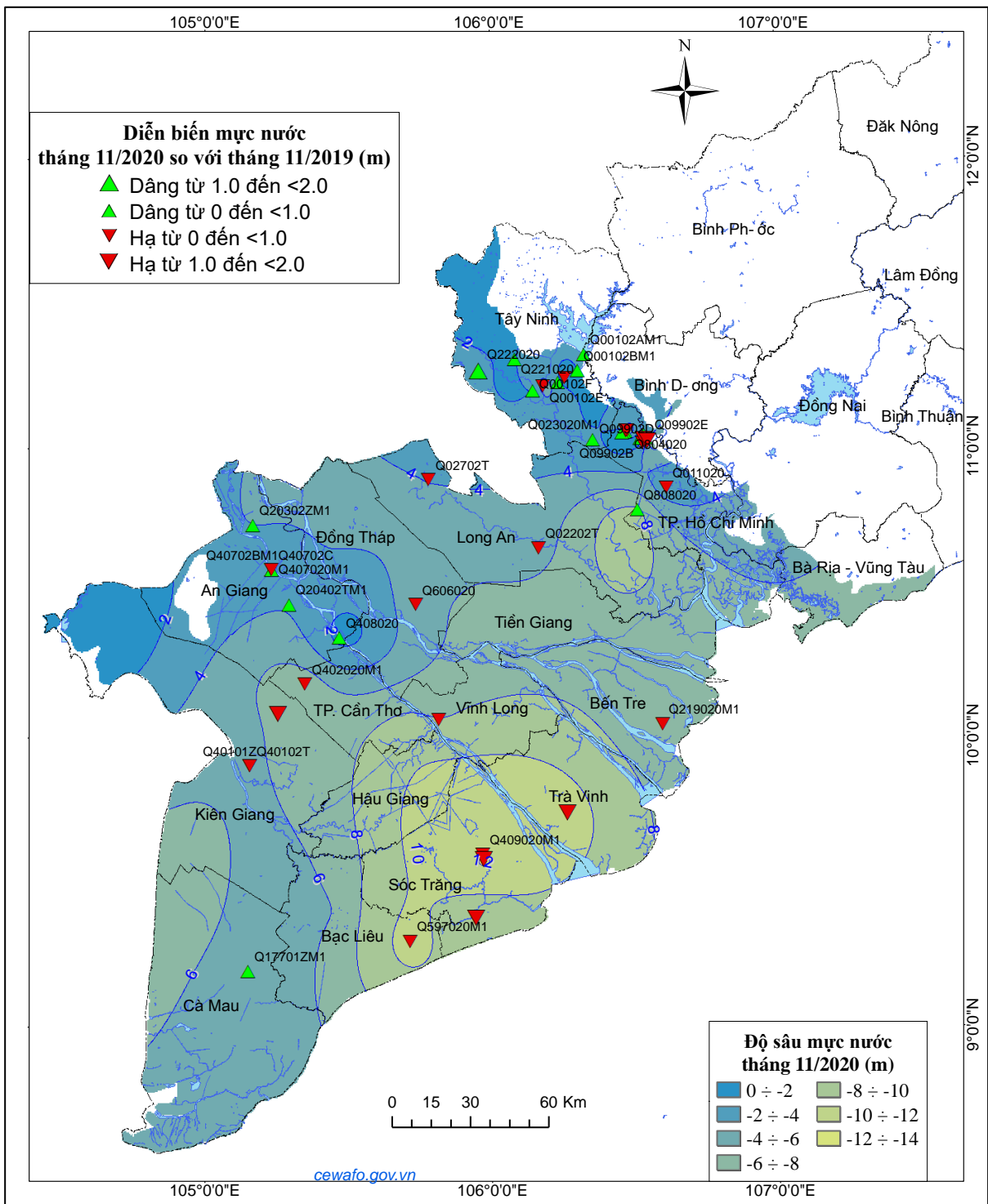
Thời gian	Mực nước TB tháng sâu nhất		Mực nước TB tháng nông nhất	
	Giá trị (m)	Địa điểm	Giá trị (m)	Địa điểm
Tháng 11 năm 2020	-12,20	Phường 3, TP.Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng (Q59801Z)	-1,11	xã Kiên Bình, huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang (Q10401Z)
1 năm trước (2019)	-11,13	Phường 3, TP.Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng (Q59801Z)	-1,17	xã Truong Mít, huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh (Q00102CM1)
5 năm trước (2015)	-9,39	Phường 3, TP.Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng (Q409020M1)	-1,08	xã An Nhơn Tây, huyện Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh (Q01302F)
10 năm trước (2010)	-10,18	xã Phạm Văn Cội, huyện Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh (Q09902A)	-0,73	xã An Nhơn Tây, huyện Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh (Q01302F)
20 năm trước (2000)	-7,88	xã Phạm Văn Cội, huyện Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh (Q09902A)	-0,42	phường Mỹ Thạnh, TP.Long Xuyên, tỉnh An Giang (Q408020)

Bảng 2. Giá trị dâng, hạ mực nước qua các thời kỳ

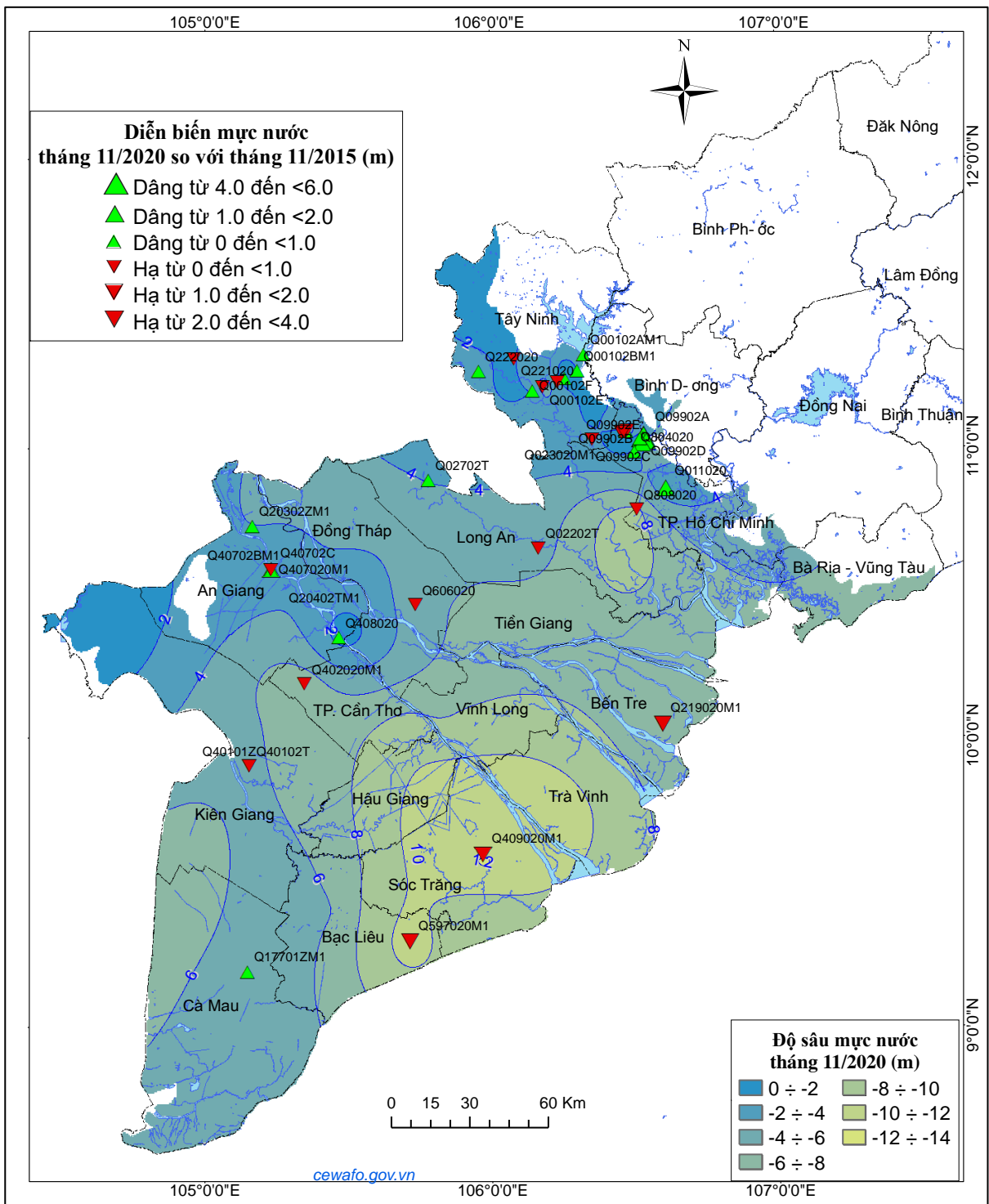
Thời gian	Xu thế chính	Giá trị hạ thấp nhất		Giá trị dâng cao nhất	
		Giá trị (m)	Địa điểm	Giá trị (m)	Địa điểm
1 năm trước (2019)	Hạ	1,70	xã Vĩnh Hiệp, huyện Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng (Q683020)	1,55	xã Thành Long, huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh (Q222020)
5 năm trước (2015)	Hạ	2,24	Phường 3, TP.Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng (Q409020M1)	5,71	xã Phạm Văn Cội, huyện Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh (Q09902A)
10 năm trước (2010)	Hạ	3,81	Phường 3, TP.Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng (Q409020M1)	7,02	xã Phạm Văn Cội, huyện Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh (Q09902A)
20 năm trước (2000)	Hạ	5,17	TT Minh Lương, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang (Q40102T)	4,72	xã Phạm Văn Cội, huyện Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh (Q09902A)



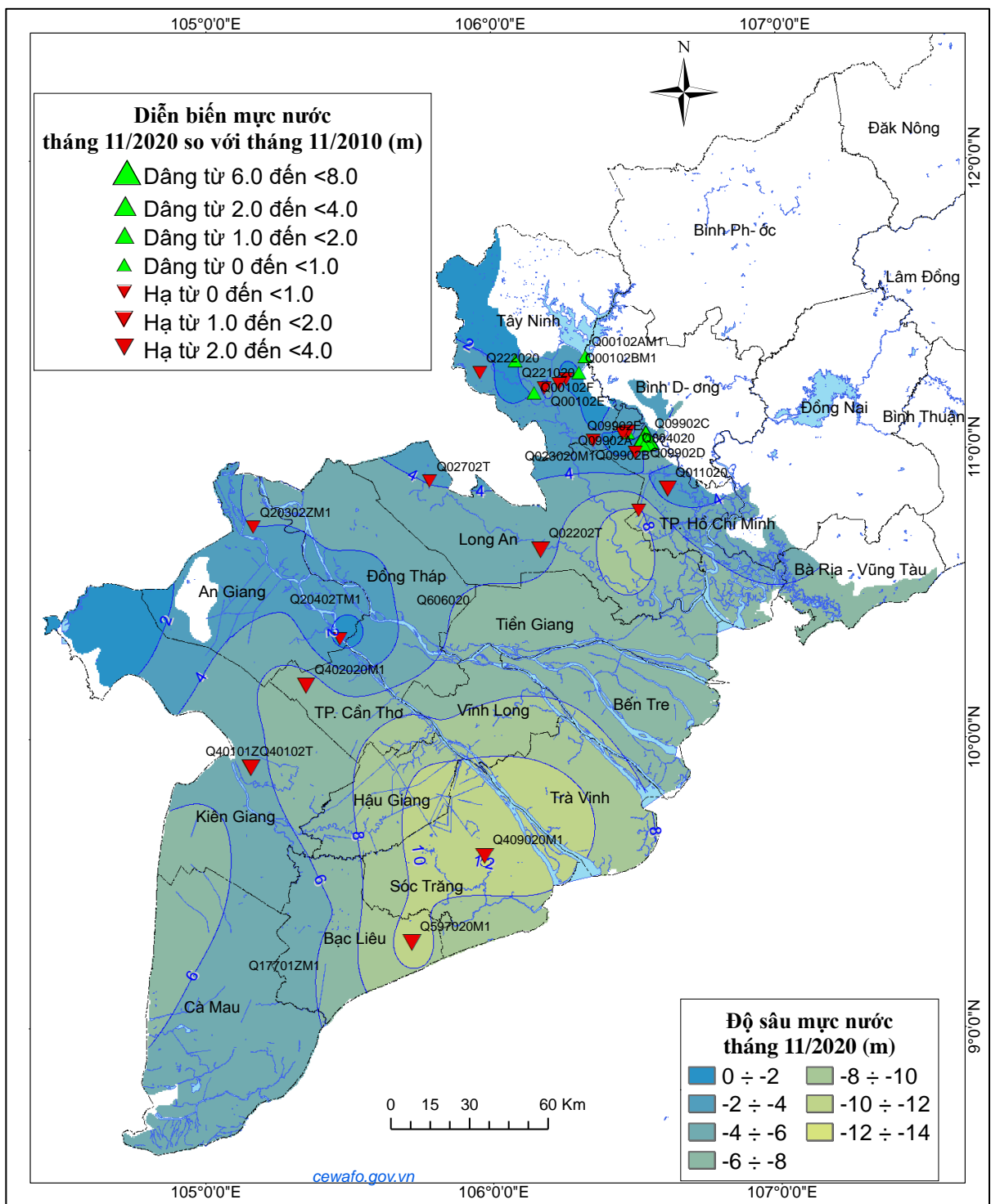
Hình 1. Sơ đồ diễn biến mực nước tháng 11 năm 2020 tầng qp3



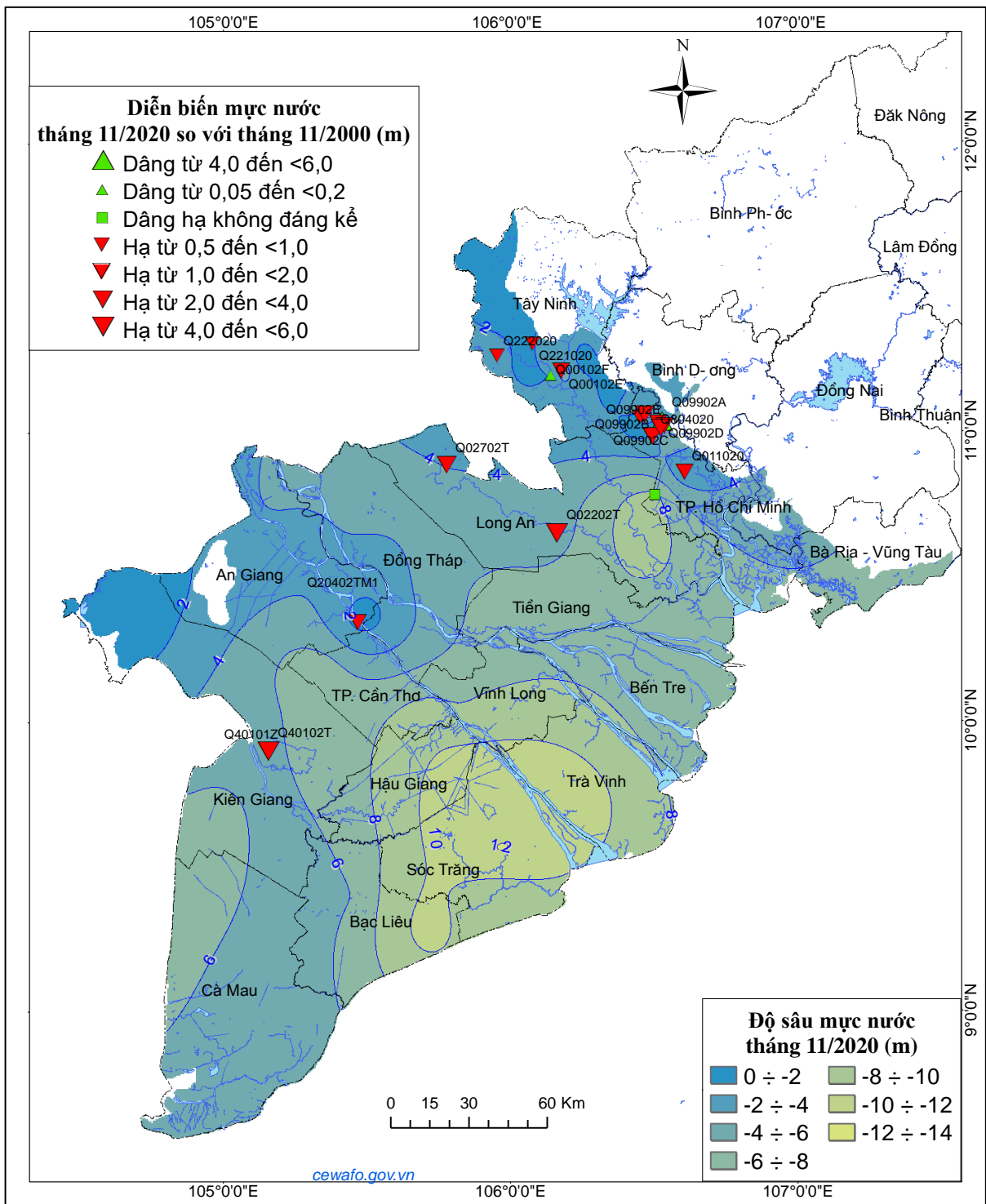
Hình 2. Sơ đồ diễn biến mực nước tháng 11 so với cùng kỳ năm trước



Hình 3. Sơ đồ diễn biến mực nước tháng 11 so với cùng kỳ 5 năm trước

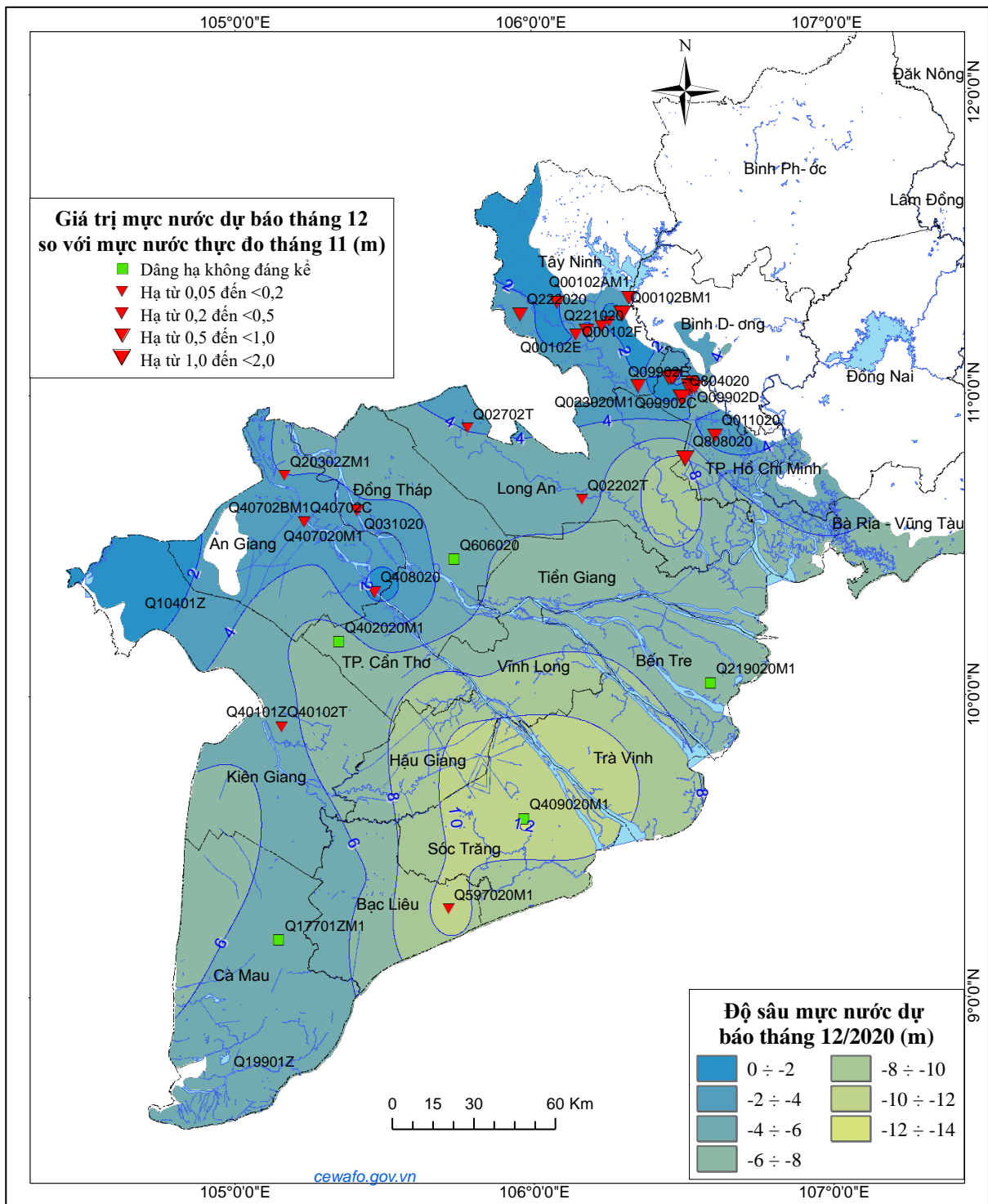


Hình 4. Sơ đồ diễn biến mực nước tháng 11 so với cùng kỳ 10 năm trước



Hình 5. Sơ đồ diễn biến mực nước tháng 11 so với cùng kỳ 20 năm trước

Dự báo diễn biến mực nước dưới đất tháng 12 có xu hướng hạ so với mực nước thực đo tháng 11 (xem hình 6), có 34/39 công trình mực nước hạ và 5/39 công trình mực nước dâng hạ không đáng kể. Mực nước hạ từ 1m đến 2m tập trung ở tập trung ở xã Lộc Ninh, huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh và xã Lê Minh Xuân, huyện Bình Chánh, TP. Hồ Chí Minh.

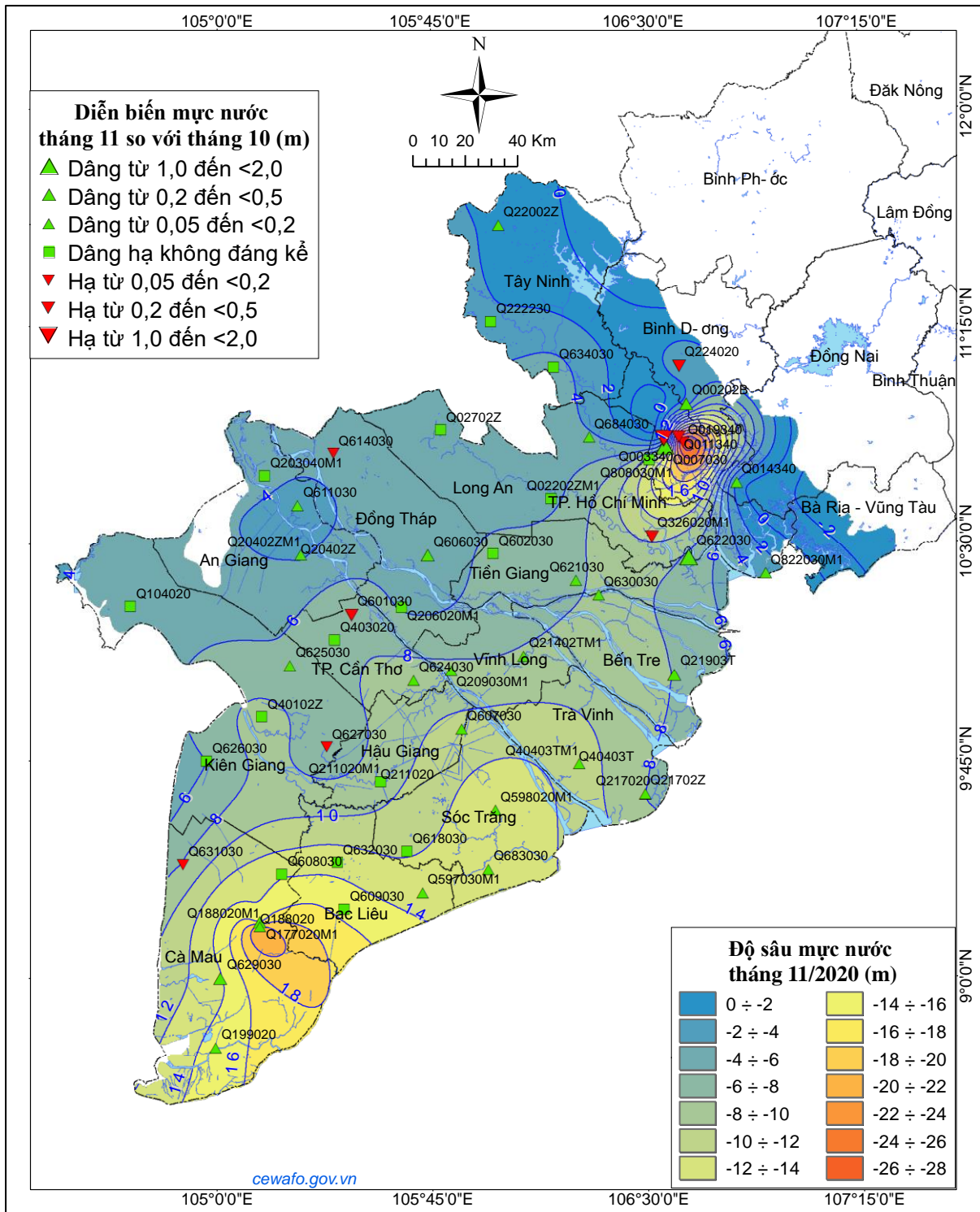


Hình 6. Sơ đồ dự báo diễn biến mực nước tầng qp₃

I.2. Tầng chứa nước Pleistocene trung-thượng (qp₂₋₃)

Diễn biến mực nước dưới đất trung bình tháng 11 so với tháng 10 có xu thế dâng, có 29/54 công trình mực nước dâng, 9/54 công trình mực nước hạ và 16/54 công trình mực nước dâng hạ không đáng kể. Giá trị dâng cao nhất là 1,85m tại xã Bình Đông, TX Gò Công, tỉnh Tiền Giang (Q622030) và giá trị hạ thấp nhất là 1,14m tại xã Xuân Thới Thượng, huyện Hóc Môn, TP.Hồ Chí Minh (Q003340).

Trong tháng 11: mực nước trung bình tháng sâu nhất là -26,08m tại phường Đông Hưng, Quận 12, TP.Hồ Chí Minh (Q019340). Mực nước trung bình tháng nông nhất là -1,70m tại xã Tân Lập, huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh (Q22002Z) .



Hình 7. Sơ đồ diễn biến mực nước tháng 11 năm 2020 tầng qp2-3

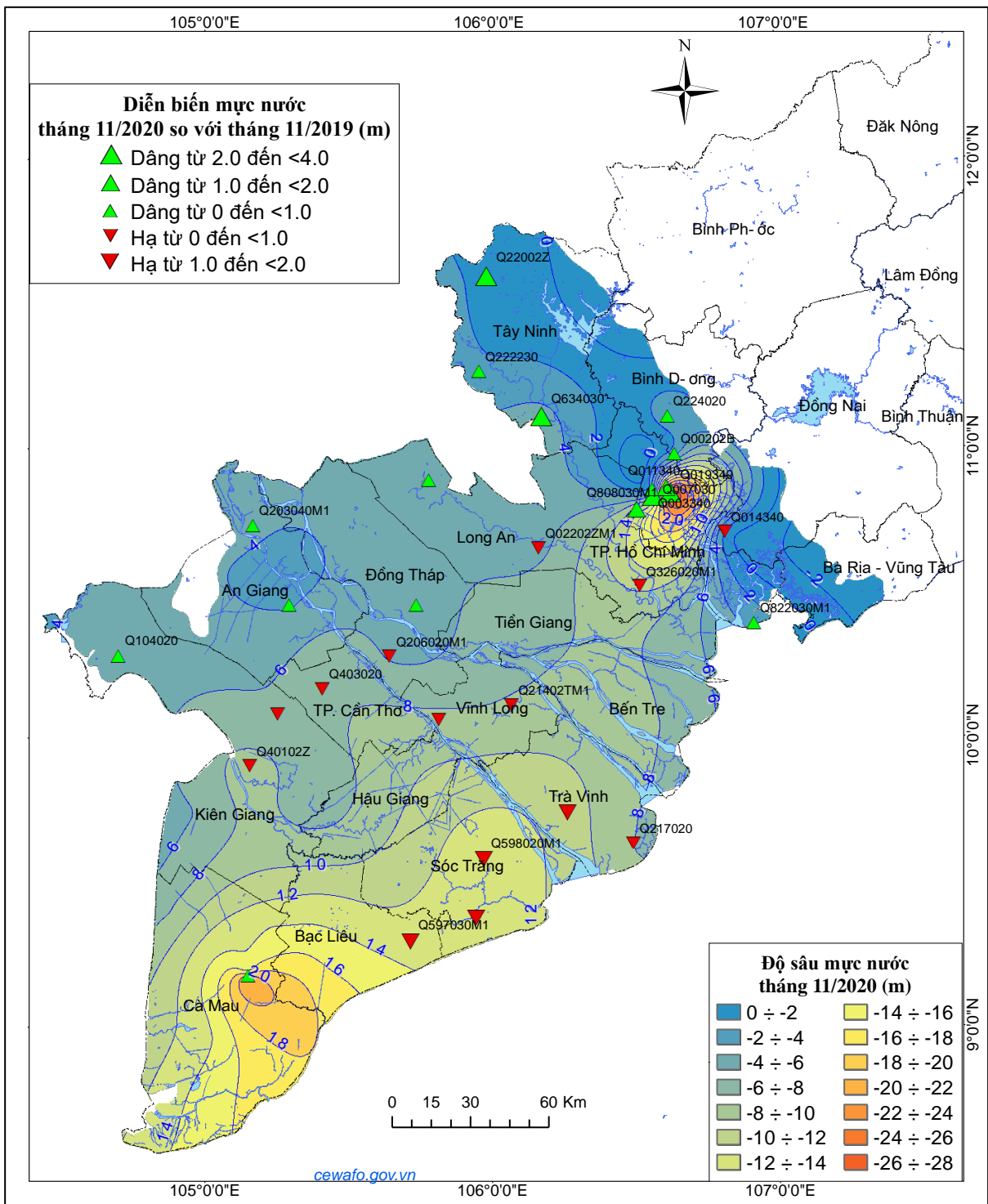
Diễn biến mực nước dưới đất trung bình tháng 11 so với cùng thời điểm 1 năm trước, 5 năm trước, 10 năm trước và 20 năm trước có xu thế hạ và được thể hiện chi tiết trong bảng 3, 4 và các hình 8, 9, 10, 11. Mực nước suy giảm lớn nhất so với cùng kỳ năm trước, 5 năm trước, 10 năm trước và 20 năm trước lần lượt là 1,80m; 3,12m; 5,06m và 9,72m tại huyện Vĩnh Châu, TP Sóc Trăng - tỉnh Sóc Trăng, TP. Sóc Trăng - tỉnh Sóc Trăng và huyện Bình Chánh, quận 12 - TP Hồ Chí Minh.

Bảng 3. Mực nước TB tháng cực trị qua các thời kỳ

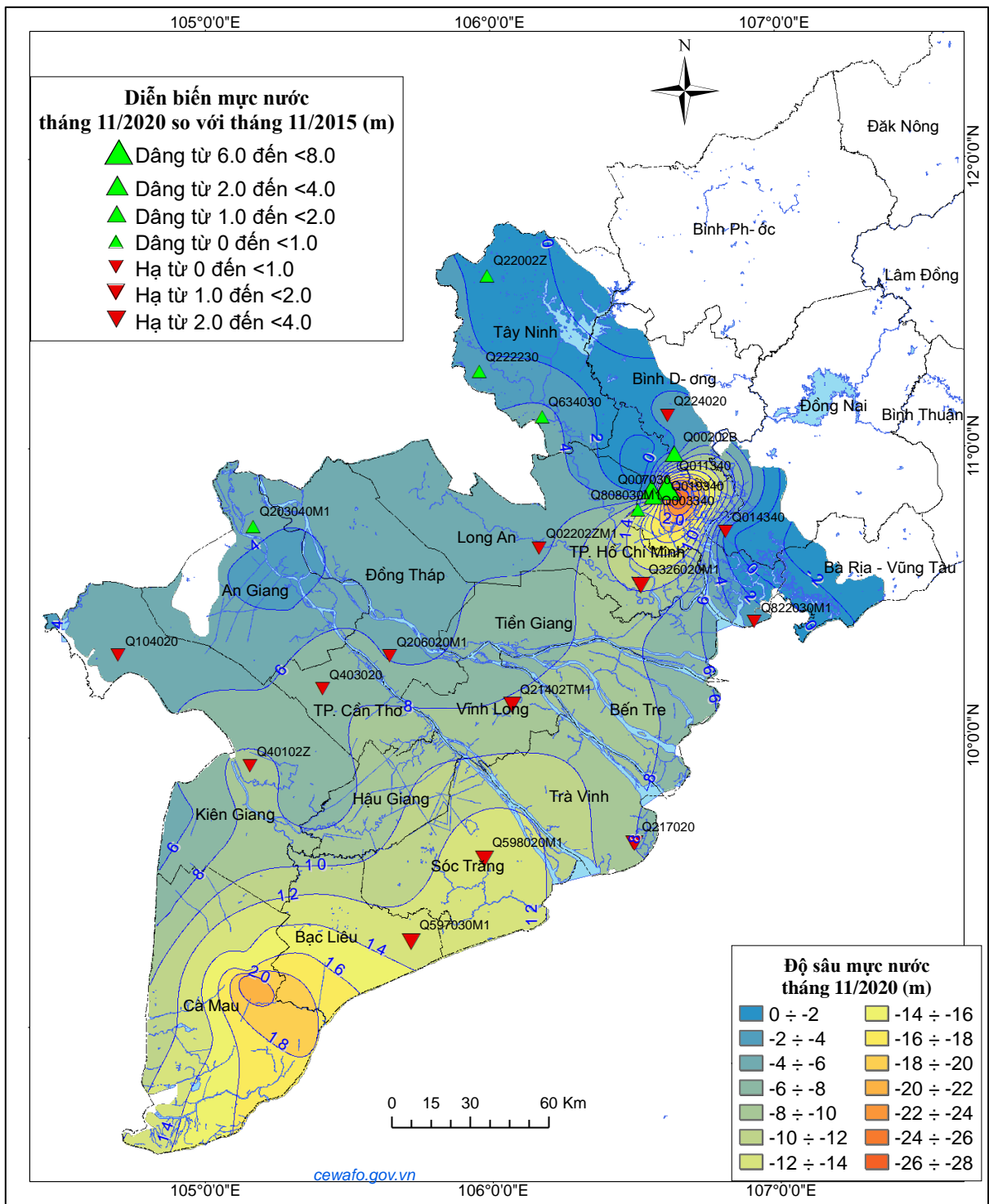
Thời gian	Mực nước TB tháng sâu nhất		Mực nước TB tháng nông nhất	
	Giá trị (m)	Địa điểm	Giá trị (m)	Địa điểm
Tháng 11 năm 2020	-26,08	phường Đông Hưng, Quận 12, TP.Hồ Chí Minh (Q019340)	-1,70	xã Tân Lập, huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh (Q22002Z)
1 năm trước (2019)	-29,49	phường Đông Hưng, Quận 12, TP.Hồ Chí Minh (Q019340)	-1,72	xã Phú Đông, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai (Q014340)
5 năm trước (2015)	-39,98	phường Đông Hưng, Quận 12, TP.Hồ Chí Minh (Q019340)	-1,75	xã Phú Đông, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai (Q014340)
10 năm trước (2010)	-36,01	phường Đông Hưng, Quận 12, TP.Hồ Chí Minh (Q019340)	-0,48	xã Phú Đông, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai (Q014340)
20 năm trước (2000)	-16,36	phường Đông Hưng, Quận 12, TP.Hồ Chí Minh (Q019340)	0,03	xã Phú Đông, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai (Q014340)

Bảng 4. Giá trị dâng, hạ mực nước qua các thời kỳ

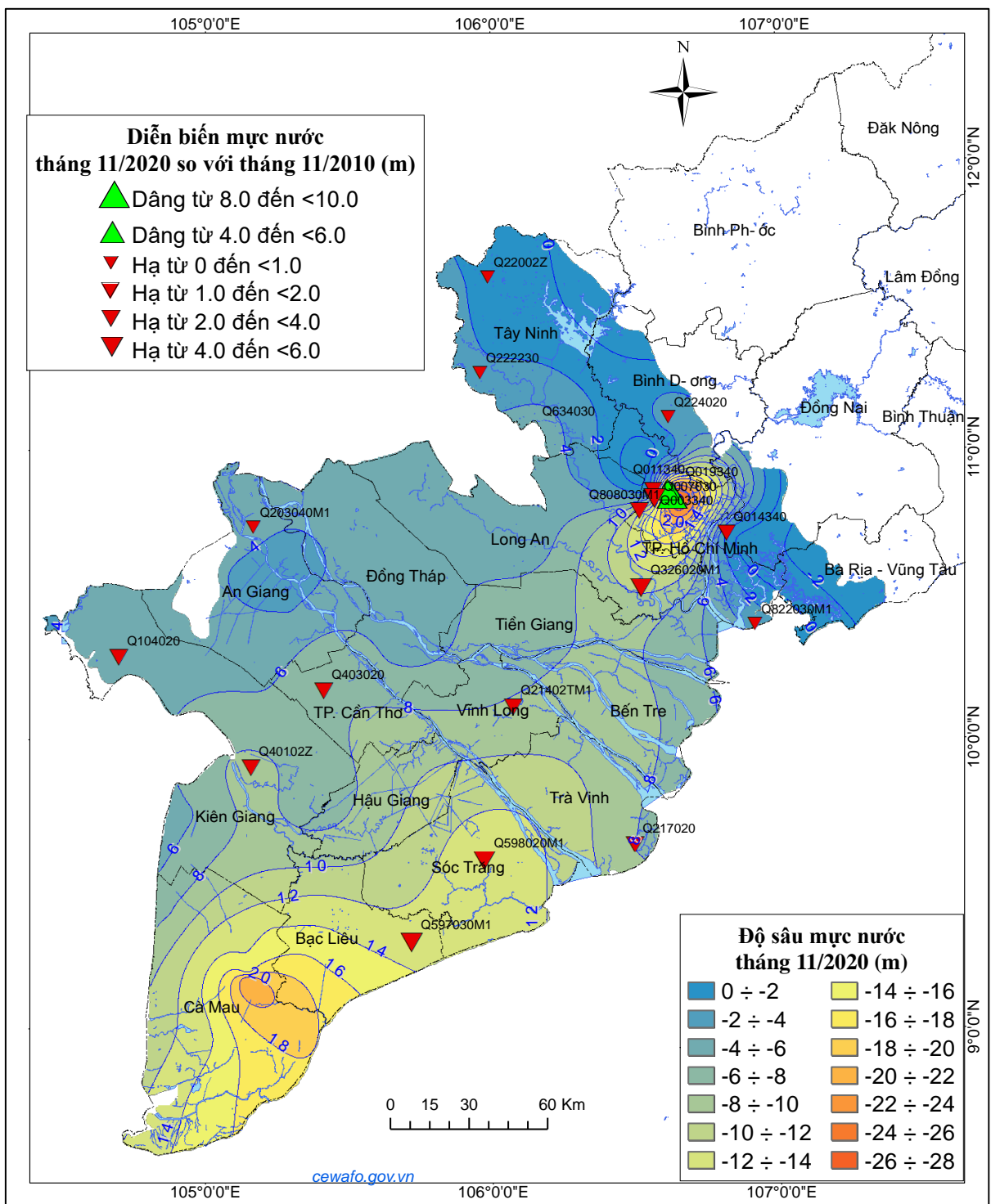
Thời gian	Xu thế chính	Giá trị hạ thấp nhất		Giá trị dâng cao nhất	
		Giá trị (m)	Địa điểm	Giá trị (m)	Địa điểm
1 năm trước (2019)	Hạ	1,80	xã Vĩnh Hiệp, huyện Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng (Q683030)	3,41	phường Đông Hưng, Quận 12, TP.Hồ Chí Minh (Q019340)
5 năm trước (2015)	Hạ	3,12	Phường 3, TP.Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng (Q598020M1)	13,90	phường Đông Hưng, Quận 12, TP.Hồ Chí Minh (Q019340)
10 năm trước (2010)	Hạ	5,06	Phường 3, TP.Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng (Q598020M1)	9,93	phường Đông Hưng, Quận 12, TP.Hồ Chí Minh (Q019340)
20 năm trước (2000)	Hạ	9,72	phường Đông Hưng, Quận 12, TP.Hồ Chí Minh (Q019340)	-	-



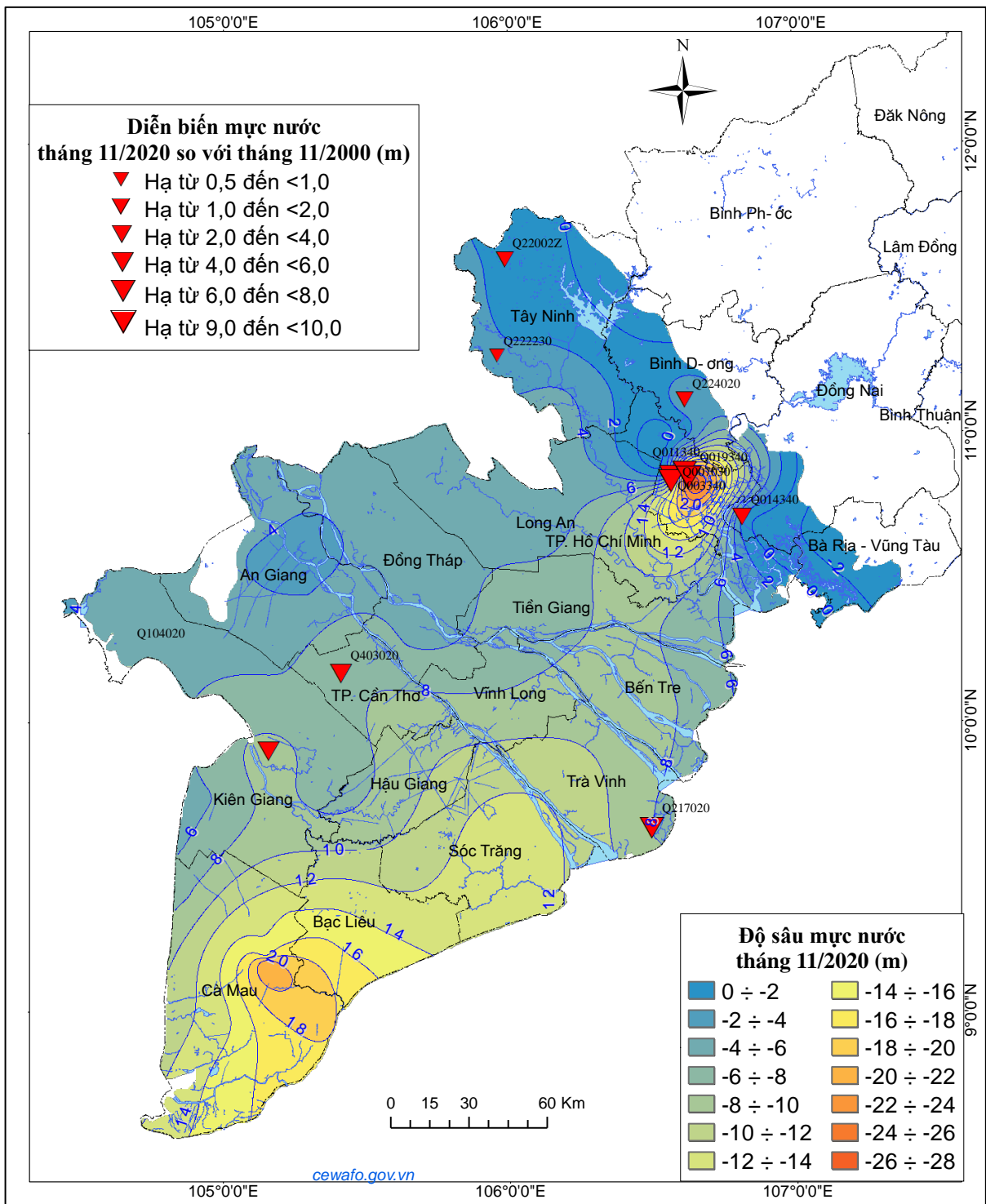
Hình 8. Sơ đồ diễn biến mực nước tháng 11 so với cùng kỳ năm trước



Hình 9. Sơ đồ diễn biến mực nước tháng 11 so với cùng kỳ 5 năm trước

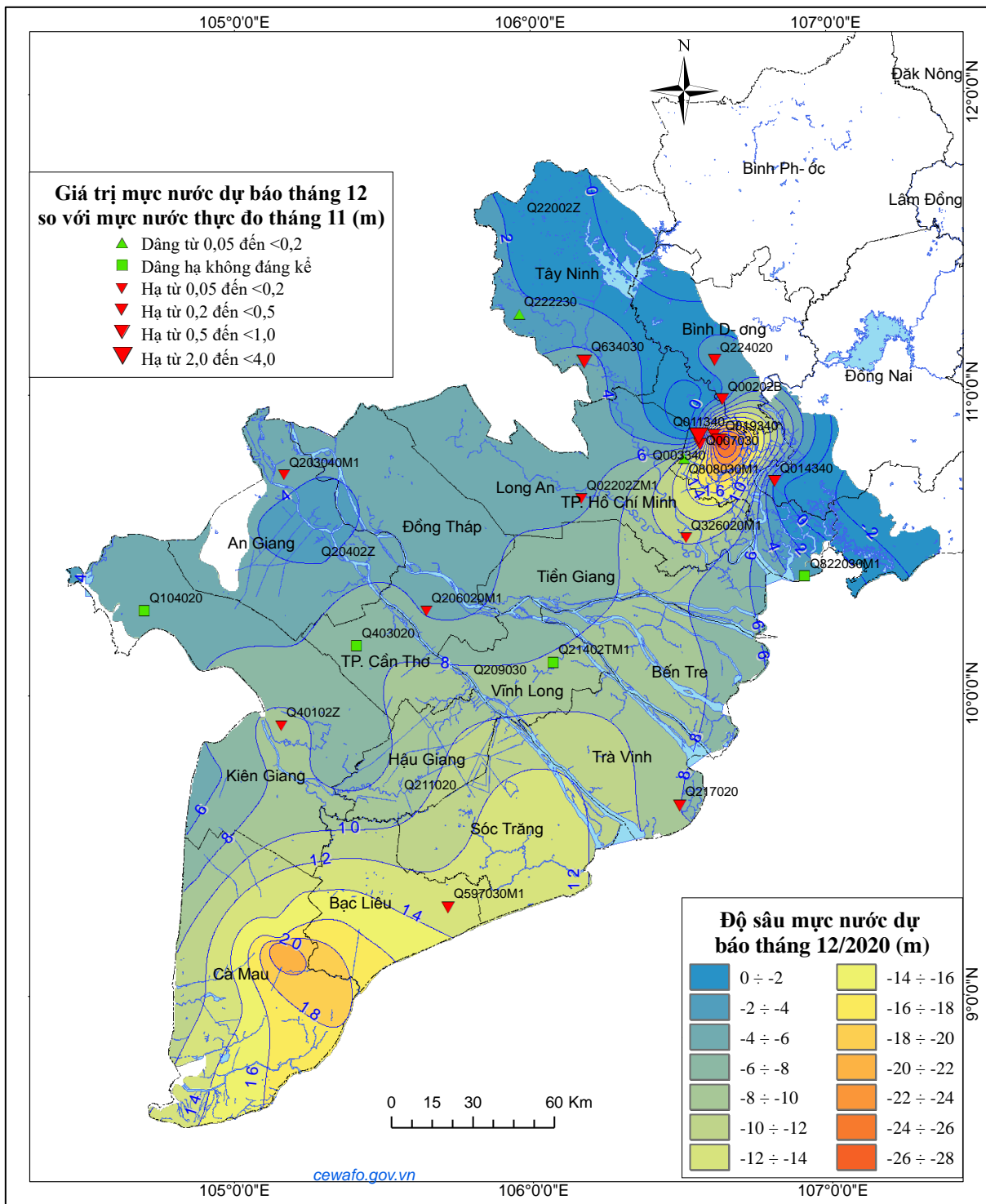


Hình 10. Sơ đồ diễn biến mực nước tháng 11 so với cùng kỳ 10 năm trước



Hình 11. Sơ đồ diễn biến mực nước tháng 11 so với cùng kỳ 20 năm trước

Dự báo diễn biến mực nước dưới đất tháng 12 có xu hướng hạ so với mực nước thực đo tháng 11 (xem hình 12), có 16/22 công trình mực nước hạ, 2/22 công trình mực nước dâng và 4/22 công trình mực nước dâng hạ không đáng kể. Mực nước dâng từ 0,05m đến 0,2m tập trung ở xã Thành Long, huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh và mực nước hạ từ 2 m đến 4m tập trung ở xã Xuân Thới Thượng, huyện Hóc Môn, TP.Hồ Chí Minh.

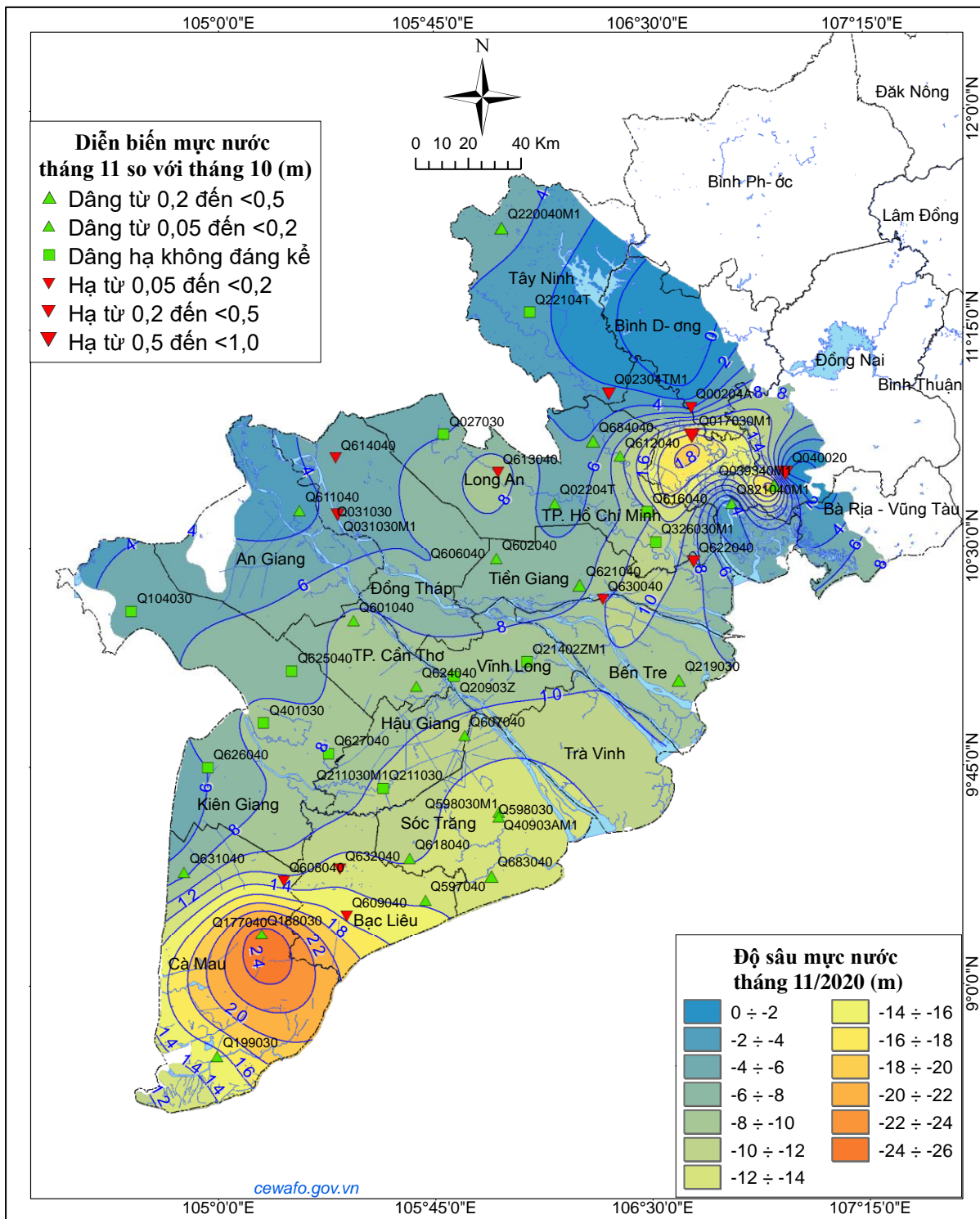


Hình 12. Sơ đồ dự báo diễn biến mực nước tầng qp₂₋₃

I.3. Tầng chứa nước Pleistocene hạ (qp₁)

Diễn biến mực nước dưới đất trung bình tháng 11 so với tháng 10 có xu thế dâng, có 25/49 công trình mực nước dâng, 12/49 công trình mực nước hạ và 12/49 công trình mực nước dâng hạ không đáng kể. Giá trị dâng cao nhất là 0,42m tại xã Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai (Q039030M1) và giá trị hạ thấp nhất là 0,64m tại phường Hiệp Thành, Quận 12, TP.Hồ Chí Minh (Q017030M1).

Trong tháng 11 : mực nước trung bình tháng sâu nhất là -25,29m tại Phường 5, Tp Cà Mau, tỉnh Cà Mau (Q188030). Mực nước trung bình tháng nông nhất là -1,51m tại xã Long An, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai (Q040020).



Hình 13. Sơ đồ diễn biến mực nước tháng 11 năm 2020 tầng q₁

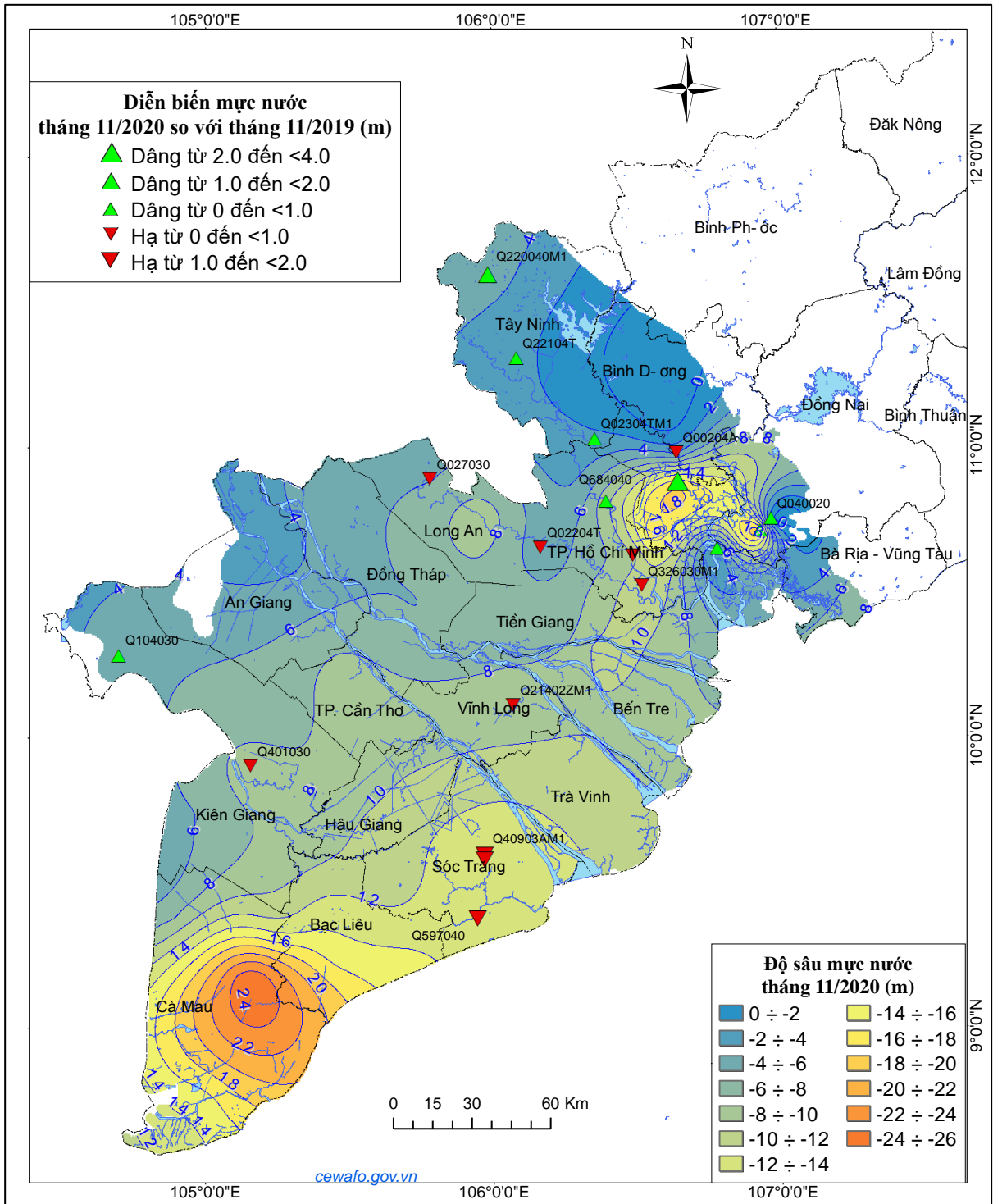
Diễn biến mực nước dưới đất trung bình tháng 11 so với cùng thời điểm 1 năm trước, 5 năm trước, 10 năm trước và 20 năm trước có xu thế hạ và được thể hiện chi tiết trong bảng 5, 6 và các hình 14, 15, 16, 17. Mực nước suy giảm lớn nhất so với cùng kỳ năm trước, 5 năm trước, 10 năm trước và 20 năm trước lần lượt là 1,64m; 2,77m, 4,49m và 5,77m tại huyện Vĩnh Châu; TP. Sóc Trăng- tỉnh Sóc Trăng và huyện Châu Thành - tỉnh Kiên Giang.

Bảng 5. Mực nước TB tháng cực trị qua các thời kỳ

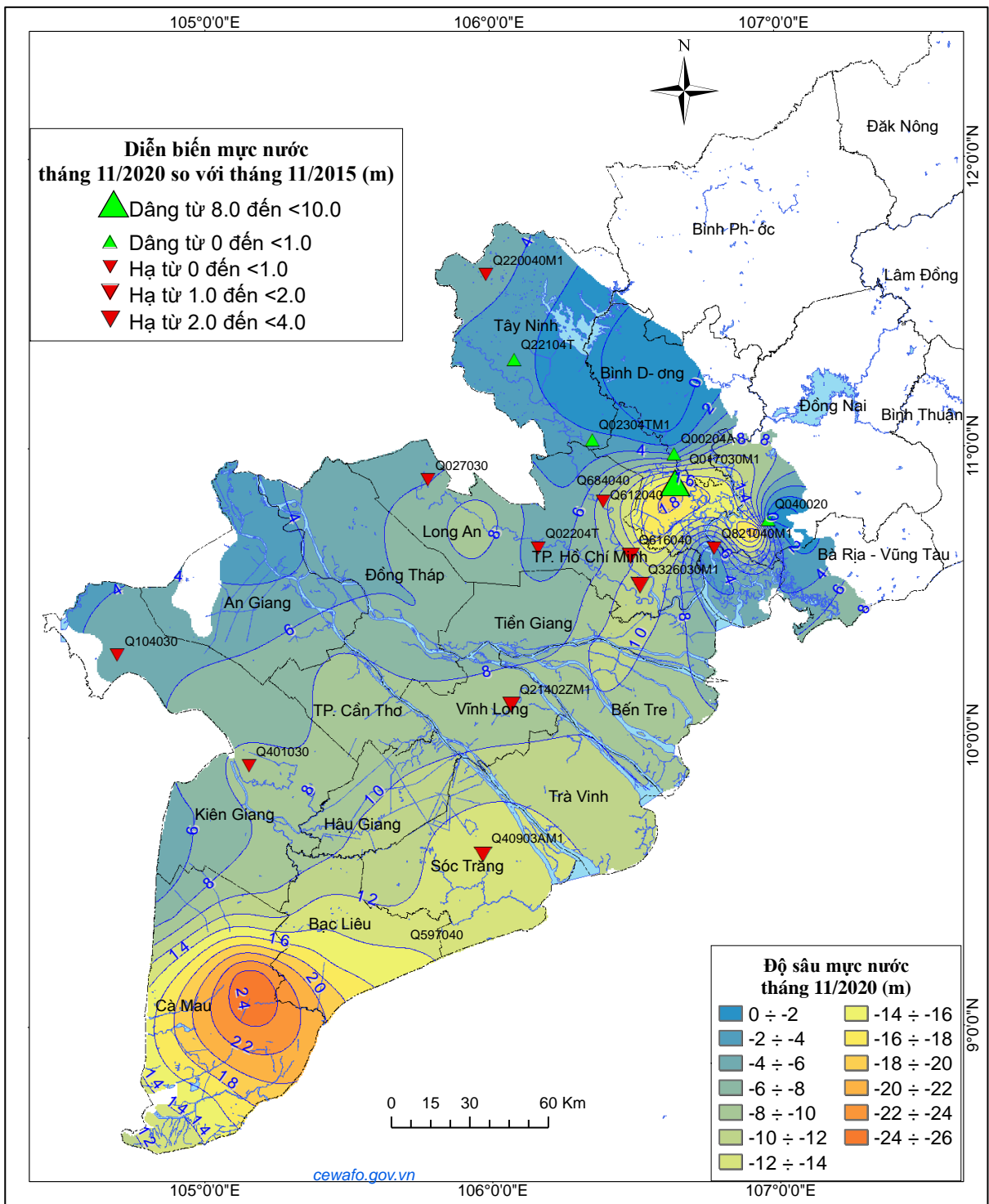
Thời gian	Mực nước TB tháng sâu nhất		Mực nước TB tháng nông nhất	
	Giá trị (m)	Địa điểm	Giá trị (m)	Địa điểm
Tháng 11 năm 2020	-25,29	Phường 5, Tp Cà Mau, tỉnh Cà Mau (Q188030)	-1,51	xã Long An, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai (Q040020)
1 năm trước (2019)	-25,33	Phường 5, Tp Cà Mau, tỉnh Cà Mau (Q188030)	-1,58	xã Long An, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai (Q040020)
5 năm trước (2015)	-24,98	phường Hiệp Thành, Quận 12, TP.Hồ Chí Minh (Q017030M1)	-1,58	xã Long An, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai (Q040020)
10 năm trước (2010)	-9,03	Phường 3, TP.Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng (Q40903AM1)	-1,09	xã Long An, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai (Q040020)
20 năm trước (2000)	-2,93	TT Minh Lương, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang (Q401030)	-0,24	xã Long An, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai (Q040020)

Bảng 6. Giá trị dâng, hạ mực nước qua các thời kỳ

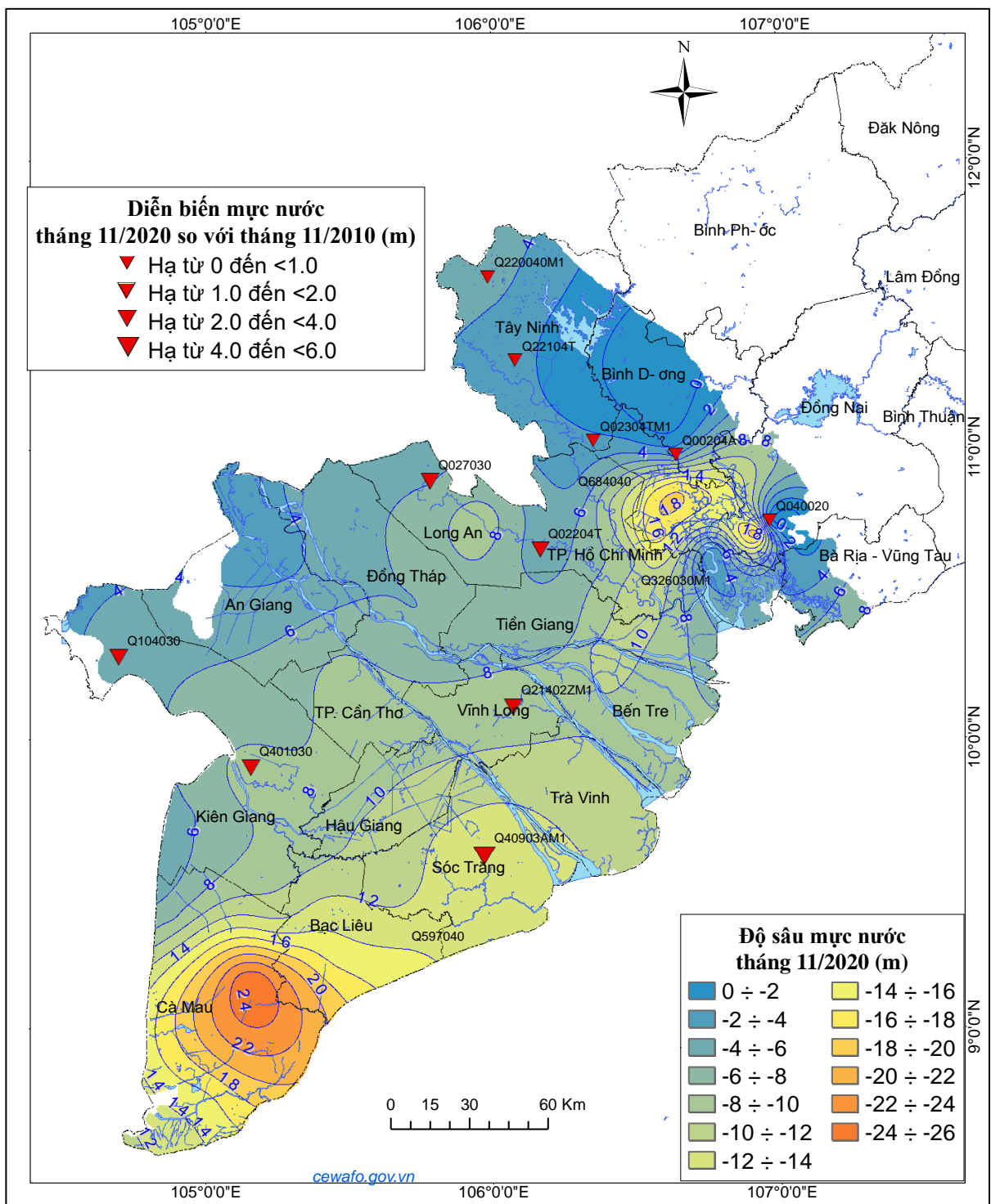
Thời gian	Xu thế chính	Giá trị hạ thấp nhất		Giá trị dâng cao nhất	
		Giá trị (m)	Địa điểm	Giá trị (m)	Địa điểm
1 năm trước (2019)	Hạ	1,64	xã Vĩnh Hiệp, huyện Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng (Q683040)	3,64	phường Hiệp Thành, Quận 12, TP.Hồ Chí Minh (Q017030M1)
5 năm trước (2015)	Hạ	2,77	Phường 3, TP.Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng (Q40903AM1)	8,05	phường Hiệp Thành, Quận 12, TP.Hồ Chí Minh (Q017030M1)
10 năm trước (2010)	Hạ	4,49	Phường 3, TP.Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng (Q40903AM1)	-	-
20 năm trước (2000)	Hạ	5,77	TT Minh Lương, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang (Q401030)	-	-



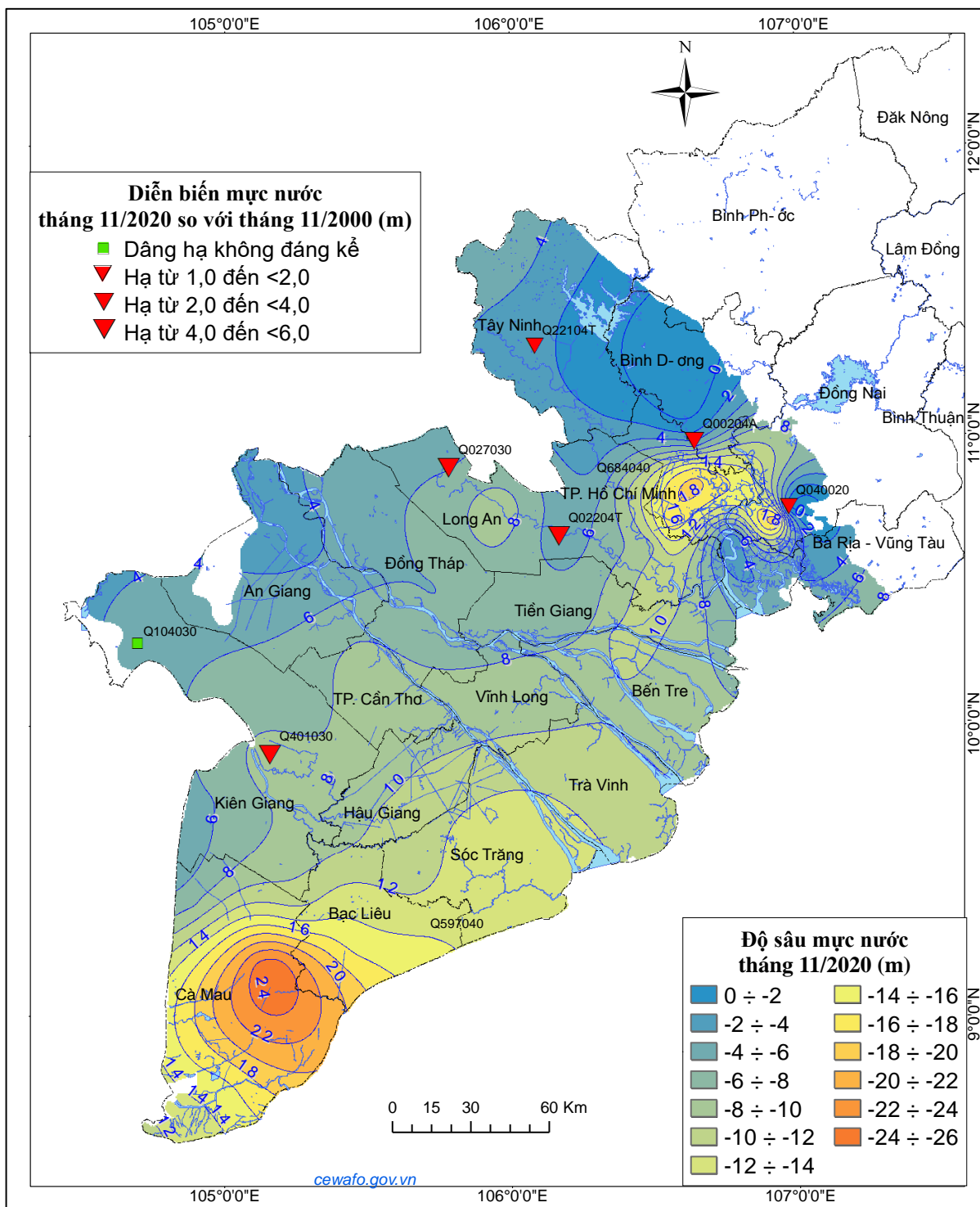
Hình 14. Sơ đồ diễn biến mực nước tháng 11 so với cùng kỳ năm trước



Hình 15. Sơ đồ diễn biến mực nước tháng 11 so với cùng kỳ 5 năm trước

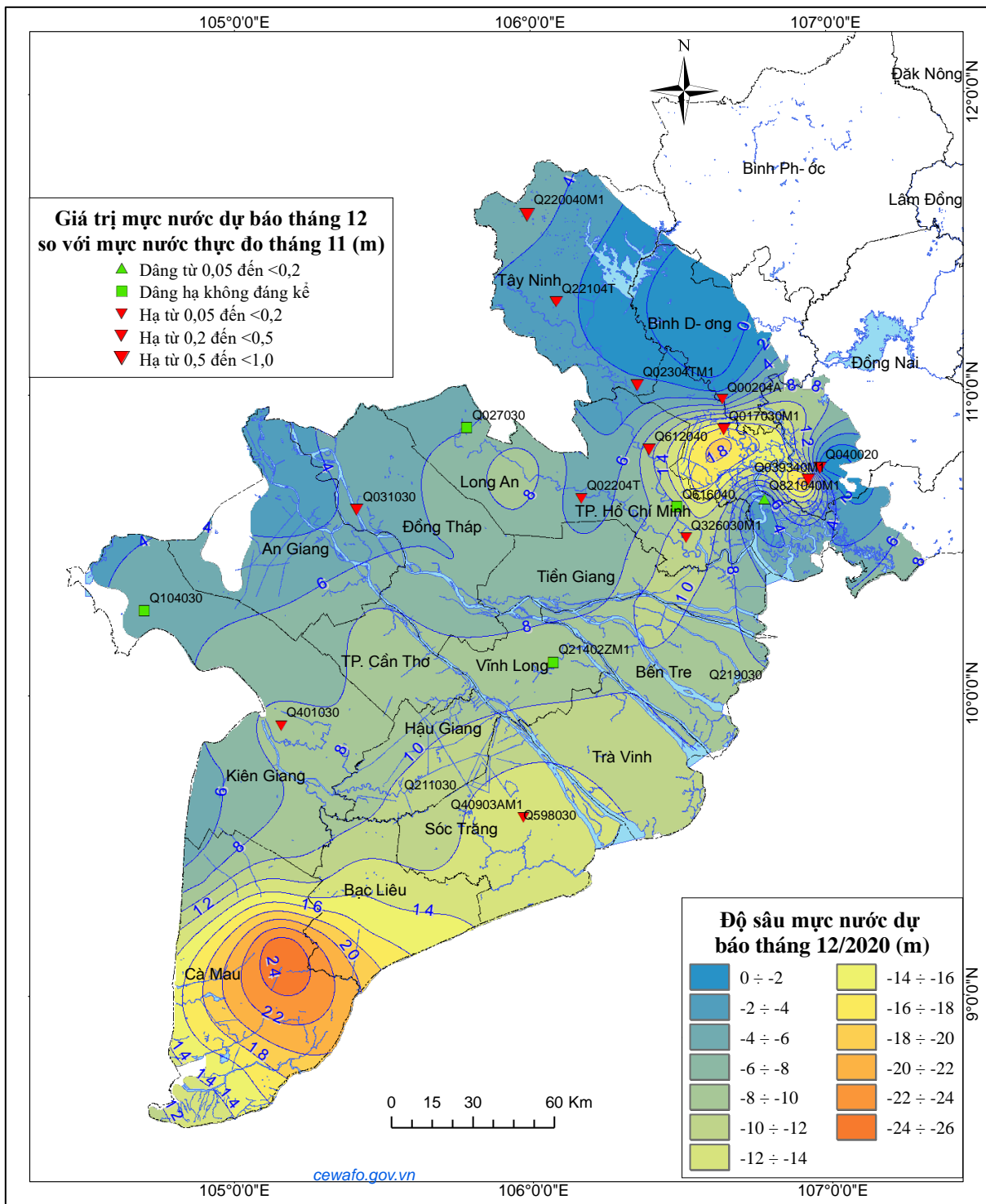


Hình 16. Sơ đồ diễn biến mực nước tháng 11 so với cùng kỳ 10 năm trước



Hình 17. Sơ đồ diễn biến mực nước tháng 11 so với cùng kỳ 20 năm trước

Dự báo diễn biến mực nước dưới đất tháng 12 có xu hướng hạ so với mực nước thực đo tháng 11 (xem hình 18), có 14/19 công trình mực nước hạ, 1/19 công trình mực nước dâng và 4/19 công trình mực nước dâng hạ không đáng kể. Mực nước dâng từ 0,05m đến 0,2m tập trung ở xã Bình Khánh, huyện Cần Giờ, TP. Hồ Chí Minh và mực nước hạ từ 0,5m đến 1,0m tập trung ở xã Tân Lập, huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh.

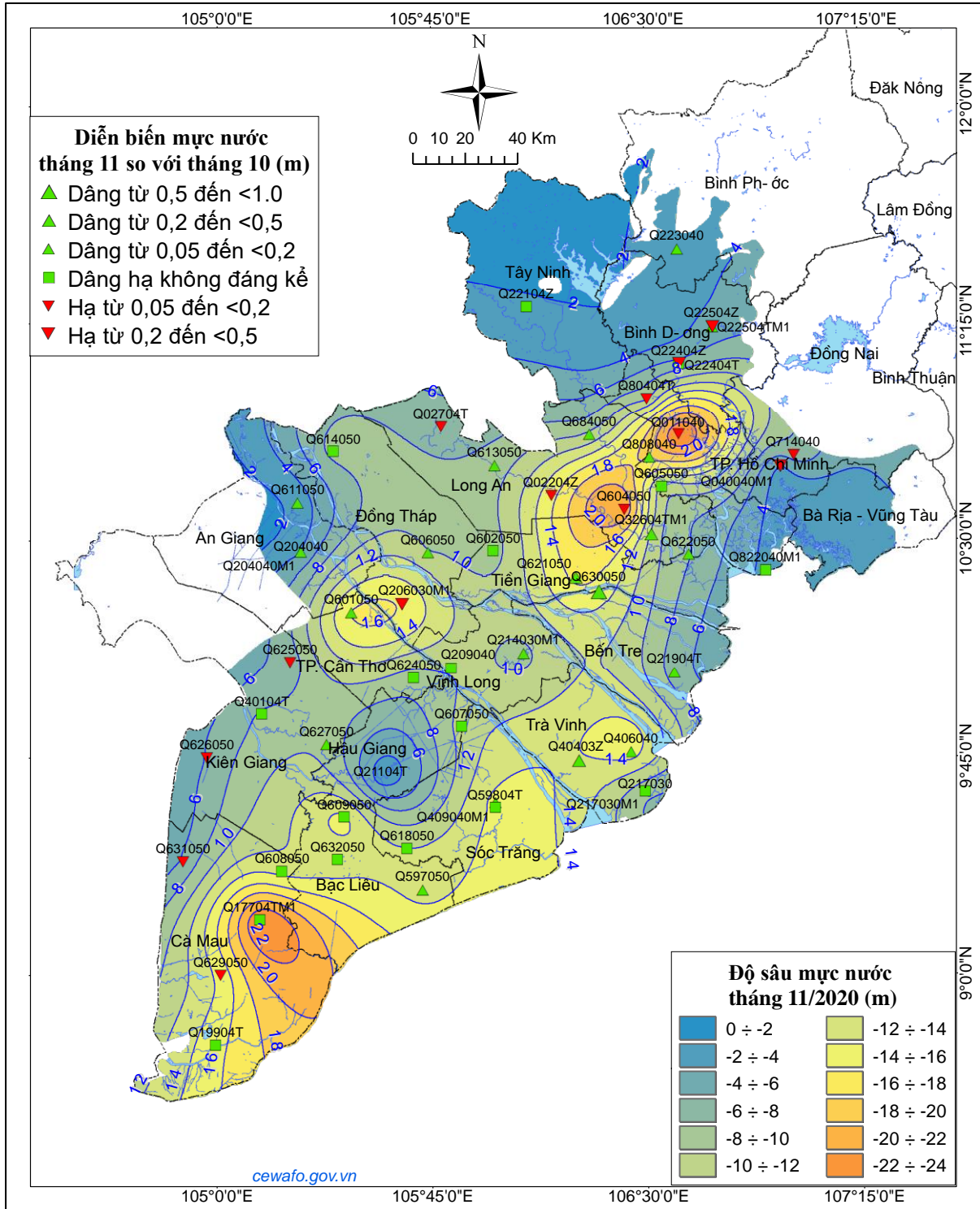


Hình 18. Sơ đồ dự báo diễn biến mực nước tầng q₁

I.4. Tầng chứa nước Pliocene trung (n₂²)

Diễn biến mực nước dưới đất trung bình tháng 11 so với tháng 10 có xu thế dâng là chính, có 22/52 công trình mực nước dâng, 11/52 công trình mực nước hạ và 19/52 công trình mực nước dâng hạ không đáng kể. Giá trị dâng cao nhất là 0,54m tại xã An Khánh, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre (Q630050) và giá trị hạ thấp nhất là 0,47m tại xã Phước Hòa, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương (Q22504Z).

Trong tháng 11: mực nước trung bình tháng sâu nhất là -23,67m tại phường Trung Mỹ Tây, Quận 12, TP.Hồ Chí Minh (Q011040). Mực nước trung bình tháng nông nhất là -2,26m tại Phường 1, TX Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh (Q22104Z).



Hình 19. Sơ đồ diễn biến mực nước tháng 11 năm 2020 tầng n_2^2

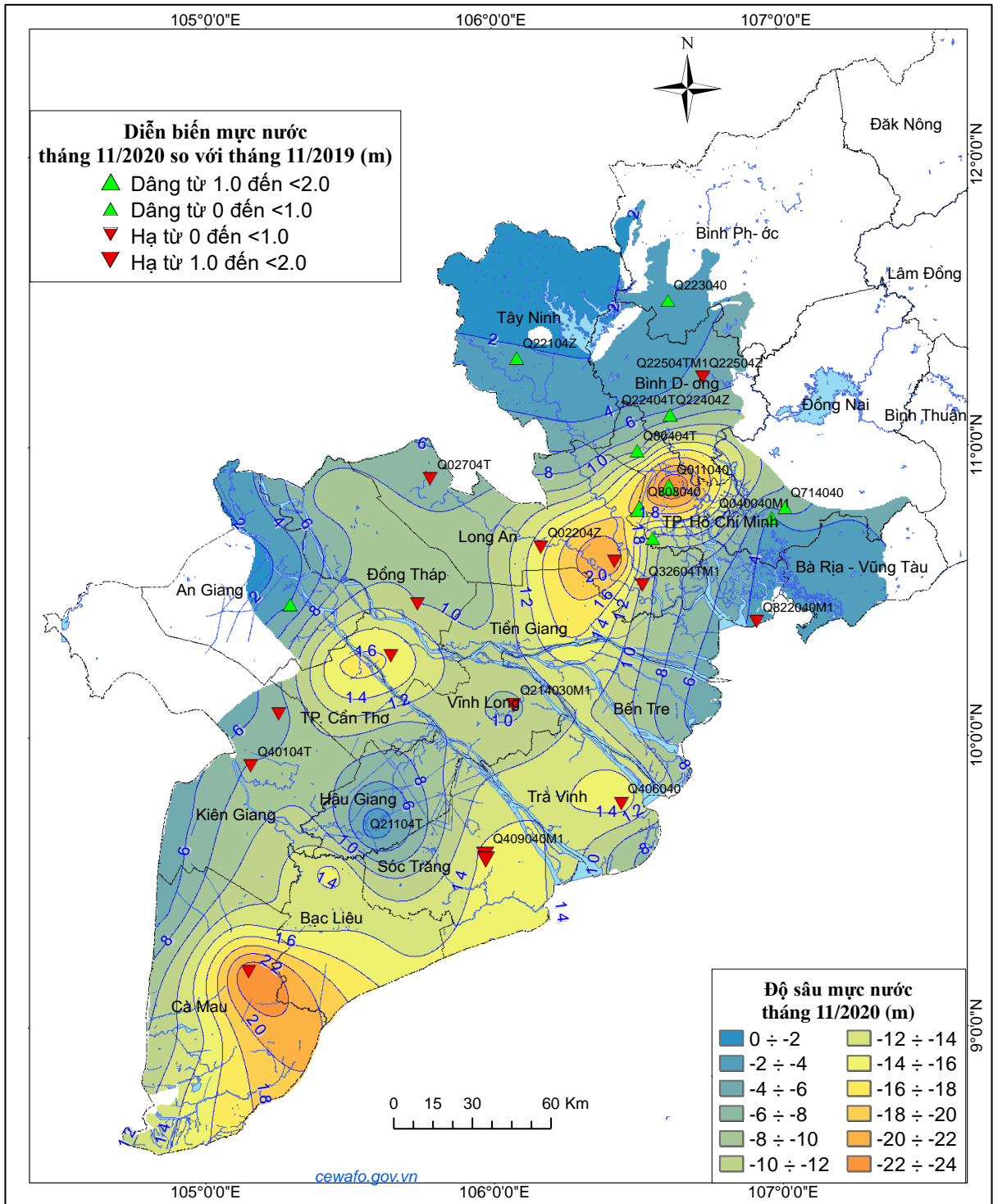
Diễn biến mực nước dưới đất trung bình tháng 11 so với cùng thời điểm 1 năm trước, 5 năm trước, 10 năm trước và 20 năm trước có xu thế hạ và được thể hiện chi tiết trong bảng 7, 8 và các hình 20, 21, 22, 23. Mực nước suy giảm lớn nhất so với cùng kỳ năm trước, 5 năm trước, 10 năm trước và 20 năm trước lần lượt là 1,27m; 3,55m; 7,76m và 8,86m tập trung ở TP. Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng, huyện Lai Vung - tỉnh Đồng Tháp, huyện Thạnh Hóa - tỉnh Long An và quận 12 - TP Hồ Chí Minh.

Bảng 7. Mực nước TB tháng cực trị qua các thời kỳ

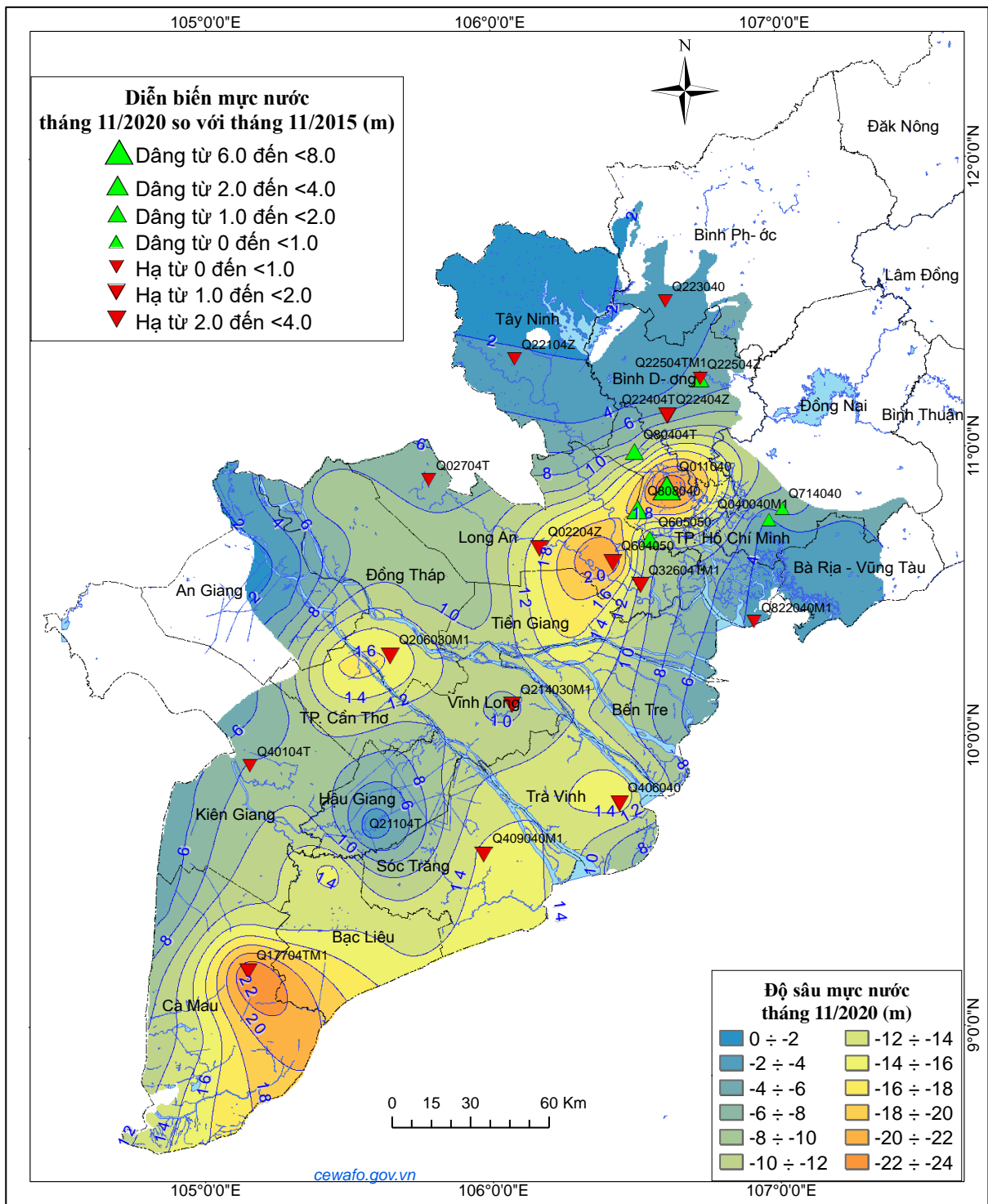
Thời gian	Mực nước TB tháng sâu nhất		Mực nước TB tháng nông nhất	
	Giá trị (m)	Địa điểm	Giá trị (m)	Địa điểm
Tháng 11 năm 2020	-23,67	phường Trung Mỹ Tây, Quận 12, TP.Hồ Chí Minh (Q011040)	-2,26	Phường 1, TX Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh (Q22104Z)
1 năm trước (2019)	-24,73	phường Trung Mỹ Tây, Quận 12, TP.Hồ Chí Minh (Q011040)	-2,88	xã Phước Hòa, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương (Q22504TM1)
5 năm trước (2015)	-30,24	phường Trung Mỹ Tây, Quận 12, TP.Hồ Chí Minh (Q011040)	-2,13	Phường 1, TX Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh (Q22104Z)
10 năm trước (2010)	-27,94	phường Trung Mỹ Tây, Quận 12, TP.Hồ Chí Minh (Q011040)	-1,61	xã Long Hòa, huyện Cần Giò, TP.Hồ Chí Minh (Q822040M1)
20 năm trước (2000)	-14,81	phường Trung Mỹ Tây, Quận 12, TP.Hồ Chí Minh (Q011040)	-0,43	Phường 1, TX Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh (Q22104Z)

Bảng 8. Giá trị dâng, hạ mực nước qua các thời kỳ

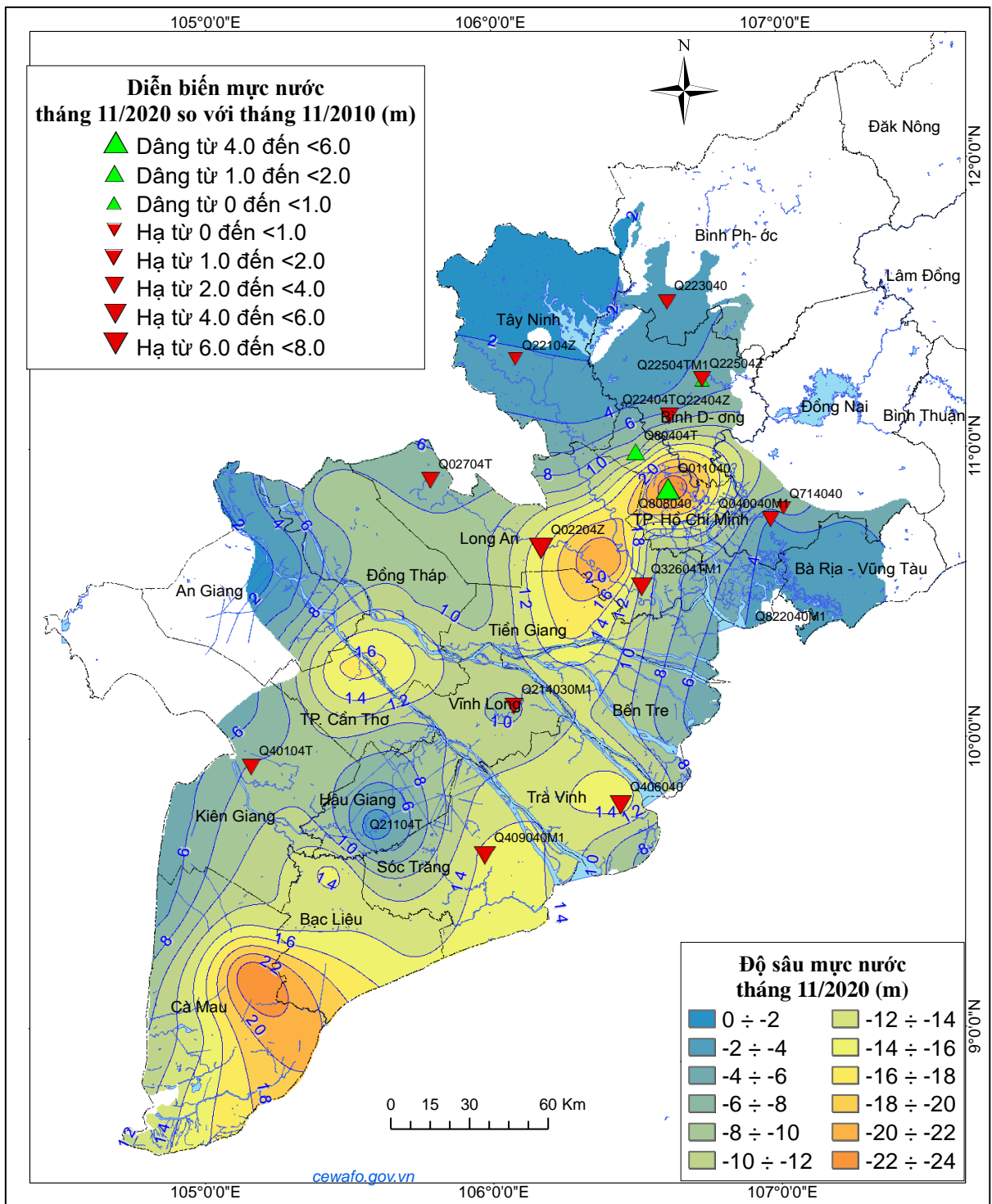
Thời gian	Xu thế chính	Giá trị hạ thấp nhất		Giá trị dâng cao nhất	
		Giá trị (m)	Địa điểm	Giá trị (m)	Địa điểm
1 năm trước (2019)	Hạ	1,27	Phường 3, TP.Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng (Q59804T)	1,28	xã Lê Minh Xuân, huyện Bình Chánh, TP.Hồ Chí Minh (Q808040)
5 năm trước (2015)	Hạ	3,55	xã Hòa Long, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp (Q206030M1)	6,57	phường Trung Mỹ Tây, Quận 12, TP.Hồ Chí Minh (Q011040)
10 năm trước (2010)	Hạ	7,76	TT Thạnh Hóa, huyện Thạnh Hóa, tỉnh Long An (Q02204Z)	4,27	phường Trung Mỹ Tây, Quận 12, TP.Hồ Chí Minh (Q011040)
20 năm trước (2000)	Hạ	8,86	phường Trung Mỹ Tây, Quận 12, TP.Hồ Chí Minh (Q011040)	-	-



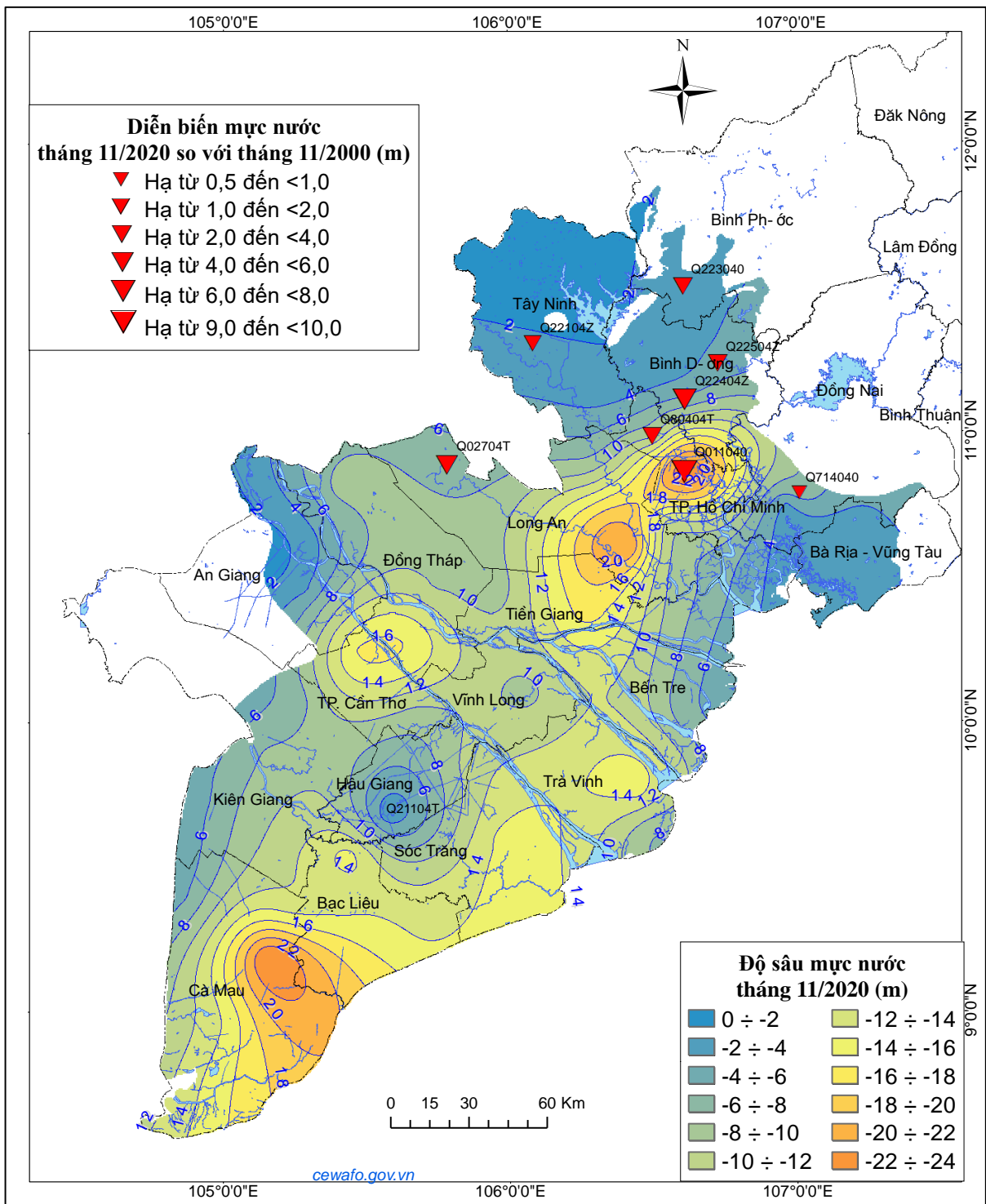
Hình 20. Sơ đồ diễn biến mực nước tháng 11 so với cùng kỳ năm trước



Hình 21. Sơ đồ diễn biến mực nước tháng 11 so với cùng kỳ 5 năm trước

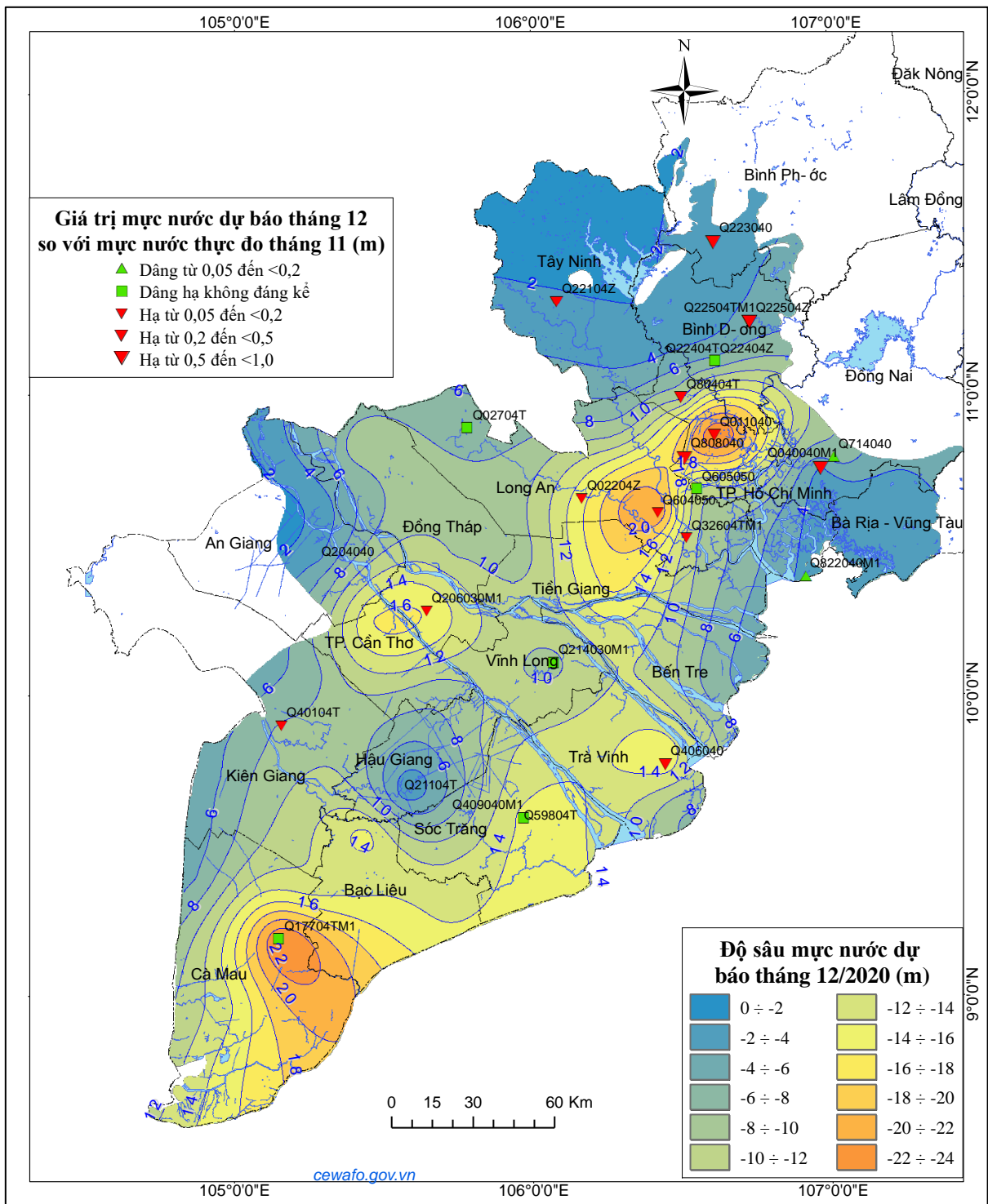


Hình 22. Sơ đồ diễn biến mực nước tháng 11 so với cùng kỳ 10 năm trước



Hình 23. Sơ đồ diễn biến mực nước tháng 11 so với cùng kỳ 20 năm trước

Dự báo diễn biến mực nước dưới đất tháng 12 có xu hướng hạ so với mực nước thực đo tháng 11 (xem hình 24), có 14/23 công trình mực nước hạ, 2/23 công trình mực nước dâng và 7/23 công trình mực nước dâng hạ không đáng kể. Mực nước dâng từ 0,05m đến 0,2m tập trung ở xã Bình Sơn, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai, xã Long Hòa, huyện Cần Giò, TP. Hồ Chí Minh. Mực nước hạ từ 0,5m đến 1m tập trung ở xã Lê Minh Xuân, huyện Bình Chánh, TP. Hồ Chí Minh.

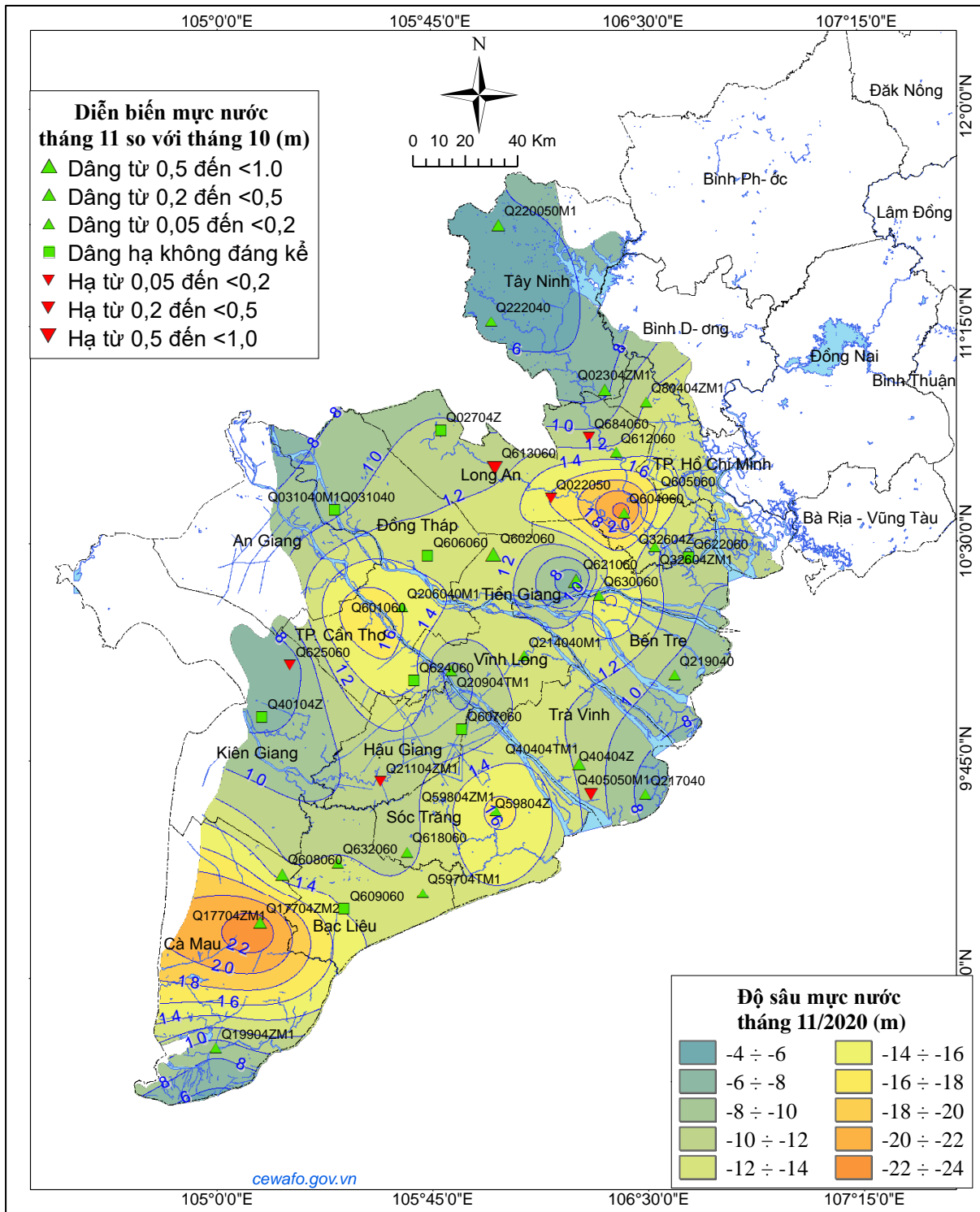


Hình 24. Sơ đồ dự báo diễn biến mực nước tầng n_2^2

I.5. Tầng chứa nước Pliocene hạ (n_2^1)

Diễn biến mực nước dưới đất trung bình tháng 11 so với tháng 10 có xu thế dâng, có 24/40 công trình mực nước dâng, 5/40 công trình mực nước hạ và 10/40 công trình mực nước dâng hạ không đáng kể. Giá trị dâng cao nhất là 0,54m tại xã Đông Hòa, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang (Q621060) và giá trị hạ thấp nhất là 0,74m tại xã Bình Hòa Trung, huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An (Q613060).

Trong tháng 11 : mực nước trung bình tháng sâu nhất là -22,72m tại Phường 9, TP.Cà Mau, tỉnh Cà Mau (Q17704ZM1). Mực nước trung bình tháng nông nhất là -5,33m tại xã Thành Long, huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh (Q222040)



Hình 25. Sơ đồ diễn biến mực nước tháng 11 năm 2020 tầng n_2^1

Diễn biến mực nước dưới đất trung bình tháng 11 so với cùng thời điểm 1 năm trước, 5 năm trước, 10 năm trước và 20 năm trước có xu thế hạ và được thể hiện chi tiết trong bảng 9, 10 và các hình 26, 27, 28, 29. Mực nước suy giảm lớn nhất so với cùng kỳ năm trước, 5 năm trước, 10 năm trước và 20 năm trước lần lượt là 1,48m;

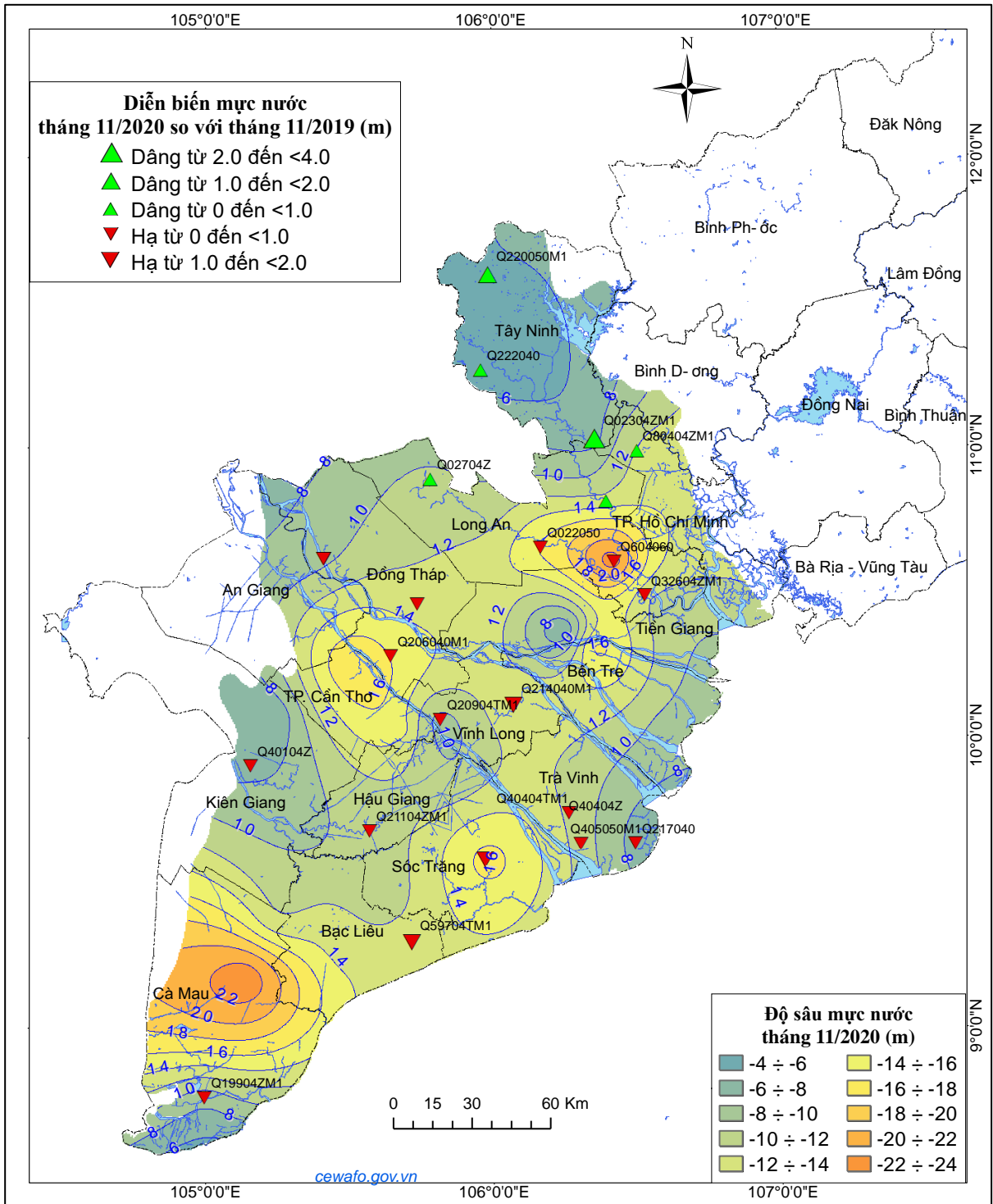
4,00m; 8,52m và 9,64m tại huyện Măng Thít, tỉnh Vĩnh Long, huyện Thạnh Hóa, tỉnh Long An, huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An.

Bảng 9. Mức nước TB tháng cực trị qua các thời kỳ

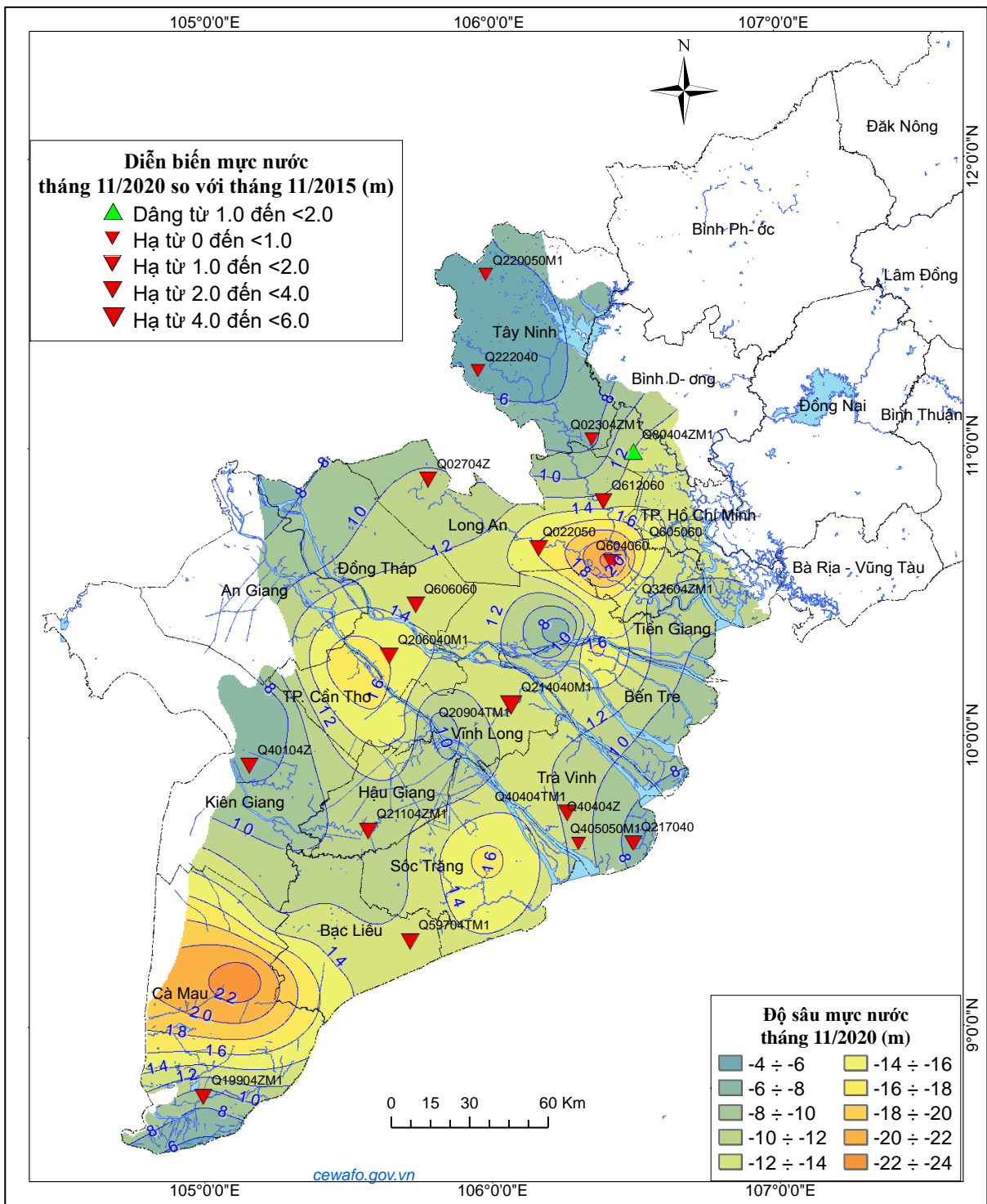
Thời gian	Mức nước TB tháng sâu nhất		Mức nước TB tháng nông nhất	
	Giá trị (m)	Địa điểm	Giá trị (m)	Địa điểm
Tháng 11 năm 2020	-22,72	Phường 9, TP.Cà Mau, tỉnh Cà Mau (Q17704ZM1)	-5,33	xã Thành Long, huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh (Q222040)
1 năm trước (2019)	-22,36	xã Nhị Thành, huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An (Q604060)	-5,84	xã Thành Long, huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh (Q222040)
5 năm trước (2015)	-23,97	TT Tân Túc, huyện Bình Chánh, TP.Hồ Chí Minh (Q605060)	-4,67	xã Thành Long, huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh (Q222040)
10 năm trước (2010)	-14,87	xã Nhị Thành, huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An (Q604060)	-3,69	phường 1, TX Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh (Q217040)
20 năm trước (2000)	-2,58	xã Thành Long, huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh (Q222040)	-0,80	TT Vĩnh Hưng, huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An (Q02704Z)

Bảng 10. Giá trị dâng, hạ mức nước qua các thời kỳ

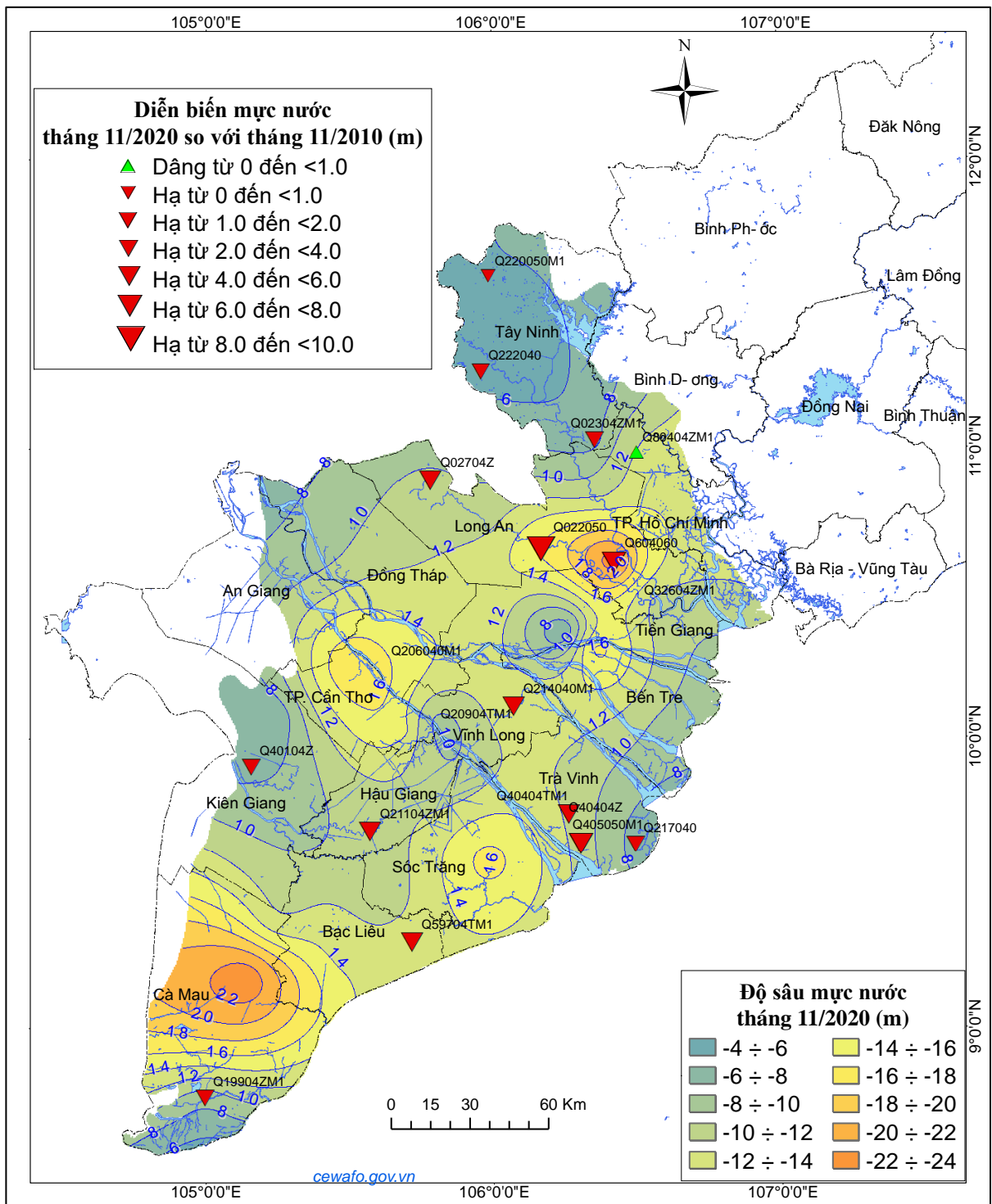
Thời gian	Xu thế chính	Giá trị hạ thấp nhất		Giá trị dâng cao nhất	
		Giá trị (m)	Địa điểm	Giá trị (m)	Địa điểm
1 năm trước (2019)	Hạ	1,48	xã Tân Long Hội, huyện Măng Thít, tỉnh Vĩnh Long (Q214040M1)	3,50	TT Trảng Bàng, huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh (Q02304ZM1)
5 năm trước (2015)	Hạ	4,00	xã Tân Long Hội, huyện Măng Thít, tỉnh Vĩnh Long (Q214040M1)	1,47	xã Đồng Dù, huyện Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh (Q80404ZM1)
10 năm trước (2010)	Hạ	8,52	TT Thạnh Hóa, huyện Thạnh Hóa, tỉnh Long An (Q022050)	0,49	xã Đồng Dù, huyện Củ Chi, TP.Hồ Chí Minh (Q80404ZM1)
20 năm trước (2000)	Hạ	9,64	TT Vĩnh Hưng, huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An (Q02704Z)	-	-



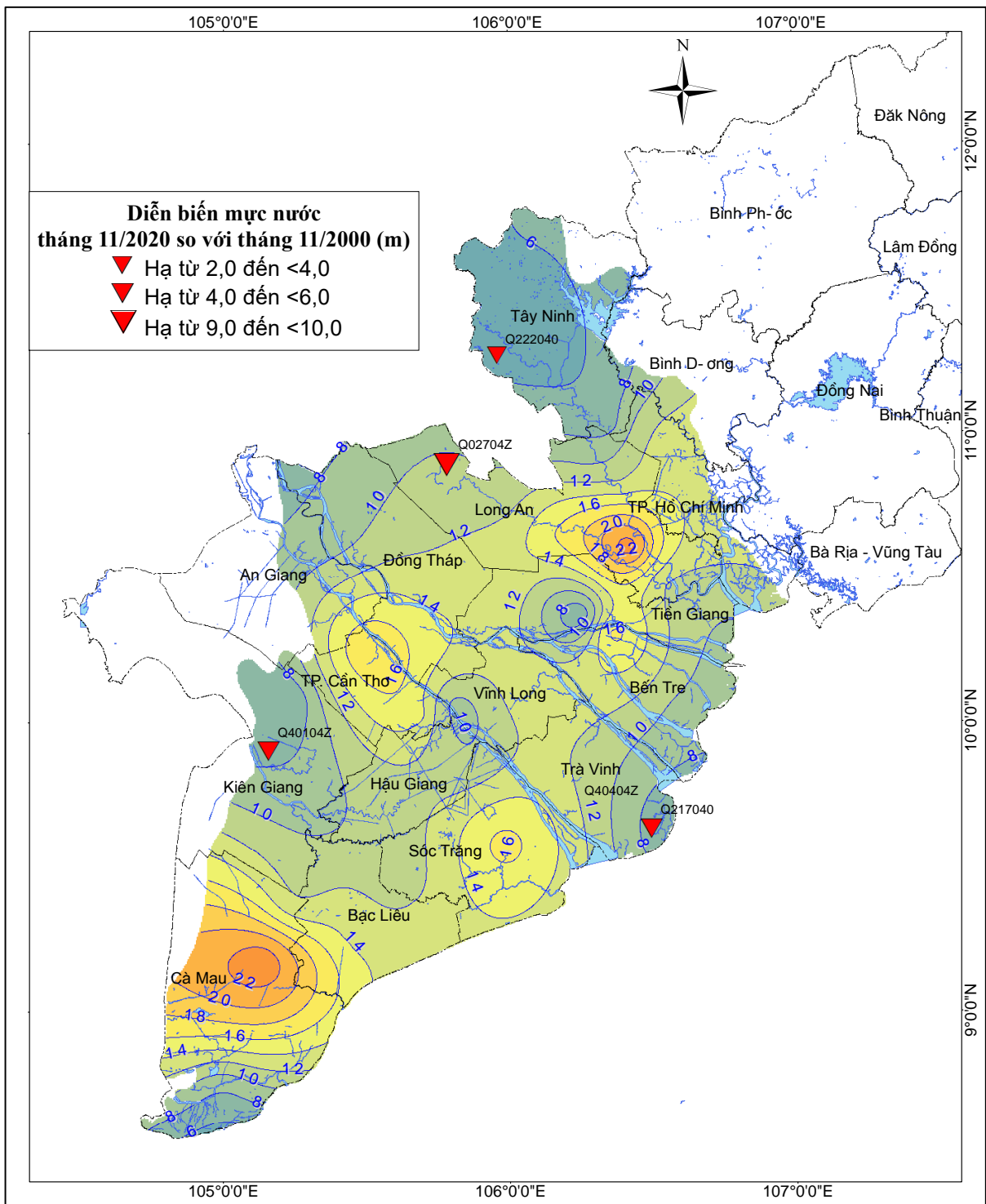
Hình 26. Sơ đồ diễn biến mực nước tháng 11 so với cùng kỳ năm trước



Hình 27. Sơ đồ diễn biến mực nước tháng 11 so với cùng kỳ 5 năm trước

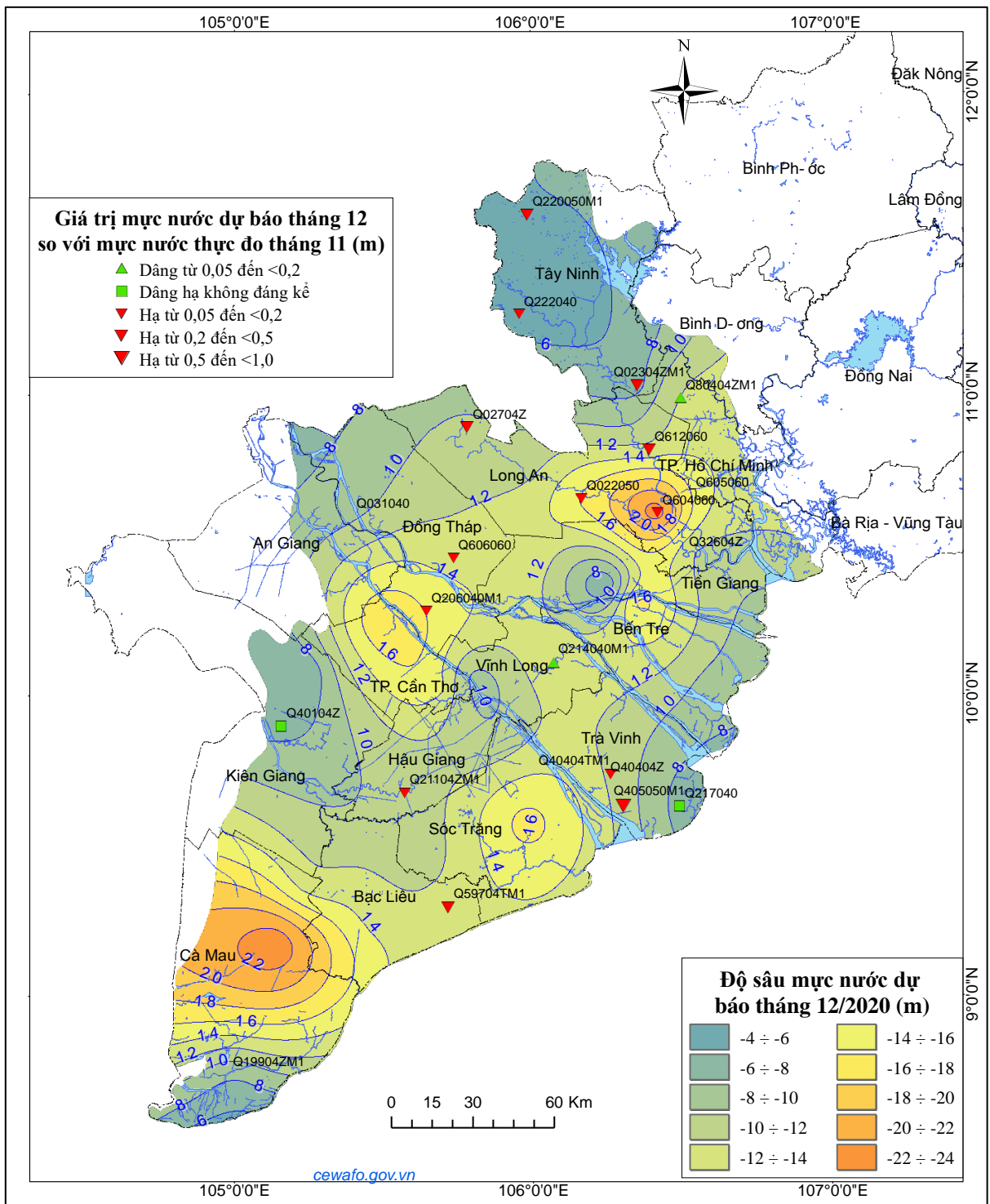


Hình 28. Sơ đồ diễn biến mực nước tháng 11 so với cùng kỳ 10 năm trước



Hình 29. Sơ đồ diễn biến mực nước tháng 11 so với cùng kỳ 20 năm trước

Dự báo diễn biến mực nước dưới đất tháng 11 có xu hướng hạ so với mực nước thực đo tháng 11 (xem hình 30), có 13/18 công trình mực nước hạ, có 3/18 công trình mực nước dâng và 2/18 công trình mực nước dâng hạ không đáng kể. Mực nước dâng từ 0,05m đến 0,2m tập trung ở xã Đồng Dù, huyện Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh. Mực nước hạ từ 0,5m đến 1m tập trung ở xã Đại An, huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh, xã Đại An.



Hình 30. Sơ đồ dự báo diễn biến mực nước tầng n_2^1

II. Chi tiết diễn biến và dự báo mực nước các tỉnh, thành phố

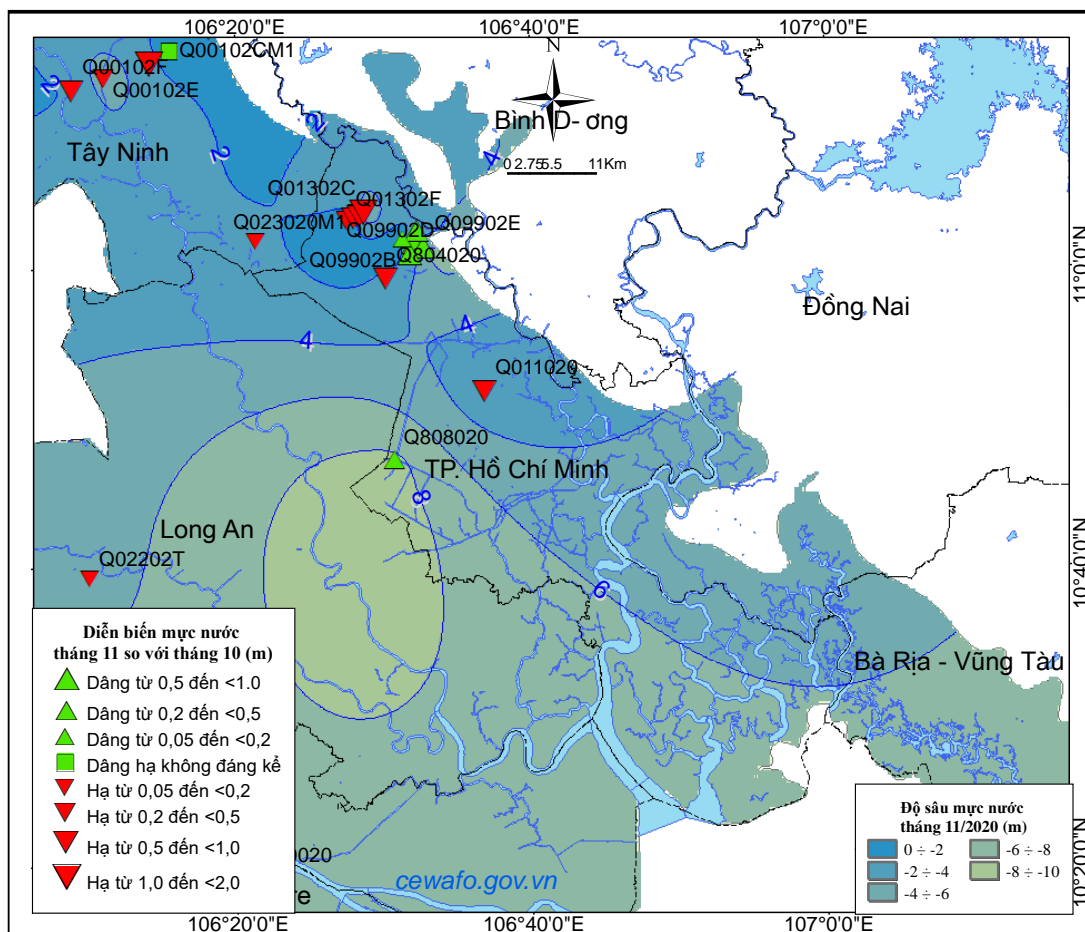
Trong năm 2020, các tỉnh ở vùng Nam Bộ phải chủ động ứng phó với tình hình hạn hán và xâm nhập mặn đang diễn ra trong thời gian tới. Để đảm bảo cung cấp thông tin kịp thời cho công tác ứng phó với tình hình hạn hán đang diễn ra ở một số tỉnh như: Bến Tre, Kiên Giang, Cà Mau trong bản tin dự báo mực nước tại các tỉnh này có dự báo mực nước trung bình tháng chi tiết cho các huyện thuộc 03 tỉnh nói trên.

II.1. Thành phố Hồ Chí Minh

II.1.1. Tầng chứa nước Pleistocene thượng (qp₃)

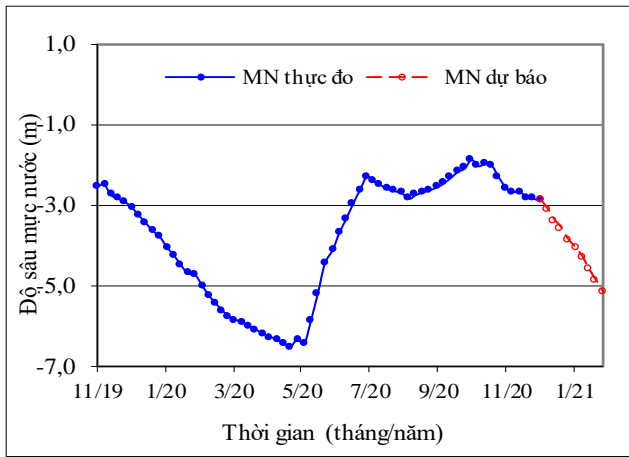
Trong phạm vi thành phố, mực nước trung bình tháng 11 có xu thế hạ so với tháng 10. Giá trị hạ thấp nhất là 1,06m tại xã An Nhơn Tây, huyện Củ Chi (Q01302C) và giá trị dâng cao nhất là 0,84m tại xã Phạm Văn Cội, huyện Củ Chi (Q09902C).

Mực nước trung bình tháng nông nhất là -1,35m tại xã An Nhơn Tây, huyện Củ Chi (Q01302DM1), mực nước trung bình tháng sâu nhất là -8,32m tại xã Lê Minh Xuân, huyện Bình Chánh (Q808020).

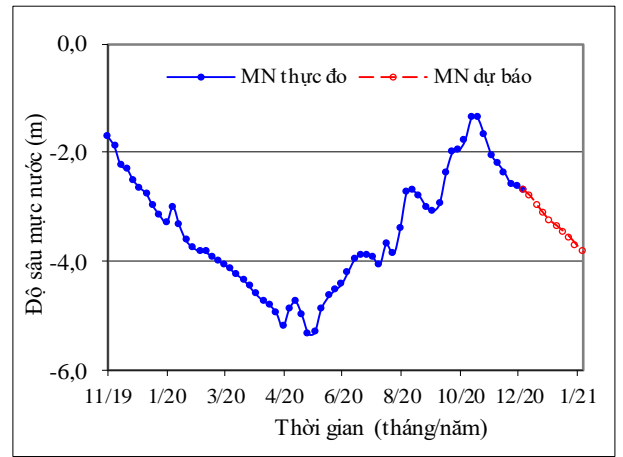


Hình 31. Sơ đồ diễn biến mực nước tháng 11 tầng qp₃

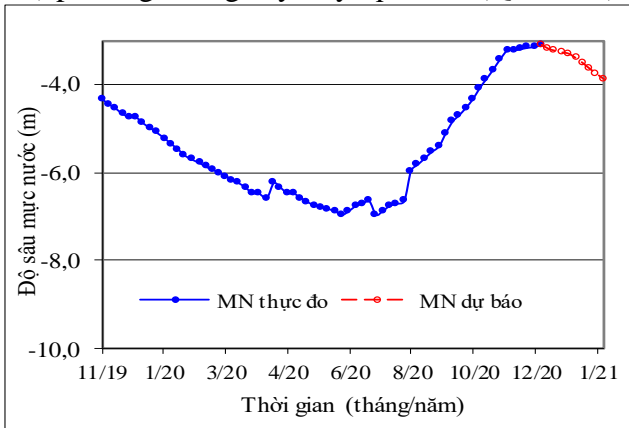
Dự báo: Trong tháng 12 và tháng 1 năm 2021 mực nước có xu thế hạ. Chi tiết diễn biến mực nước tại một số điểm đặc trưng như sau (xem hình 32 và bảng 11).



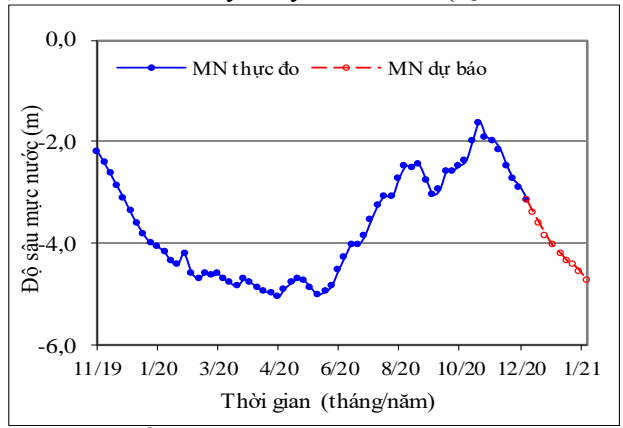
a) phường Trung Mỹ Tây, quận 12 (Q011020)



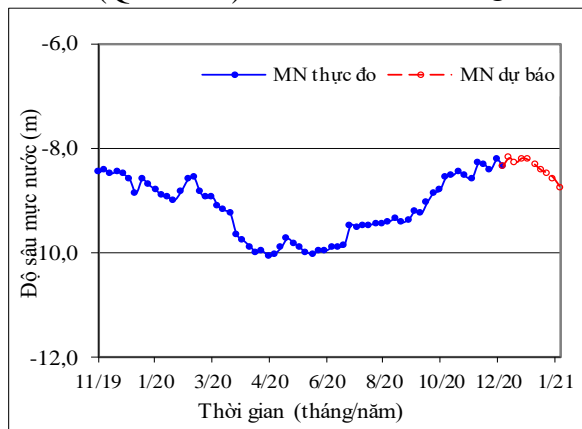
b) xã An Nhơn Tây, huyện Củ Chi (Q01302AM1)



c) xã Phạm Văn Cội, huyện Củ Chi (Q09902A)



d) xã Đồng Dù, huyện Củ Chi (Q804020)



e) xã Lê Minh Xuân, huyện Bình Chánh (Q808020)

Hình 32. Dự báo độ sâu mực nước tầng qp3

Bảng 11. Độ sâu mực nước tầng qp3 (m)

Ngày	phường Trung Mỹ Tây, quận 12 (Q011020)			xã An Nhơn Tây, huyện Củ Chi (Q01302AM1)		
	Mức nước thực đo tháng 11	Mức nước dự báo		Mức nước thực đo tháng 11	Mức nước dự báo	
		Tháng 12	Tháng 1 năm 2021		Tháng 12	Tháng 1 năm 2021
6	-2,67	-3,12	-4,30	-2,20	-2,80	-3,45
12	-2,68	-3,38	-4,61	-2,36	-2,96	-3,56
18	-2,82	-3,57	-4,88	-2,57	-3,11	-3,70

Ngày	phường Trung Mỹ Tây, quận 12 (Q011020)			xã An Nhơn Tây, huyện Củ Chi (Q01302AM1)		
	Mức nước thực đo tháng 11	Mức nước dự báo		Mức nước thực đo tháng 11	Mức nước dự báo	
		Tháng 12	Tháng 1 năm 2021		Tháng 12	Tháng 1 năm 2021
24	-2,85	-3,86	-5,16	-2,62	-3,25	-3,82
30	-2,90	-4,08	-5,40	-2,70	-3,35	-3,91
TB	-2,78	-3,60	-4,87	-2,49	-3,09	-3,69

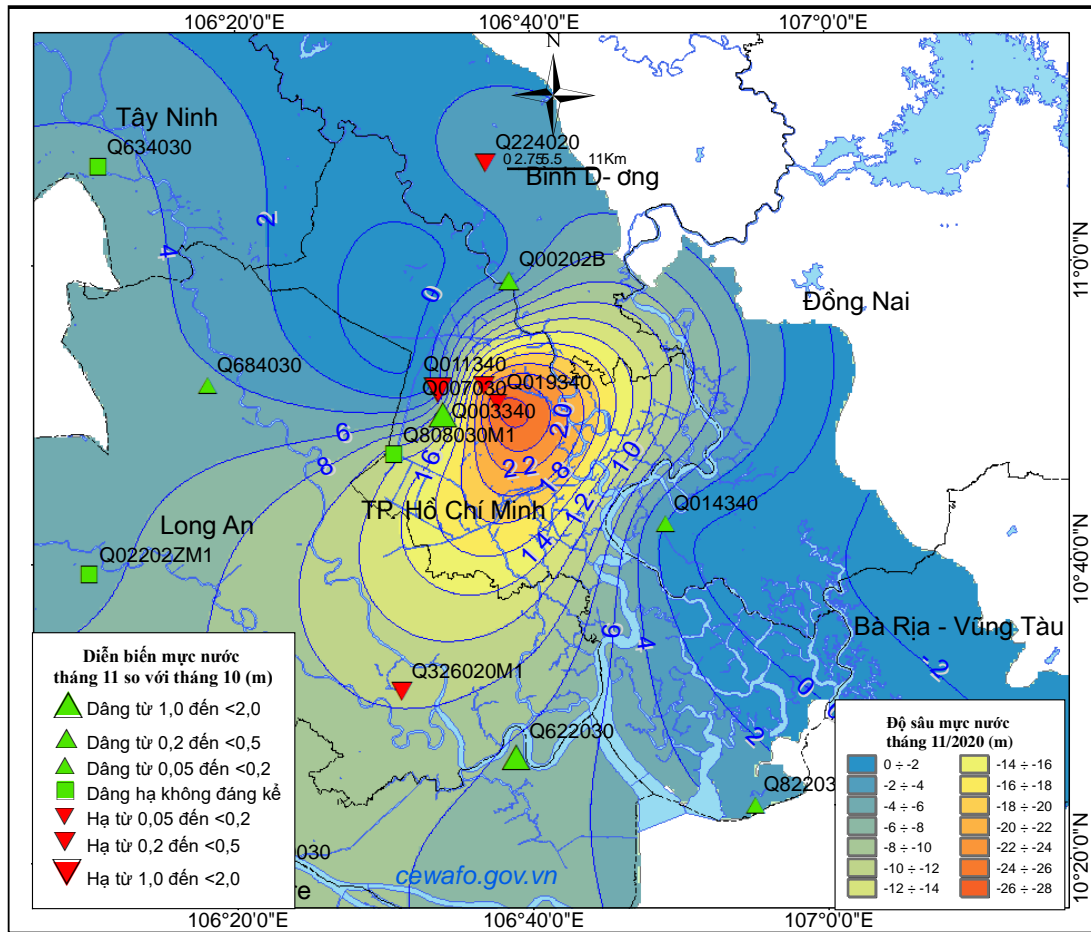
Ngày	xã Phạm Văn Cội, huyện Củ Chi (Q09902A)			xã Đồng Dù, huyện Củ Chi (Q804020)			xã Lê Minh Xuân, huyện Bình Chánh (Q808020)		
	Mức nước thực đo tháng 11	Mức nước dự báo		Mức nước thực đo tháng 11	Mức nước dự báo		Mức nước thực đo tháng 11	Mức nước dự báo	
		Tháng 12	Tháng 1 năm 2021		Tháng 12	Tháng 1 năm 2021		Tháng 12	Tháng 1 năm 2021
6	-3,22	-3,18	-3,51	-2,16	-3,38	-4,34	-8,30	-8,20	-8,44
12	-3,19	-3,22	-3,64	-2,48	-3,61	-4,42	-8,31	-8,29	-8,49
18	-3,16	-3,26	-3,75	-2,74	-3,84	-4,55	-8,41	-8,20	-8,60
24	-3,14	-3,29	-3,86	-2,89	-4,04	-4,73	-8,22	-8,23	-8,78
30	-3,09	-3,40	-3,96	-3,13	-4,19	-4,76	-8,35	-8,34	-8,72
TB	-3,16	-3,27	-3,75	-2,68	-3,81	-4,56	-8,32	-8,25	-8,61

II.1.2. Tầng chứa nước Pleistocene trung-thượng (qp2-3)

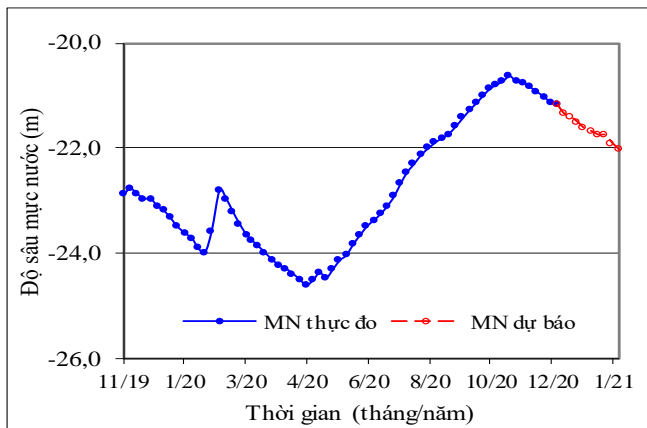
Trong phạm vi thành phố, mực nước trung bình tháng 11 có xu thế dâng hạ không rõ ràng so với tháng 10. Giá trị dâng cao nhất là 1,22m tại xã Vĩnh Lộc A, huyện Bình Chánh (Q007030) và giá trị hạ thấp nhất là 1,14m tại xã Xuân Thới Thượng, huyện Hóc Môn (Q003340).

Mực nước trung bình tháng nông nhất là -3,21m tại xã Xuân Thới Thượng, huyện Hóc Môn (Q003340), mực nước trung bình tháng sâu nhất là -26,08m tại phường Đông Hưng, Quận 12 (Q019340).

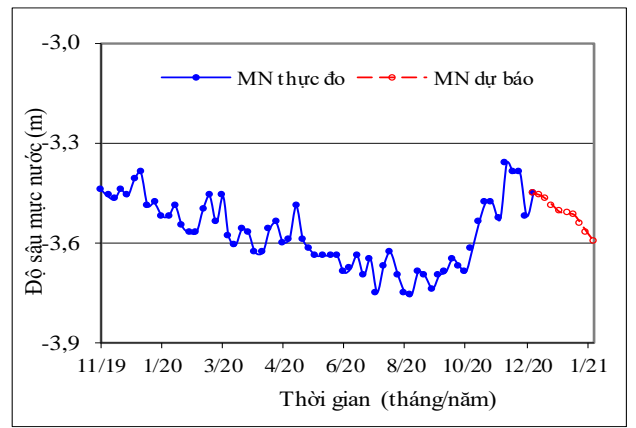
Dự báo: Trong tháng 12 và tháng 1 năm 2021 mực nước có xu thế hạ. Chi tiết diễn biến mực nước tại một số điểm đặc trưng như sau (xem hình 34 và bảng 12).



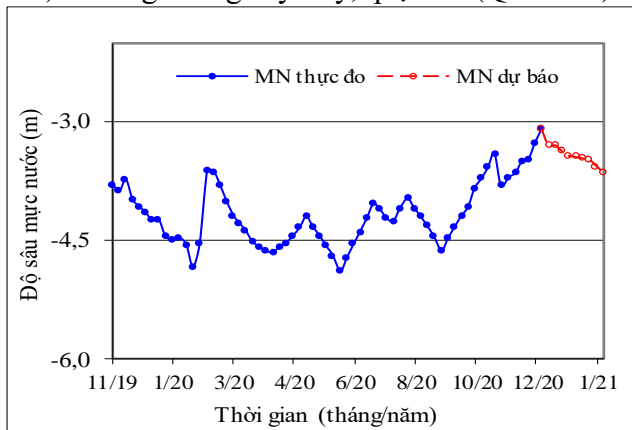
Hình 33. Sơ đồ diễn biến mực nước tháng 11 tăng qp₂₋₃



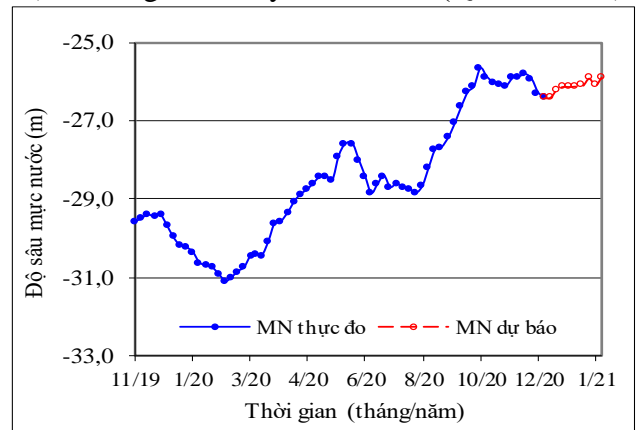
a) Phường Trung Mỹ Tây, quận 12 (Q011340)



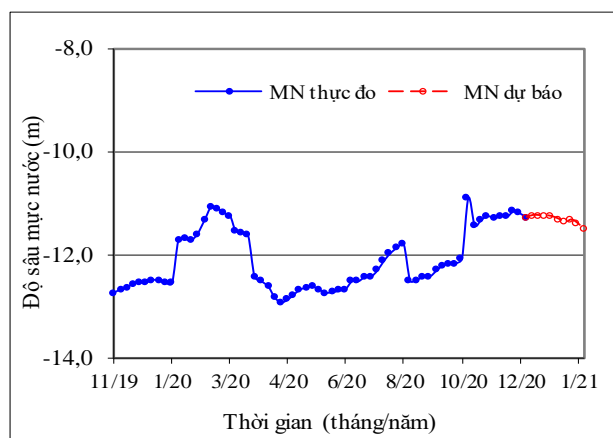
b) xã Long Hòa, huyện Cần Giờ (Q822030M1)



c) xã Bình Minh, huyện Củ Chi (Q00202B)



d) phường Đông Hưng, quận 12 (Q019340)



e) xã Lê Minh Xuân, huyện Bình Chánh (Q808030M1)

Hình 34. Dự báo độ sâu mực nước tầng qp2-3

Bảng 12. Độ sâu mực nước tầng qp2-3 (m)

Ngày	Phường Trung Mỹ Tây, quận 12 (Q011340)			Xã Long Hòa, huyện Cần Giờ (Q822030M1)		
	Mức nước thực đo tháng 11	Mức nước dự báo		Mức nước thực đo tháng 11	Mức nước dự báo	
		Tháng 12	Tháng 1 năm 2021		Tháng 12	Tháng 1 năm 2021
6	-20,85	-21,35	-21,76	-3,36	-3,46	-3,52
12	-20,94	-21,41	-21,76	-3,39	-3,47	-3,54
18	-21,03	-21,51	-21,92	-3,39	-3,49	-3,57
24	-21,14	-21,63	-22,04	-3,52	-3,51	-3,60
30	-21,18	-21,70	-21,94	-3,45	-3,51	-3,59
TB	-21,03	-21,52	-21,88	-3,42	-3,49	-3,56

Ngày	Xã Bình Minh, huyện Củ Chi (Q00202B)			Phường Đông Hưng, quận 12 (Q019340)			Xã Lê Minh Xuân, huyện Bình Chánh (Q808030M1)		
	Mức nước thực đo tháng 11	Mức nước dự báo		Mức nước thực đo tháng 11	Mức nước dự báo		Mức nước thực đo tháng 11	Mức nước dự báo	
		Tháng 12	Tháng 1 năm 2021		Tháng 12	Tháng 1 năm 2021		Tháng 12	Tháng 1 năm 2021
6	-3,66	-3,31	-3,47	-25,89	-26,40	-26,10	-11,26	-11,25	-11,37
12	-3,51	-3,30	-3,49	-25,83	-26,20	-25,92	-11,27	-11,26	-11,33
18	-3,48	-3,38	-3,57	-25,96	-26,13	-26,10	-11,16	-11,26	-11,40
24	-3,27	-3,44	-3,65	-26,30	-26,13	-25,88	-11,21	-11,27	-11,51
30	-3,10	-3,45	-3,61	-26,42	-26,12	-25,65	-11,29	-11,32	-11,53
TB	-3,40	-3,38	-3,56	-26,08	-26,20	-25,93	-11,24	-11,27	-11,43

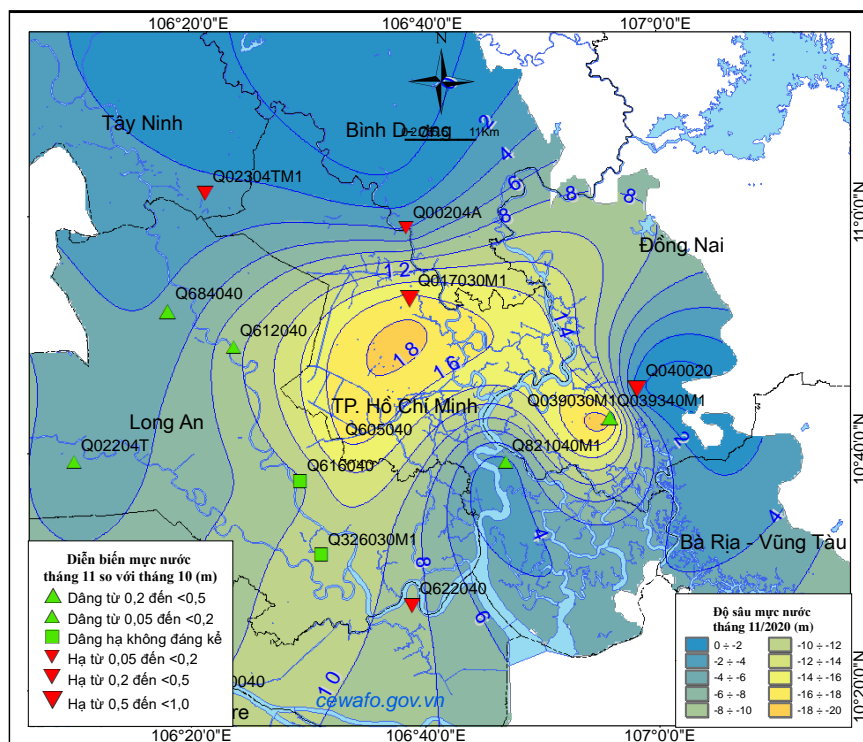
Cảnh báo: So với mực nước hạ thấp cho phép (-40m) trong tháng 11 độ sâu mực nước trung bình tháng ở quận 12 tại phường Đông Hưng là -26,08m (Q019340) đạt 65,20% và phường Trung Mỹ Tây là -21,03m (Q011340) đạt 52,58%. Các đơn vị

khai thác nước dưới đất cần chú ý chế độ khai thác ở các nhà máy nước quanh khu vực này.

II.1.3. Tầng chứa nước Pleistocene hạ (qp₁)

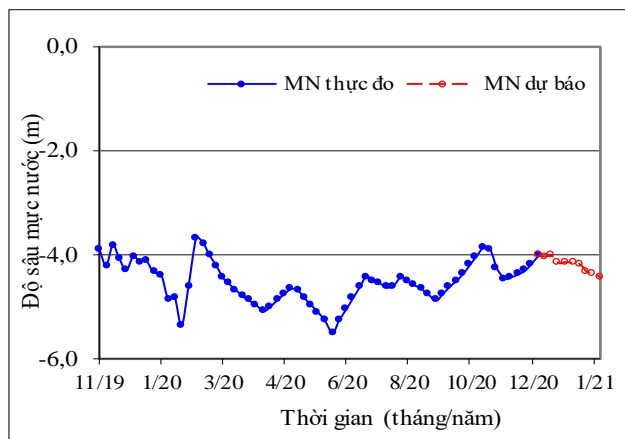
Trong phạm vi thành phố, mực nước trung bình tháng 11 dâng hạ không rõ ràng so với tháng 10. Giá trị dâng cao nhất là 0,18m tại xã Bình Khánh, huyện Cần Giờ (Q821040M1) và giá trị hạ thấp nhất là 0,64m tại phường Hiệp Thành, Quận 12 (Q017030M1).

Mực nước trung bình tháng nông nhất là -3,33m tại xã Bình Khánh, huyện Cần Giờ (Q821040M1), mực nước trung bình tháng sâu nhất là -16,93m tại phường Hiệp Thành, Quận 12 (Q017030M1).

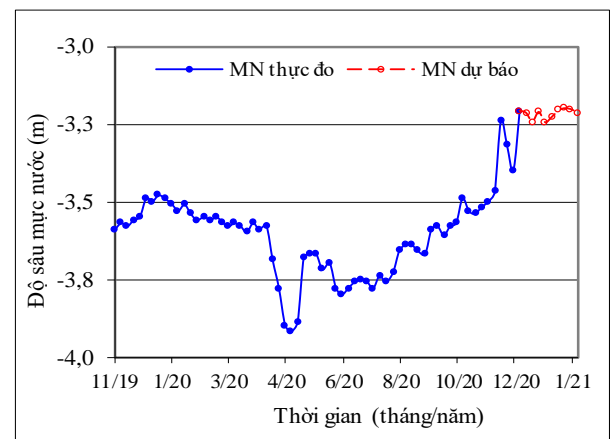


Hình 35. Sơ đồ diễn biến mực nước tháng 11 tầng qp₁

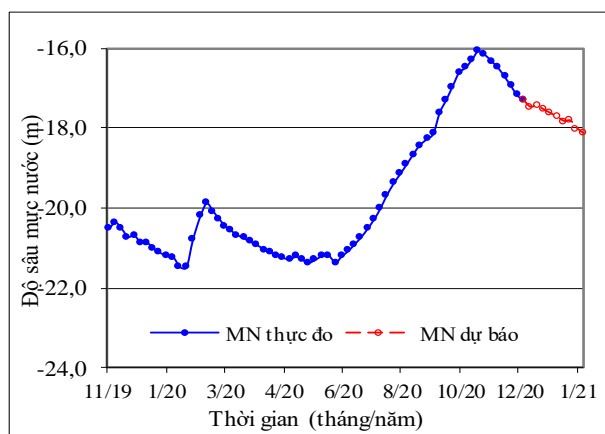
Dự báo: Trong tháng 12 và tháng 1 năm 2021 mực nước có xu thế hạ. Chi tiết diễn biến mực nước tại một số điểm đặc trưng như sau (xem hình 36 và bảng 13).



a) xã Bình Mỹ, huyện Củ Chi (Q00204A)



b) xã Bình Khánh, huyện Cần Giờ (Q821040M1)



c) phường Hiệp Thành, quận 12 (Q017030M1)

Hình 36. Dự báo độ sâu mực nước tầng qp_1

Bảng 13. Độ sâu mực nước tầng qp_1 (m)

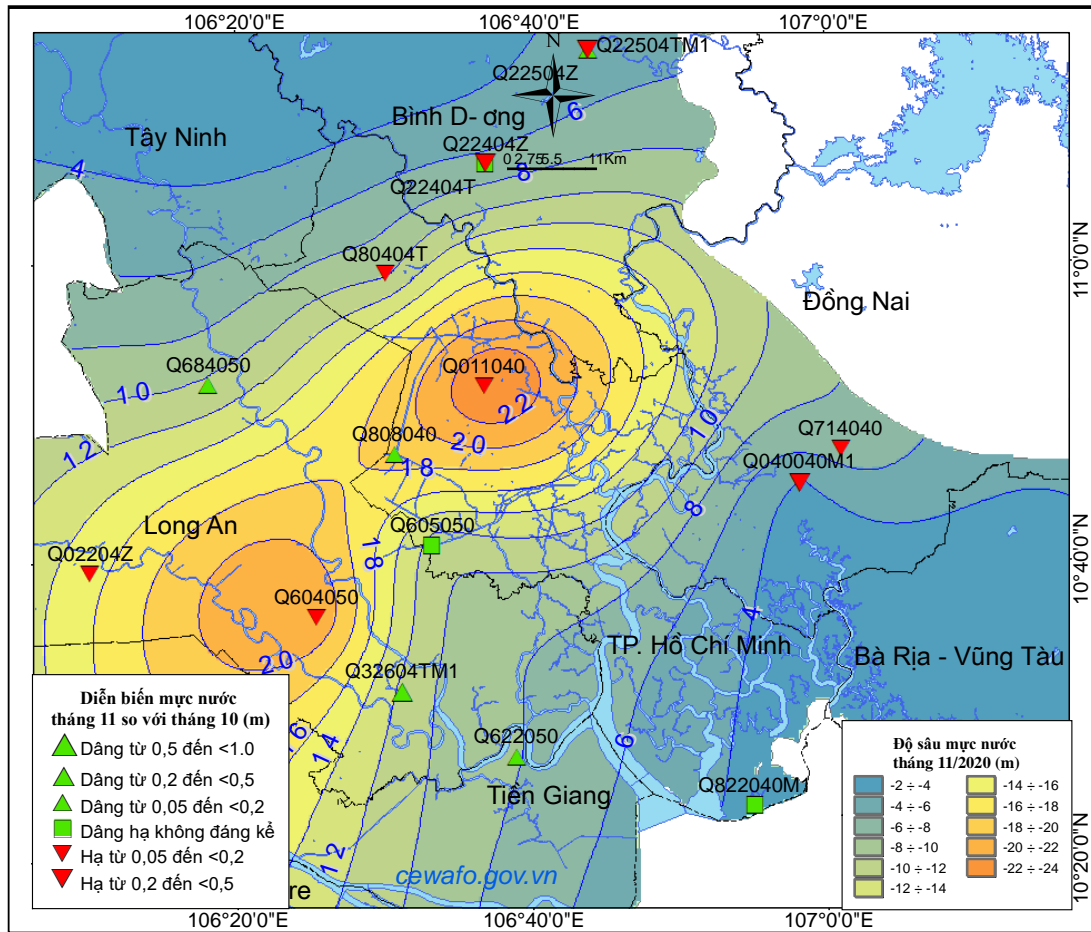
Ngày	xã Bình Mỹ, huyện Củ Chi (Q00204A)			xã Bình Khánh, huyện Cần Giờ (Q821040M1)			Phường Hiệp Thành, quận 12 (Q017030M1)		
	Mức nước thực đo tháng 11	Mức nước dự báo		Mức nước thực đo tháng 11	Mức nước dự báo		Mức nước thực đo tháng 11	Mức nước dự báo	
		Tháng 12	Tháng 1 năm 2021		Tháng 12	Tháng 1 năm 2021		Tháng 12	Tháng 1 năm 2021
6	-20,85	-21,35	-21,76	-3,36	-3,46	-3,52	-25,89	-26,40	-26,10
12	-20,94	-21,41	-21,76	-3,39	-3,47	-3,54	-25,83	-26,20	-25,92
18	-21,03	-21,51	-21,92	-3,39	-3,49	-3,57	-25,96	-26,13	-26,10
24	-21,14	-21,63	-22,04	-3,52	-3,51	-3,60	-26,30	-26,13	-25,88
30	-21,18	-21,70	-21,94	-3,45	-3,51	-3,59	-26,42	-26,12	-25,65
TB	-21,03	-21,52	-21,88	-3,42	-3,49	-3,56	-26,08	-26,20	-25,93

II.1.4. Tầng chứa nước Pliocene trung (n_2^2)

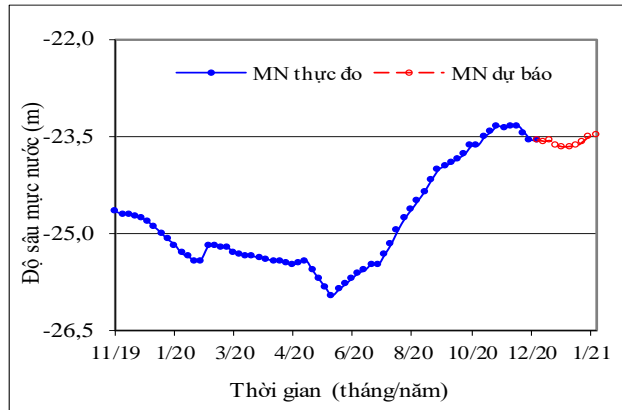
Trong phạm vi thành phố, mực nước trung bình tháng 11 hạ so với tháng 10. Giá trị hạ thấp nhất là 0,19m tại phường Trung Mỹ Tây, Quận 12 (Q011040) và giá trị dâng cao nhất là 0,1m tại xã Lê Minh Xuân, huyện Bình Chánh (Q808040).

Mức nước trung bình tháng nông nhất là -3,50m tại xã Long Hòa, huyện Cần Giờ (Q822040M1), mực nước trung bình tháng sâu nhất là -23,67m tại phường Trung Mỹ Tây, Quận 12 (Q011040).

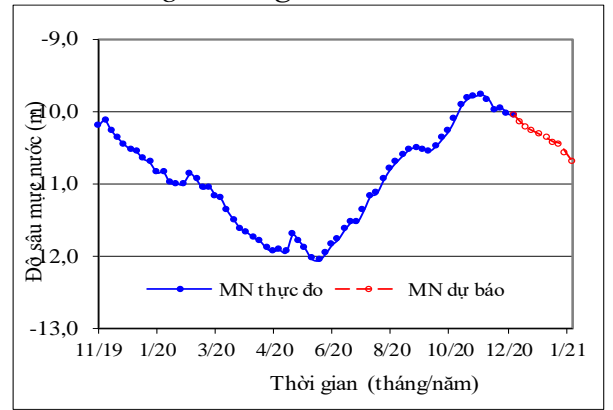
Dự báo: Trong tháng 12 và tháng 1 năm 2021 mực nước có xu thế hạ. Chi tiết diễn biến mực nước tại một số điểm đặc trưng như sau (xem hình 38 và bảng 14).



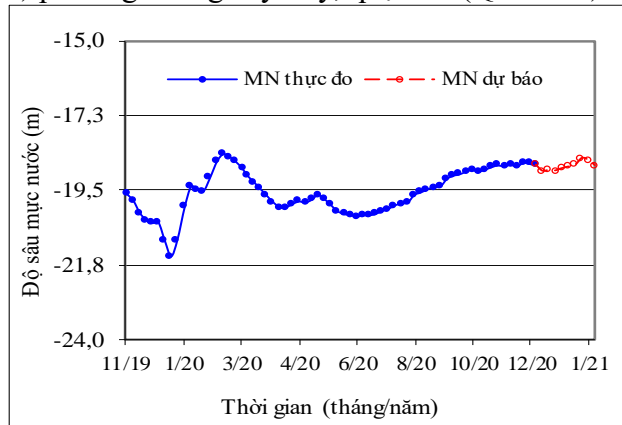
Hình 37. Sơ đồ diễn biến mực nước tháng 11 tầng n_2^2



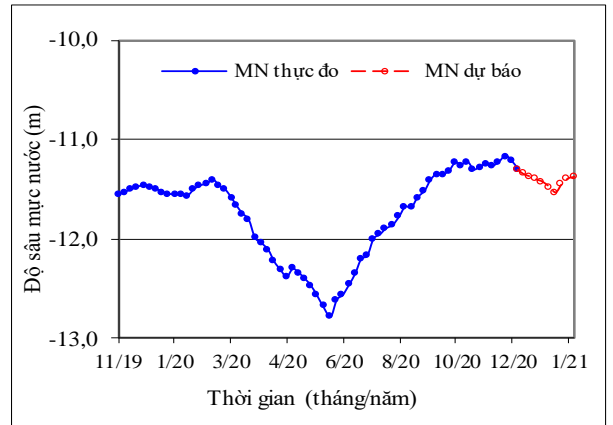
a) phường Trung Mỹ Tây, quận 12 (Q011040)



b) xã Đồng Dù, huyện Củ Chi (Q80404T)



c) xã Lê Minh Xuân, huyện Bình Chánh (Q808040)



d) TT Tân Túc, huyện Bình Chánh (Q605050)

Hình 38. Dự báo độ sâu mực nước tầng n_2^2

Bảng 14. Độ sâu mực nước tầng n_2^2 (m)

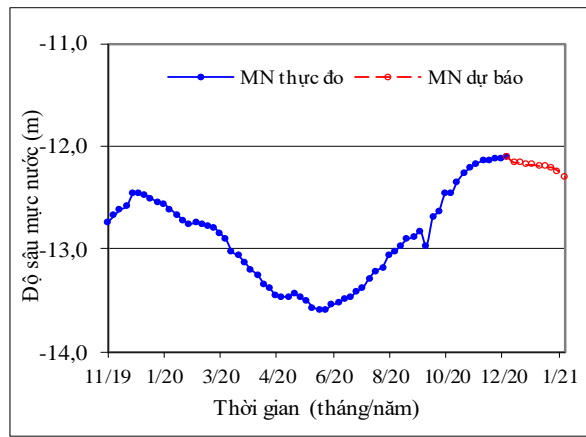
Ngày	phường Trung Mỹ Tây, quận 12 (Q011040)			xã Đồng Dù, huyện Củ Chi (Q80404T)		
	Mức nước thực đo tháng 11	Mức nước dự báo		Mức nước thực đo tháng 11	Mức nước dự báo	
		Tháng 12	Tháng 1 năm 2021		Tháng 12	Tháng 1 năm 2021
6	-23,35	-23,59	-23,65	-9,84	-10,16	-10,43
12	-23,34	-23,58	-23,58	-9,98	-10,23	-10,46
18	-23,45	-23,64	-23,50	-9,96	-10,28	-10,59
24	-23,56	-23,67	-23,49	-10,04	-10,33	-10,71
30	-23,56	-23,66	-23,54	-10,06	-10,38	-10,74
TB	-23,45	-23,63	-23,55	-9,98	-10,28	-10,59
Ngày	xã Lê Minh Xuân, huyện Bình Chánh (Q808040)			TT Tân Túc, huyện Bình Chánh (Q605050)		
	Mức nước thực đo tháng 11	Mức nước dự báo		Mức nước thực đo tháng 11	Mức nước dự báo	
		Tháng 12	Tháng 1 năm 2021		Tháng 12	Tháng 1 năm 2021
6	-18,73	-18,94	-18,74	-11,27	-11,35	-11,54
12	-18,78	-18,92	-18,54	-11,23	-11,37	-11,45
18	-18,67	-18,93	-18,61	-11,17	-11,40	-11,39
24	-18,70	-18,86	-18,77	-11,22	-11,43	-11,38
30	-18,75	-18,80	-18,56	-11,30	-11,48	-11,40
TB	-18,73	-18,89	-18,64	-11,24	-11,41	-11,43

Cảnh báo: So với mực nước hạ thấp cho phép (-40m) trong tháng 11 độ sâu mực nước trung bình tháng ở quận 12 tại phường Trung Mỹ Tây là -23,67m (Q011040) đạt 59,18%. Các đơn vị khai thác nước dưới đất cần chú ý chế độ khai thác ở các nhà máy nước quanh khu vực này.

II.1.5. Tầng chứa nước Pliocene hạ (n_2^1)

Trong phạm vi thành phố, tại xã Đồng Dù, huyện Củ Chi (Q80404ZM1) mực nước trung bình tháng 11 dâng 0,19m so với tháng 10.

Dự báo: Trong tháng 12 và tháng 1 năm 2021 mực nước có xu thế hạ. Chi tiết diễn biến mực nước tại công trình Q80404ZM1 như sau (xem hình 34 và bảng 15).



Hình 39. Dự báo độ sâu mực nước tầng n_2^1

Bảng 15. Độ sâu mực nước tầng n_2^1 (m)

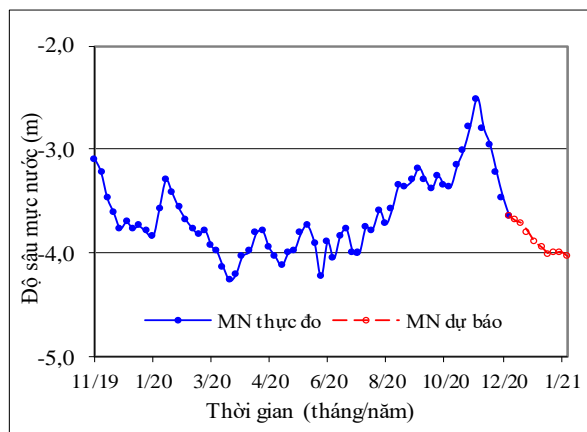
Ngày	xã Đồng Dù, huyện Củ Chi (Q80404ZM1)		
	Mực nước thực đo tháng 11	Mực nước dự báo	
		Tháng 12	Tháng 1 năm 2021
6	-12,15	-12,16	-12,20
12	-12,15	-12,16	-12,21
18	-12,12	-12,18	-12,24
24	-12,13	-12,18	-12,29
30	-12,11	-12,19	-12,34
TB	-12,13	-12,17	-12,26

II.2. Tỉnh Bình Dương:

II.2.1. Tầng chứa nước Pleistocene trung-thượng (qp₂₋₃)

Trong phạm vi tỉnh, theo kết quả quan trắc tại xã Thới Hòa, huyện Bến Cát (Q224020) mực nước trung bình tháng 11 hạ 0,22m so với tháng 10.

Dự báo: Mực nước có xu thế hạ vào tháng 12 và tháng 1 năm 2021. Chi tiết diễn biến mực nước tại công trình Q224020 như sau (xem hình 40 và bảng 16).



Hình 40. Dự báo độ sâu mực nước tầng qp₂₋₃

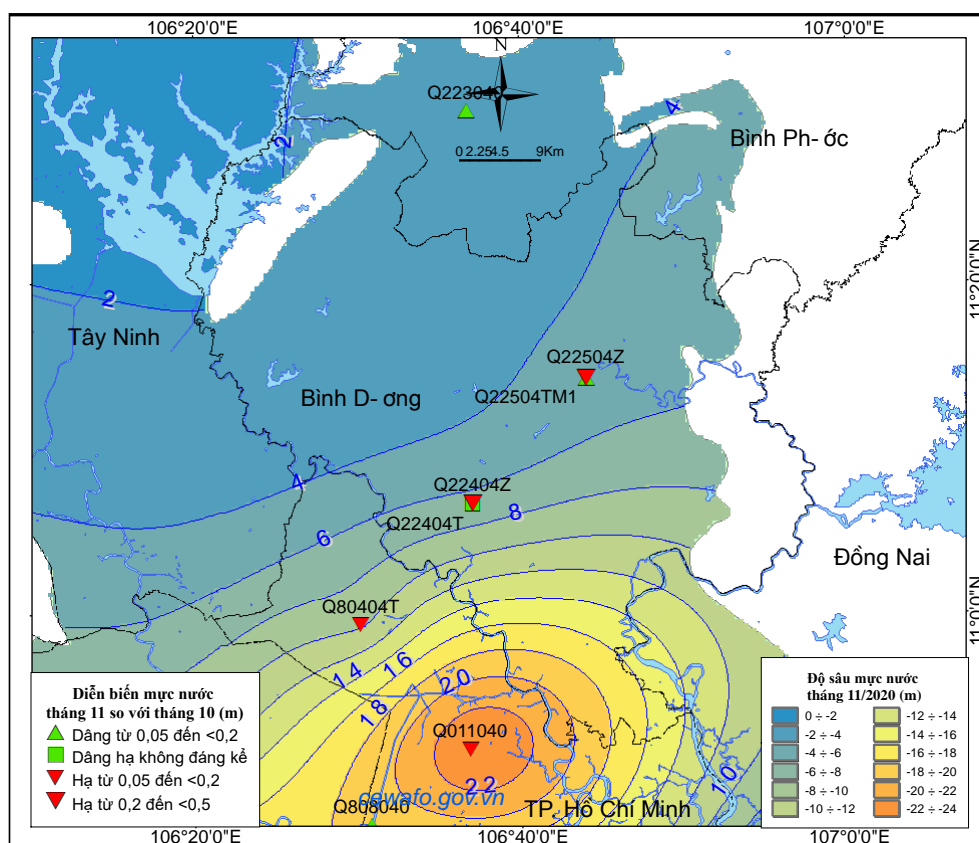
Bảng 16. Độ sâu mực nước tầng qp₂₋₃ (m)

Ngày	xã Thới Hòa, huyện Bến Cát (Q224020)		
	Mực nước thực đo tháng 11	Mực nước dự báo	
		Tháng 12	Tháng 1 năm 2021
6	-2,80	-3,68	-4,01
12	-2,96	-3,71	-4,00
18	-3,22	-3,80	-3,99
24	-3,46	-3,89	-4,03
30	-3,64	-3,95	-4,07
TB	-3,22	-3,81	-4,02

II.2.2. Tầng chứa nước Pliocene trung (n₂²)

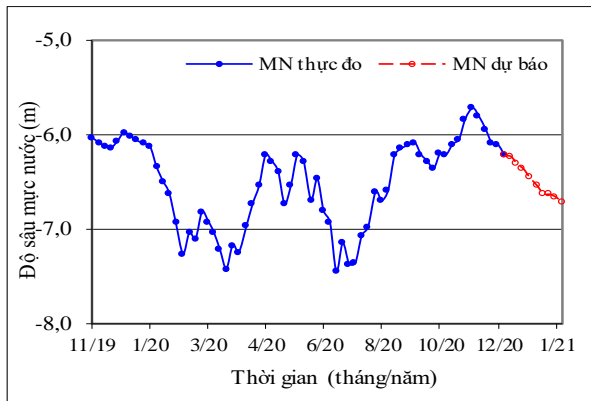
Trong phạm vi tỉnh, mực nước trung bình tháng 11 hạ không đáng kể so với tháng 10. Giá trị hạ không đáng kể là 0,02m tại xã Thới Hòa, huyện Bến Cát (Q22404Z).

Mực nước trung bình tháng nông nhất là -6,01m tại xã Phước Hòa, huyện Phú Giáo (Q22504Z), mực nước trung bình tháng sâu nhất là -6,04m tại xã Thới Hòa, huyện Bến Cát (Q22404Z).

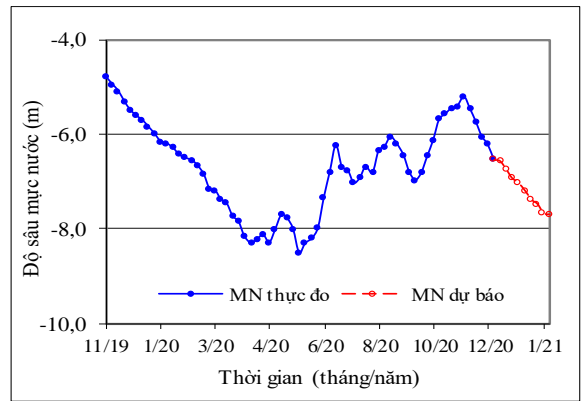


Hình 41. Sơ đồ diễn biến mực nước tháng 11 tầng n₂²

Dự báo: Trong tháng 12 và tháng 1 năm 2021 mực nước có xu thế hạ. Chi tiết diễn biến mực nước tại một số điểm đặc trưng như sau (xem hình 42 và bảng 17).



a) xã Thới Hòa, huyện Bến Cát (Q22404Z)



b) xã Phước Hòa, huyện Phú Giáo (Q22504Z)

Hình 42. Dự báo độ sâu mực nước tầng n_2^2

Bảng 17. Độ sâu mực nước tầng n_2^2 (m)

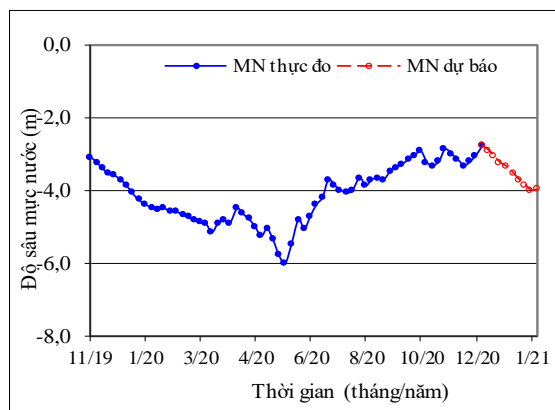
Ngày	xã Thới Hòa, huyện Bến Cát (Q22404Z)			xã Phước Hòa, huyện Phú Giáo (Q22504Z)		
	Mực nước thực đo tháng 11	Mực nước dự báo		Mực nước thực đo tháng 11	Mực nước dự báo	
		Tháng 12	Tháng 1 năm 2021		Tháng 12	Tháng 1 năm 2021
6	-5,82	-6,23	-6,63	-5,47	-6,56	-7,39
12	-5,95	-6,31	-6,64	-5,75	-6,73	-7,48
18	-6,10	-6,37	-6,67	-6,06	-6,93	-7,68
24	-6,12	-6,46	-6,72	-6,23	-7,02	-7,70
30	-6,23	-6,55	-6,81	-6,55	-7,21	-7,48
TB	-6,04	-6,38	-6,69	-6,01	-6,89	-7,55

II.3. Tỉnh Bình Phước:

II.3.1. Tầng chứa nước Pliocene trung (n_2^2)

Trong phạm vi tỉnh, theo kết quả quan trắc tại xã Minh Hưng, huyện Chơn Thành (Q223040) mực nước trung bình tháng 11 dâng 0,06m so với tháng 10.

Dự báo: Mực nước có xu thế hạ vào tháng 12 và tháng 1 năm 2021. Chi tiết diễn biến mực nước tại công trình Q223040 như sau (xem hình 43 và bảng 18).



Hình 43. Dự báo độ sâu mực nước tầng n_2^2

Bảng 18. Độ sâu mực nước tầng n_2^2 (m)

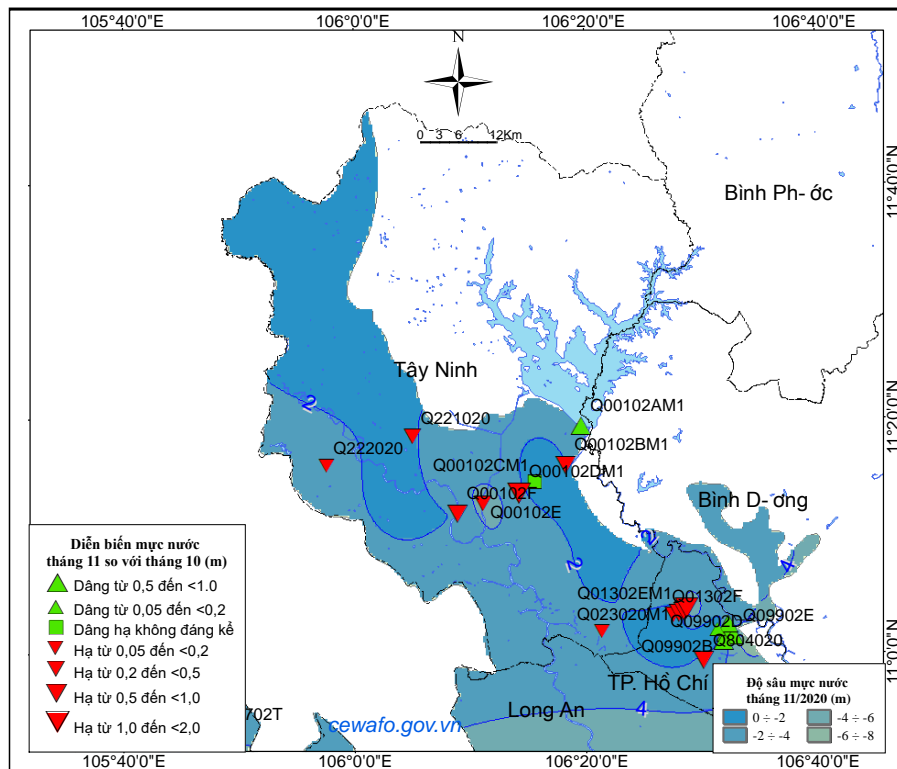
Ngày	Xã Minh Hưng, huyện Chơn Thành (Q223040)		
	Mức nước thực đo tháng 11	Mức nước dự báo	
		Tháng 12	Tháng 1 năm 2021
6	-3,19	-2,91	-3,72
12	-3,34	-3,09	-3,86
18	-3,23	-3,26	-4,00
24	-3,05	-3,36	-3,98
30	-2,80	-3,54	-3,88
TB	-3,12	-3,23	-3,89

II.4. Tỉnh Tây Ninh:

II.4.1. Tầng chứa nước Pleistocene thượng (qp_3)

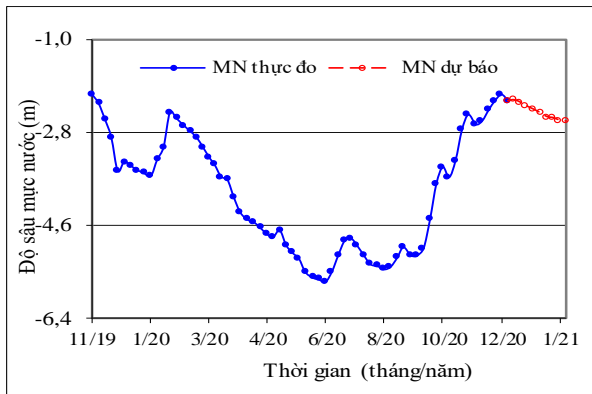
Trong phạm vi tỉnh, mực nước trung bình tháng 11 có xu thế hạ so với tháng 10. Giá trị hạ thấp nhất là 1,03m tại xã Truông Mít, huyện Gò Dầu (Q00102DM1) và giá trị dâng cao nhất là 0,73m tại xã Phước Minh, huyện Dương Minh Châu (Q00102AM1).

Mức nước trung bình tháng nông nhất là -1,22m tại xã Truông Mít, huyện Gò Dầu (Q00102CM1), mức nước trung bình tháng sâu nhất là -4,77m tại xã Thành Đức, huyện Gò Dầu (Q00102E).

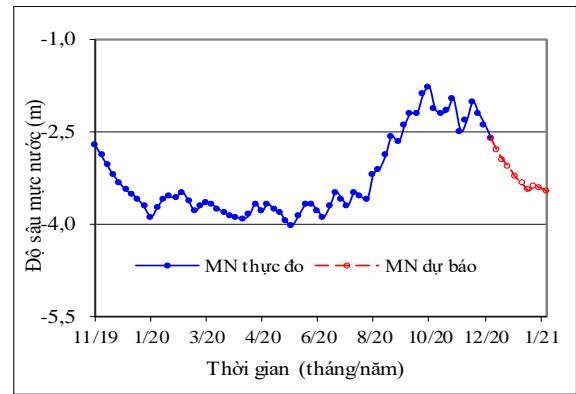


Hình 44. Sơ đồ diễn biến mực nước tháng 11 tầng qp_3

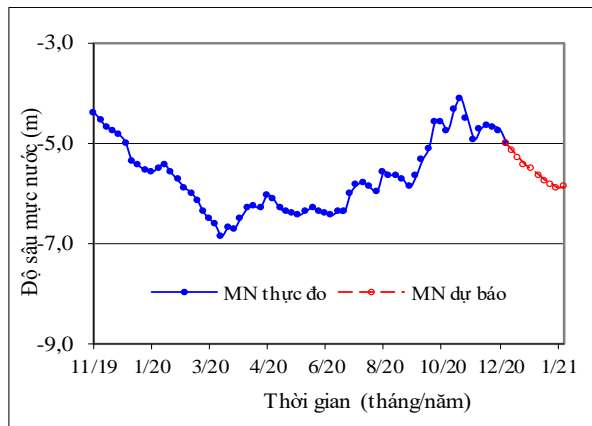
Dự báo: Mức nước có xu thế hạ vào tháng 12 và tháng 1 năm 2021. Chi tiết diễn biến mực nước tại một số điểm đặc trưng như sau (xem hình 45 và bảng 19).



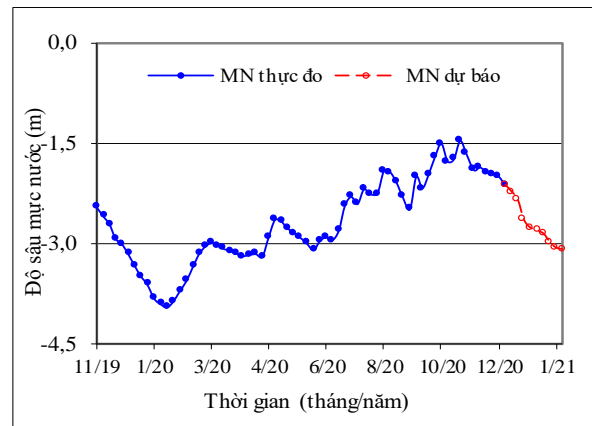
a) xã Phước Minh, huyện Dương Minh Châu (Q00102AM1)



b) TT Trảng Bàng, huyện Trảng Bàng (Q023020M1)



c) xã Thành Đức, huyện Gò Dầu (Q00102E)



d) Phường 1, TX. Tây Ninh (Q221020)

Hình 45. Dự báo độ sâu mực nước tầng qp_3

Bảng 19. Độ sâu mực nước tầng qp_3 (m)

Ngày	xã Phước Minh, huyện Dương Minh Châu (Q00102AM1)			TT Trảng Bàng, huyện Trảng Bàng (Q023020M1)		
	Mức nước thực đo tháng 11	Mức nước dự báo		Mức nước thực đo tháng 11	Mức nước dự báo	
		Tháng 12	Tháng 1 năm 2021		Tháng 12	Tháng 1 năm 2021
6	-2,59	-2,18	-2,52	-2,33	-2,81	-3,46
12	-2,38	-2,23	-2,54	-2,03	-2,97	-3,38
18	-2,20	-2,31	-2,59	-2,22	-3,09	-3,42
24	-2,08	-2,37	-2,61	-2,40	-3,24	-3,47
30	-2,20	-2,44	-2,70	-2,62	-3,35	-3,34
TB	-2,29	-2,31	-2,59	-2,32	-3,09	-3,42

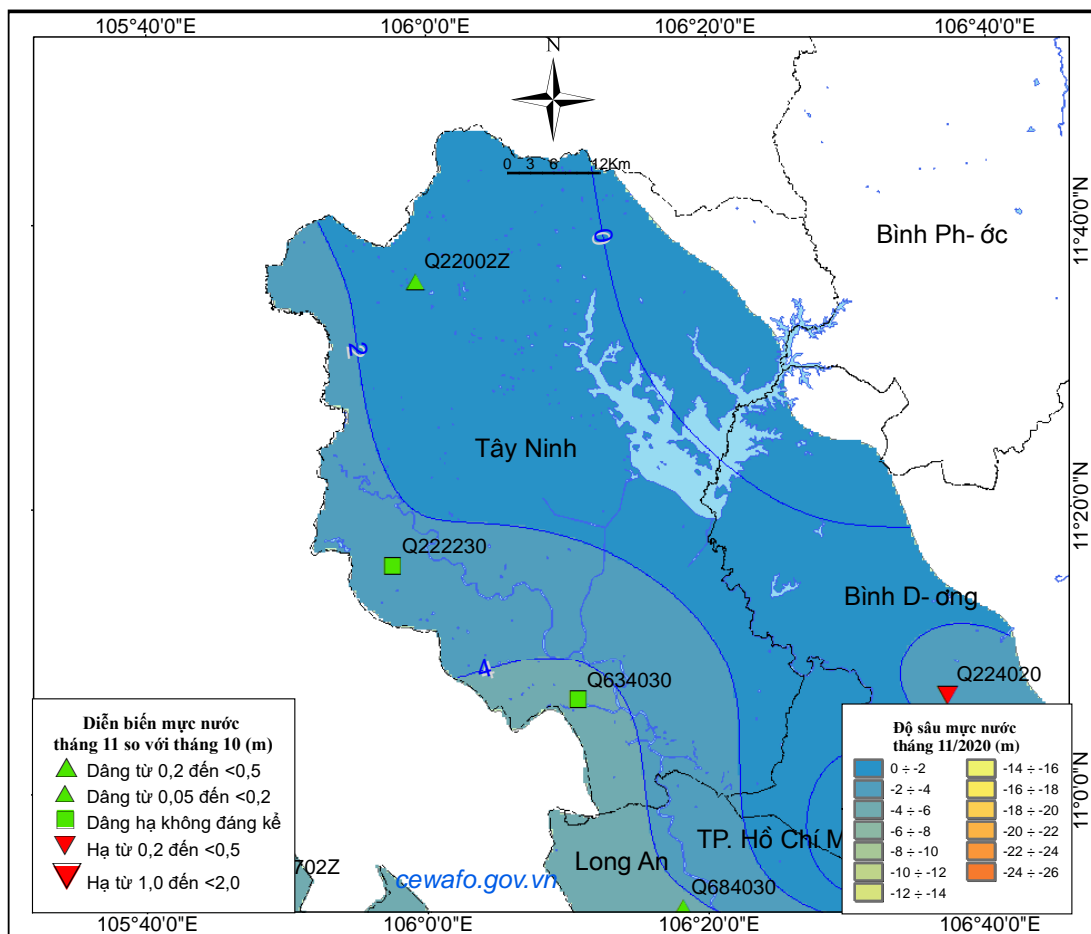
Ngày	xã Thành Đức, huyện Gò Dầu (Q00102E)			Phường 1, TX Tây Ninh (Q221020)		
	Mức nước thực đo tháng 11	Mức nước dự báo		Mức nước thực đo tháng 11	Mức nước dự báo	
		Tháng 12	Tháng 1 năm 2021		Tháng 12	Tháng 1 năm 2021
6	-4,74	-5,15	-5,76	-1,86	-2,23	-2,86

Ngày	Xã Thành Đức, huyện Gò Dầu (Q00102E)		Phường 1, TX Tây Ninh (Q221020)			
	Mức nước thực đo tháng 11	Mức nước dự báo		Mức nước thực đo tháng 11	Mức nước dự báo	
		Tháng 12	Tháng 1 năm 2021		Tháng 12	Tháng 1 năm 2021
12	-4,66	-5,29	-5,82	-1,93	-2,35	-2,98
18	-4,68	-5,43	-5,91	-1,96	-2,65	-3,06
24	-4,75	-5,53	-5,89	-2,00	-2,76	-3,08
30	-5,00	-5,64	-5,76	-2,13	-2,81	-3,12
TB	-4,77	-5,41	-5,83	-1,98	-2,56	-3,02

II.4.2. Tầng chứa nước Pleistocene trung-thượng (qp₂₋₃)

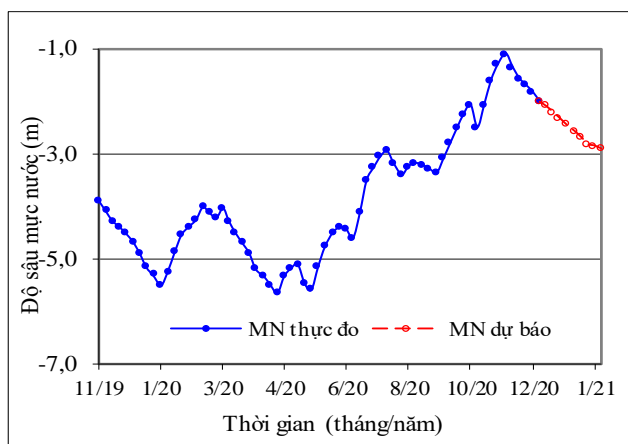
Trong phạm vi tỉnh, mực nước trung bình tháng 11 có xu thế dâng so với tháng 10. Giá trị dâng cao nhất là 0,12m tại xã Tân Lập, huyện Tân Biên (Q22002Z).

Mực nước trung bình tháng nông nhất là -1,70m tại xã Tân Lập, huyện Tân Biên (Q22002Z), mực nước trung bình tháng sâu nhất là -4,51m tại TT Bến Cầu, huyện Bến Cầu (Q634030).

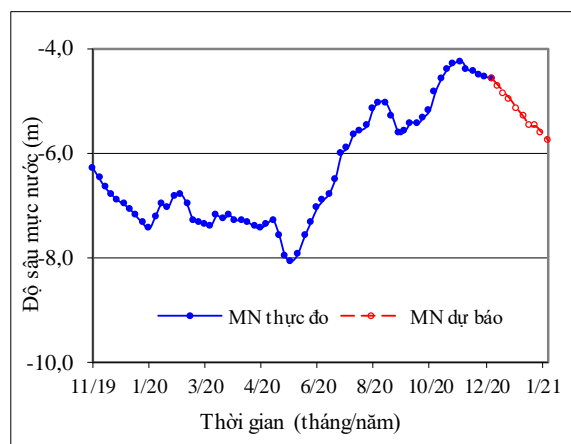


Hình 46. Sơ đồ diễn biến mực nước tháng 11 tầng qp₂₋₃

Dự báo: Trong tháng 12 và tháng 1 năm 2021 mực nước có xu thế hạ. Chi tiết diễn biến mực nước tại một số công trình đặc trưng như sau (xem hình 47 và bảng 20).



a) xã Tân Lập, huyện Tân Biên (Q22002Z)



b) TT Bến Cầu, huyện Bến Cầu (Q634030)

Hình 47. Dự báo độ sâu mực nước tầng qp₂₋₃

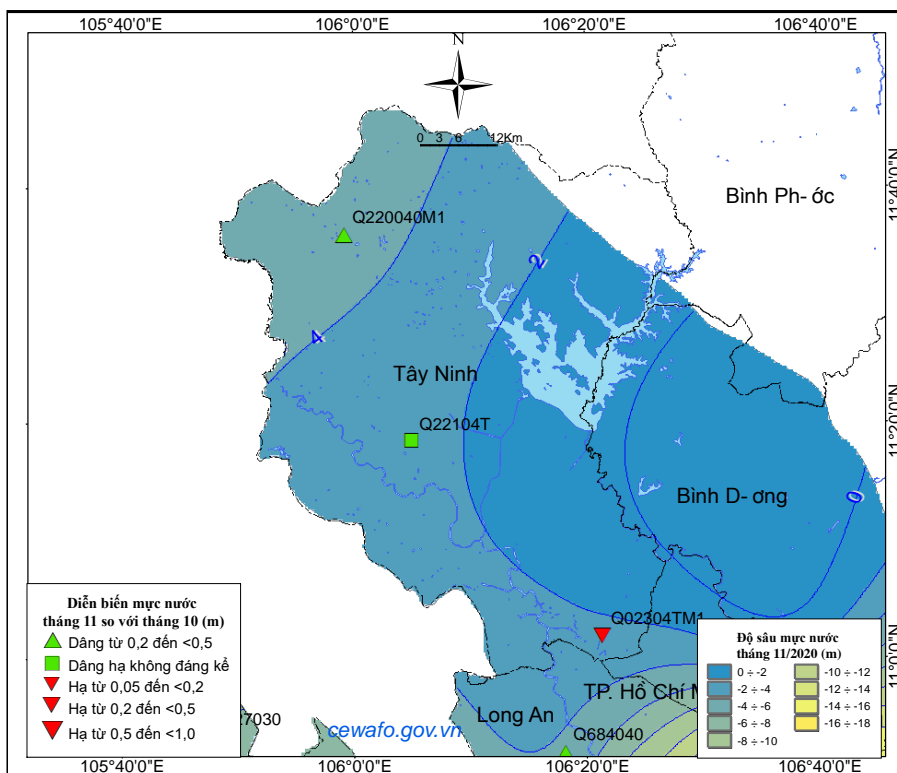
Bảng 20. Độ sâu mực nước tầng qp₂₋₃ (m)

Ngày	xã Tân Lập, huyện Tân Biên (Q22002Z)			TT Bến Cầu, huyện Bến Cầu (Q634030)		
	Mực nước thực đo tháng 11	Mực nước dự báo		Mực nước thực đo tháng 11	Mực nước dự báo	
		Tháng 12	Tháng 1 năm 2021		Tháng 12	Tháng 1 năm 2021
6	-1,36	-2,10	-2,70	-4,42	-4,73	-5,49
12	-1,58	-2,22	-2,83	-4,45	-4,86	-5,49
18	-1,71	-2,33	-2,86	-4,51	-4,99	-5,62
24	-1,84	-2,46	-2,92	-4,56	-5,15	-5,76
30	-2,02	-2,58	-3,02	-4,60	-5,32	-5,86
TB	-1,70	-2,34	-2,87	-4,51	-5,01	-5,65

II.4.3. Tầng chứa nước Pleistocene hạ (qp₁)

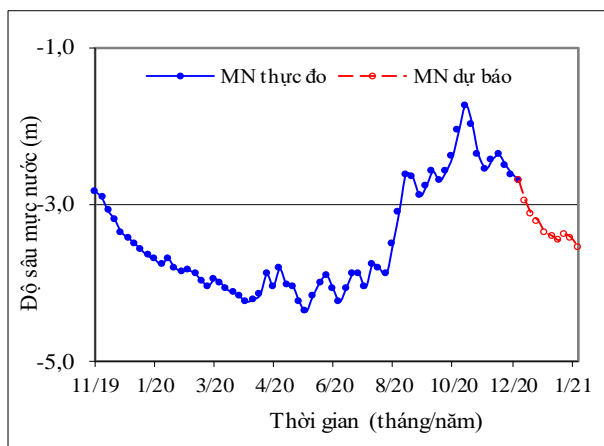
Trong phạm vi tỉnh, mực nước trung bình tháng 11 có xu thế dâng hạ không rõ ràng so với tháng 10. Giá trị dâng cao nhất là 0,27m tại xã Tân Lập, huyện Tân Biên (Q220040M1) và giá trị hạ thấp nhất là 0,42m tại TT Trảng Bàng, huyện Trảng Bàng (Q02304TM1).

Mực nước trung bình tháng nông nhất là -2,53m tại TT Trảng Bàng, huyện Trảng Bàng (Q02304TM1), mực nước trung bình tháng sâu nhất là -4,87m tại xã Tân Lập, huyện Tân Biên (Q220040M1).

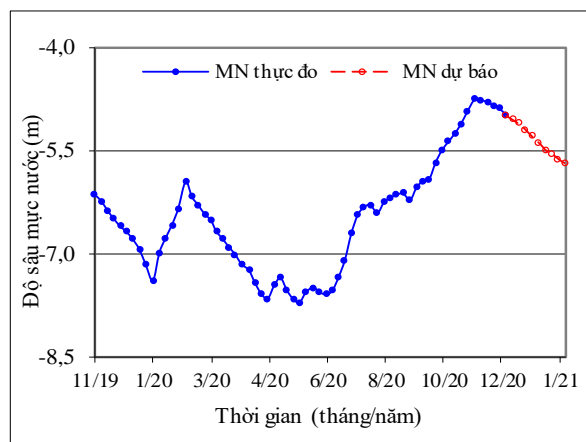


Hình 48. Sơ đồ diễn biến mực nước tháng 11 tầng q₁

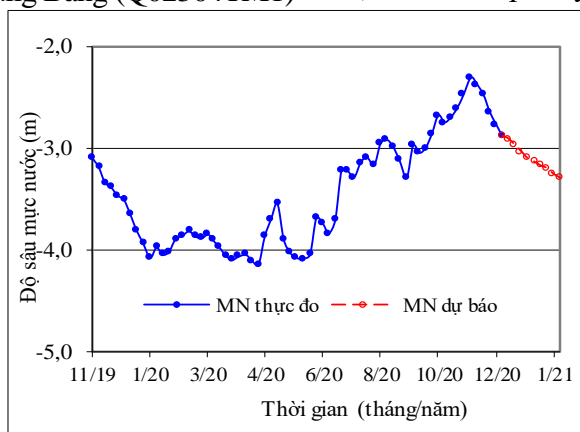
Dự báo: Mực nước có xu thế hạ vào tháng 12 và tháng 1 năm 2021. Chi tiết diễn biến mực nước tại một số điểm đặc trưng như sau (xem hình 49 và bảng 21).



a) TT Trảng Bàng, huyện Trảng Bàng (Q02304TM1)



b) xã Tân Lập, huyện Tân Biên (Q220040M1)



c) Phường 1, TX Tây Ninh (Q22104T)

Hình 49. Dự báo độ sâu mực nước tầng q₁

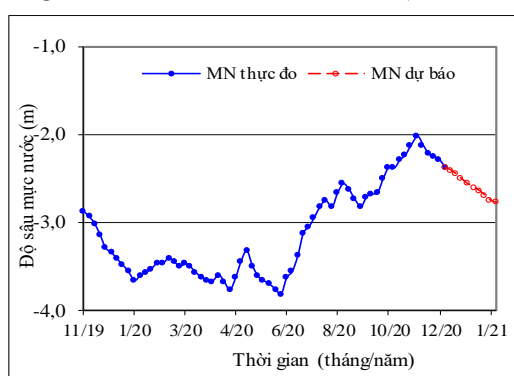
Bảng 21. Độ sâu mực nước tầng qp_1 (m)

Ngày	TT Trảng Bàng, huyện Trảng Bàng (Q02304TM1)		Xã Tân Lập, huyện Tân Biên (Q220040M1)			Phường 1, TX Tây Ninh (Q22104T)			
	Mức nước thực đo tháng 11	Mức nước dự báo		Mức nước thực đo tháng 11	Mức nước dự báo		Mức nước thực đo tháng 11	Mức nước dự báo	
		Tháng 12	Tháng 1 năm 2021		Tháng 12	Tháng 1 năm 2021		Tháng 12	Tháng 1 năm 2021
6	-2,43	-2,96	-3,47	-4,78	-5,06	-5,52	-2,38	-2,92	-3,18
12	-2,38	-3,14	-3,39	-4,81	-5,12	-5,58	-2,48	-2,98	-3,20
18	-2,51	-3,22	-3,44	-4,86	-5,21	-5,66	-2,65	-3,04	-3,26
24	-2,62	-3,36	-3,56	-4,91	-5,31	-5,71	-2,77	-3,10	-3,29
30	-2,70	-3,41	-3,60	-5,00	-5,42	-5,76	-2,89	-3,14	-3,32
TB	-2,53	-3,22	-3,49	-4,87	-5,22	-5,65	-2,63	-3,04	-3,25

II.4.4. Tầng chứa nước Pliocene trung (n_2^2)

Trong phạm vi tỉnh, theo kết quả quan trắc tại phường 1, thị xã Tây Ninh (Q22104Z) mực nước trung bình tháng 11 hạ không đáng kể 0,02m so với tháng 10.

Dự báo: Mực nước có xu thế hạ vào tháng 12 và tháng 1 năm 2021. Chi tiết diễn biến mực nước tại công trình Q22104Z như sau (xem hình 50 và bảng 22).



Bảng 22. Dự báo độ sâu mực nước tầng n

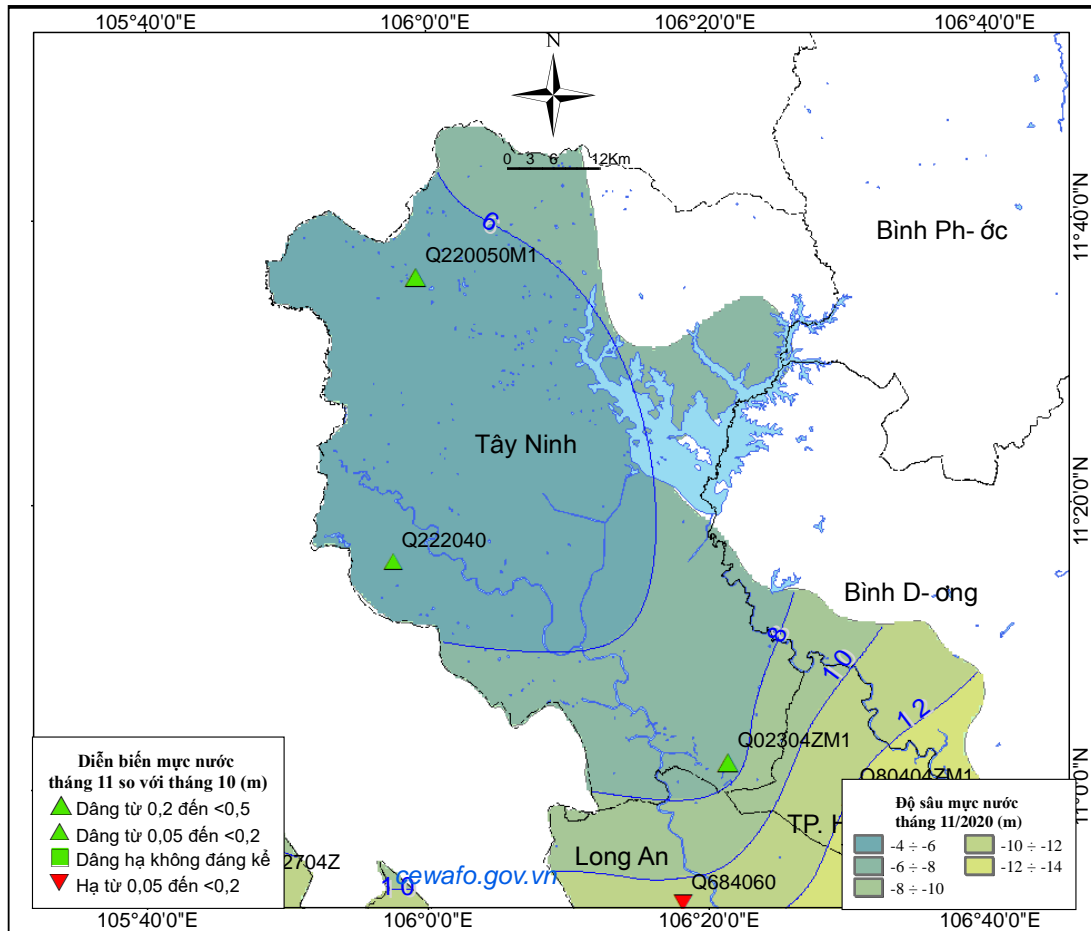
Ngày	Phường 1, thị xã Tây Ninh (Q22104Z)		
	Mức nước thực đo tháng 11	Mức nước dự báo	
		Tháng 12	Tháng 1 năm 2021
6	-2,13	-2,42	-2,65
12	-2,23	-2,46	-2,70
18	-2,26	-2,52	-2,76
24	-2,30	-2,57	-2,78
30	-2,39	-2,61	-2,80
TB	-2,26	-2,51	-2,74

II.4.5. Tầng chứa nước Pliocene hạ (n_2^1)

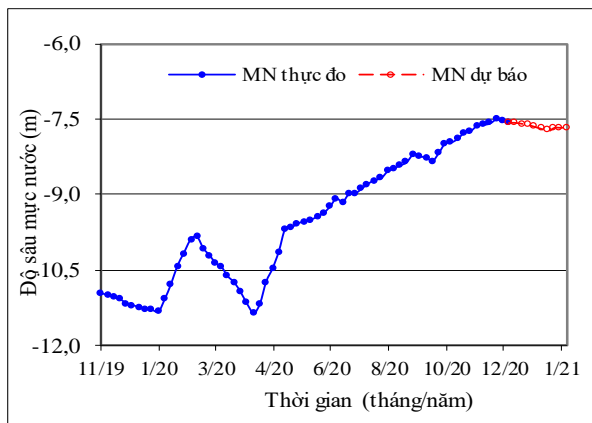
Trong phạm vi tỉnh, mực nước trung bình tháng 11 có xu thế dâng so với tháng 10. Giá trị dâng cao nhất là 0,46m tại xã Tân Lập, huyện Tân Biên (Q220050M1).

Mực nước trung bình tháng nông nhất là -5,33m tại xã Thành Long, huyện Châu Thành (Q222040), mực nước trung bình tháng sâu nhất là -7,57m tại TT Trảng Bàng, huyện Trảng Bàng (Q02304ZM1).

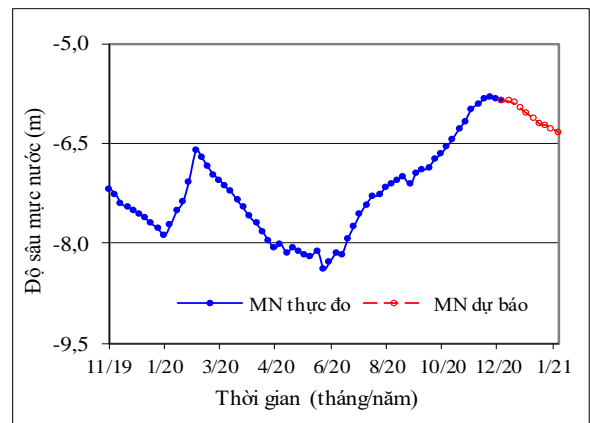
Dự báo: Trong tháng 12 và tháng 1 năm 2021 mực nước có xu thế hạ. Chi tiết diễn biến mực nước tại một số điểm đặc trưng như sau (xem hình 52 và bảng 23).



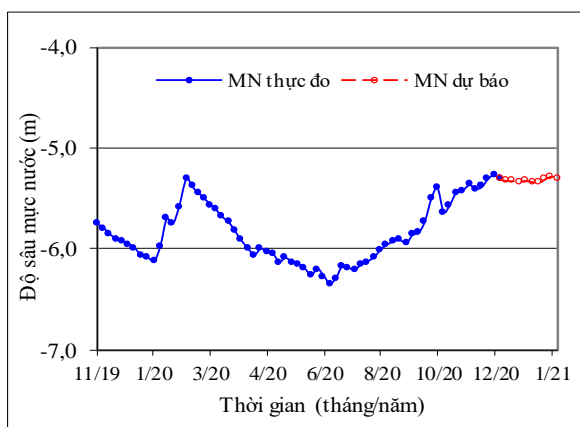
Hình 50. Sơ đồ diễn biến mực nước tháng 11 tầng n_2^1



a) TT Trảng Bàng, huyện Trảng Bàng (Q02304ZM1)



b) xã Tân Lập, huyện Tân Biên (Q220050M1)



c) xã Thành Long, huyện Châu Thành (Q222040)
 Hình 51. Dự báo độ sâu mực nước tầng n_2^1

Bảng 23. Độ sâu mực nước tầng n_2^1 (m)

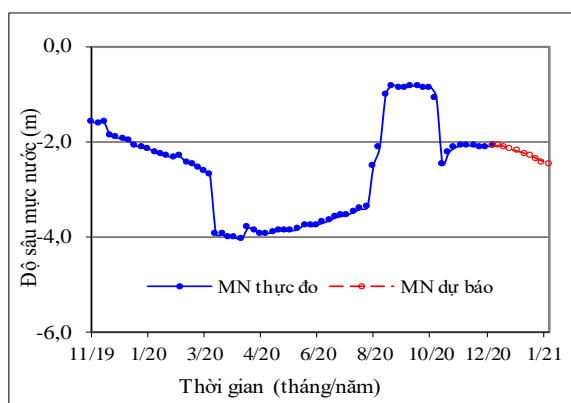
Ngày	TT Trảng Bàng, huyện Trảng Bàng (Q02304ZM1)			xã Tân Lập, huyện Tân Biên (Q220050M1)			xã Thành Long, huyện Châu Thành (Q222040)		
	Mực nước thực đo tháng 11	Mực nước dự báo		Mực nước thực đo tháng 11	Mực nước dự báo		Mực nước thực đo tháng 11	Mực nước dự báo	
		Tháng 12	Tháng 1 năm 2021		Tháng 12	Tháng 1 năm 2021		Tháng 12	Tháng 1 năm 2021
6	-7,62	-7,58	-7,74	-5,92	-5,86	-6,22	-5,40	-5,32	-5,35
12	-7,59	-7,60	-7,67	-5,85	-5,90	-6,24	-5,38	-5,33	-5,31
18	-7,51	-7,62	-7,67	-5,82	-5,98	-6,29	-5,30	-5,33	-5,28
24	-7,54	-7,65	-7,67	-5,83	-6,05	-6,35	-5,26	-5,32	-5,30
30	-7,58	-7,69	-7,68	-5,87	-6,14	-6,41	-5,31	-5,33	-5,29
TB	-7,57	-7,63	-7,68	-5,86	-5,99	-6,30	-5,33	-5,33	-5,31

II.5. Tỉnh Đồng Nai:

II.5.1. Tầng chứa nước Pleistocene trung-thượng (qp₂₋₃)

Trong phạm vi tỉnh, theo kết quả quan trắc tại xã Phú Đông, huyện Nhơn Trạch (Q014340) mực nước trung bình tháng 11 dâng 0,18m so với tháng 10.

Dự báo: Trong tháng 12 và tháng 1 năm 2021 mực nước có xu thế hạ. Chi tiết diễn biến mực nước tại công trình Q014340 như sau (xem hình 53 và bảng 24).



Hình 52. Dự báo độ sâu mực nước tầng qp₂₋₃

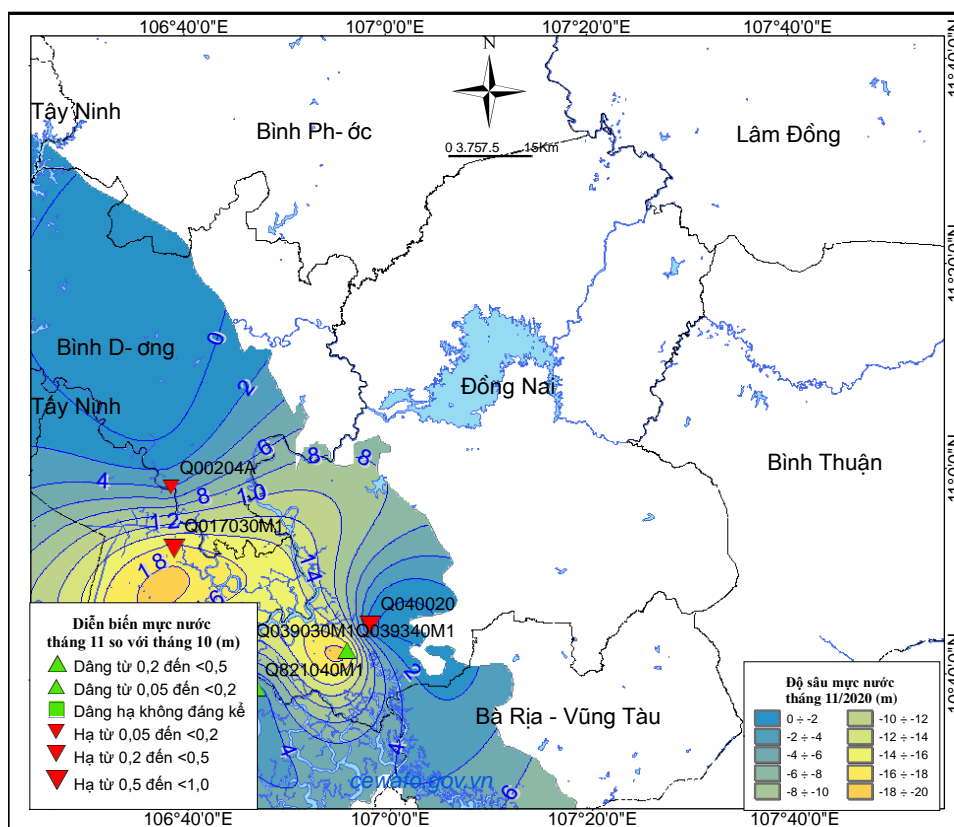
Bảng 24. Độ sâu mực nước tầng qp2-3 (m)

Ngày	xã Phú Đông, huyện Nhơn Trạch (Q014340)		
	Mức nước thực đo tháng 11	Mức nước dự báo	
		Tháng 12	Tháng 1 năm 2021
6	-2,09	-2,07	-2,30
12	-2,10	-2,11	-2,38
18	-2,12	-2,17	-2,44
24	-2,11	-2,20	-2,50
30	-2,10	-2,25	-2,58
TB	-2,10	-2,16	-2,44

II.5.2. Tầng chứa nước Pleistocene hạ (qp₁)

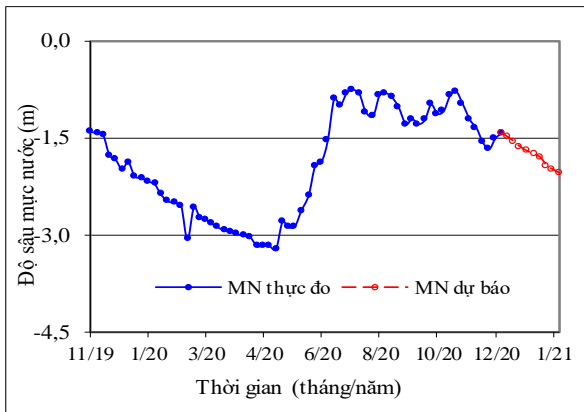
Trong phạm vi tỉnh, mực nước trung bình tháng 11 dâng so với tháng 10. Giá trị dâng cao nhất là 0,42m tại xã Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch (Q039030M1) và giá trị hạ thấp nhất là 0,54m tại xã Long An, huyện Long Thành (Q040020).

Mức nước trung bình tháng nông nhất là -1,51m tại xã xã Long An, huyện Long Thành (Q040020), mực nước trung bình tháng sâu nhất là -18,20m tại xã Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch (Q039340M1).

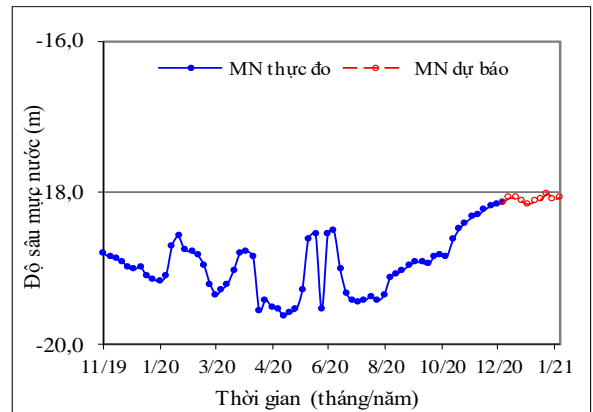


Hình 53. Sơ đồ diễn biến mực nước tháng 11 tầng qp₁

Dự báo: Trong tháng 12 và tháng 1 năm 2021 mực nước có xu thế hạ. Chi tiết diễn biến mực nước tại một số điểm đặc trưng như sau (xem hình 55 và bảng 25).



a) xã Long An, huyện Long Thành (Q040020)



b) xã Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch (Q039340M1)

Hình 54. Dự báo độ sâu mực nước tầng qp_1

Bảng 25. Độ sâu mực nước tầng qp_1 (m)

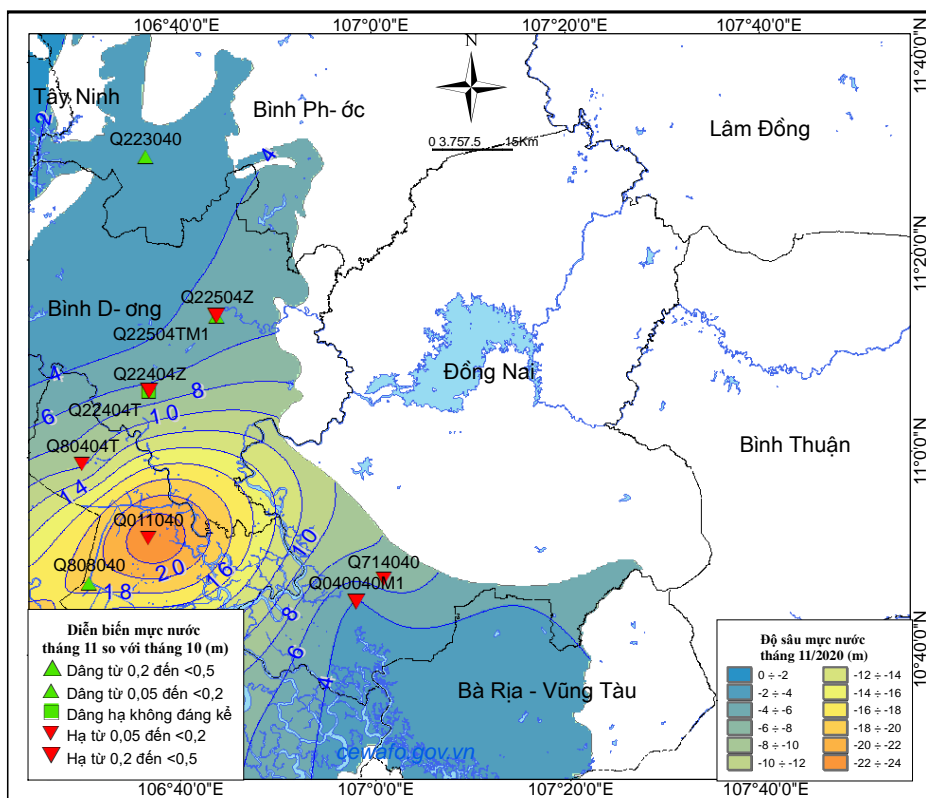
Ngày	xã Long An, huyện Long Thành (Q040020)		xã Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch (Q039340M1)			
	Mực nước thực đo tháng 11	Mực nước dự báo		Mực nước thực đo tháng 11	Mực nước dự báo	
		Tháng 12	Tháng 1 năm 2021		Tháng 12	Tháng 1 năm 2021
6	-1,35	-1,49	-1,80	-18,29	-18,07	-18,08
12	-1,57	-1,56	-1,93	-18,23	-18,08	-18,01
18	-1,68	-1,64	-1,99	-18,18	-18,11	-18,09
24	-1,51	-1,70	-2,04	-18,16	-18,15	-18,06
30	-1,43	-1,75	-2,08	-18,13	-18,12	-18,21
TB	-1,51	-1,63	-1,97	-18,20	-18,11	-18,09

Cảnh báo: So với mực nước hạ thấp cho phép (-30m) trong tháng 11 độ sâu mực nước trung bình tháng ở xã Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch là -18,20m (Q039340M1) đạt 60,67%. Các đơn vị khai thác nước dưới đất cần chú ý chế độ khai thác ở các nhà máy nước quanh khu vực này.

II.5.3. Tầng chứa nước Pliocene trung (n_2^2)

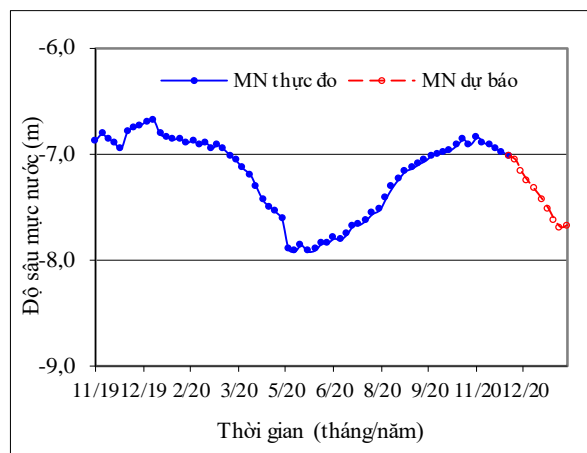
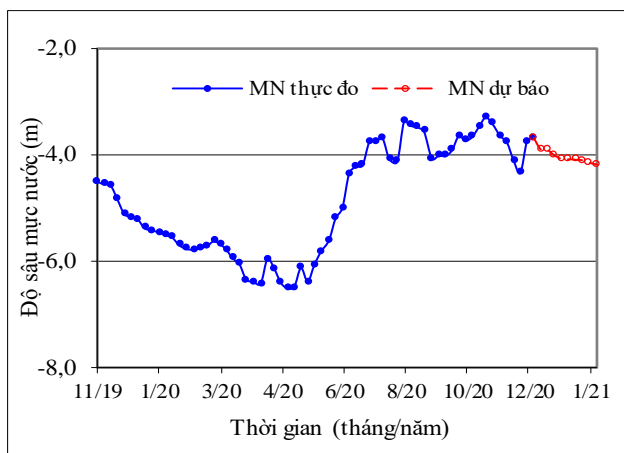
Trong phạm vi tỉnh, mực nước trung bình tháng 11 hạ so với tháng 10. Giá trị hạ thấp nhất là 0,44m tại xã Long An, huyện Long Thành (Q040040M1).

Mực nước trung bình tháng nông nhất là -3,93m tại xã Long An, huyện Long Thành (Q040040M1), mực nước trung bình tháng sâu nhất là -6,96m tại xã Bình Sơn, huyện Long Thành (Q714040).



Hình 55. Sơ đồ diễn biến mực nước tháng 11 tầng n_2^2

Dự báo: Trong tháng 12 và tháng 1 năm 2021 mực nước có xu thế hạ. Chi tiết diễn biến mực nước tại một số điểm đặc trưng như sau (xem hình 57 và bảng 26).



a) xã Long An, huyện Long Thành (Q040040M1)

b) xã Bình Sơn, huyện Long Thành (Q714040)

Hình 56. Dự báo độ sâu mực nước tầng n_2^2

Bảng 26. Độ sâu mực nước tầng n_2^2 (m)

Ngày	xã Long An, huyện Long Thành (Q040040M1)			xã Bình Sơn, huyện Long Thành (Q714040)		
	Mực nước thực đo tháng 11	Mực nước dự báo		Mực nước thực đo tháng 11	Mực nước dự báo	
		Tháng 12	Tháng 1 năm 2021		Tháng 12	Tháng 1 năm 2021
6	-3,77	-3,90	-4,10	-6,90	-7,06	-7,52
12	-4,11	-3,91	-4,11	-6,92	-7,17	-7,64
18	-4,35	-4,02	-4,16	-6,96	-7,26	-7,71

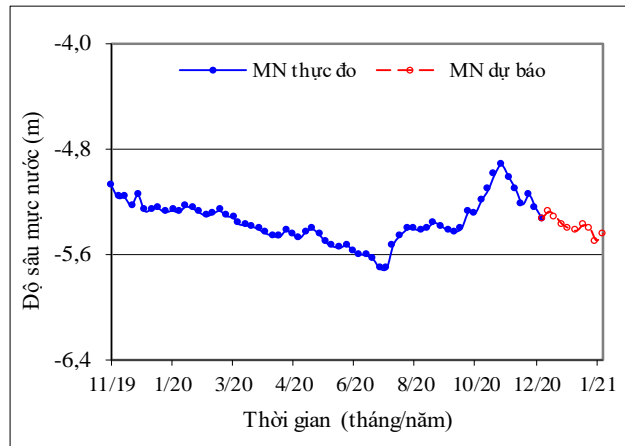
Ngày	xã Long An, huyện Long Thành (Q040040M1)			xã Bình Sơn, huyện Long Thành (Q714040)		
	Mức nước thực đo tháng 11	Mức nước dự báo		Mức nước thực đo tháng 11	Mức nước dự báo	
		Tháng 12	Tháng 1 năm 2021		Tháng 12	Tháng 1 năm 2021
24	-3,75	-4,08	-4,19	-6,99	-7,34	-7,68
30	-3,68	-4,09	-4,23	-7,02	-7,43	-7,62
TB	-3,93	-4,00	-4,16	-6,96	-7,25	-7,63

II.6. Tỉnh Long An:

II.6.1. Tầng chứa nước Pleistocene thượng (qp₃)

Trong phạm vi tỉnh, theo kết quả quan trắc tại TT Thạnh Hóa, huyện Thạnh Hóa (Q02202T) mực nước trung bình tháng 11 hạ 0,13m so với tháng 10.

Dự báo: Trong tháng 12 và tháng 1 năm 2021 mực nước có xu thế hạ. Chi tiết diễn biến mực nước tại công trình Q02202T như sau (xem hình 58 và bảng 27).



Hình 57. Dự báo độ sâu mực nước tầng qp₃
Bảng 27. Độ sâu mực nước tầng qp₃ (m)

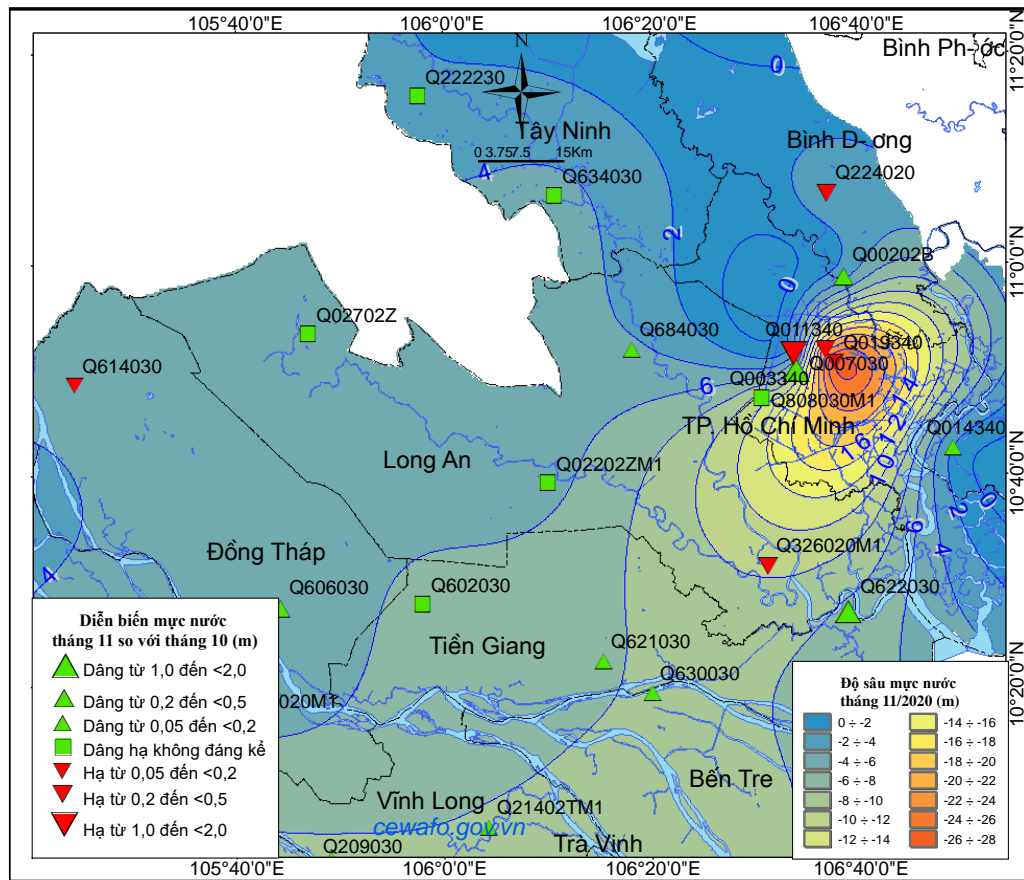
Ngày	TT Thạnh Hóa, huyện Thạnh Hóa (Q02202T)		
	Mức nước thực đo tháng 11	Mức nước dự báo	
		Tháng 12	Tháng 1 năm 2021
6	-5,11	-5,28	-5,38
12	-5,22	-5,32	-5,40
18	-5,15	-5,38	-5,50
24	-5,25	-5,41	-5,45
30	-5,33	-5,43	-5,41
TB	-5,21	-5,36	-5,43

II.6.2. Tầng chứa nước Pleistocene trung-thượng (qp2-3)

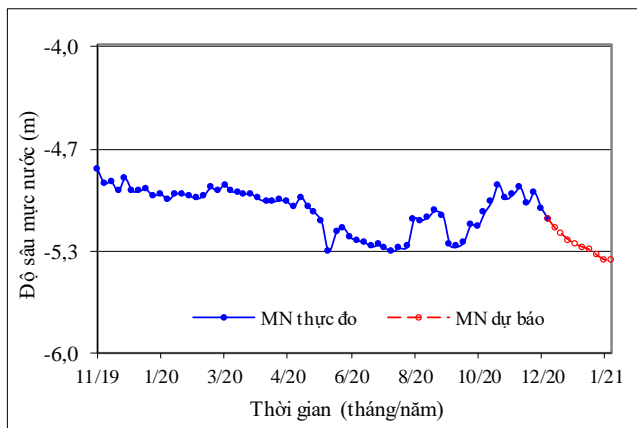
Trong phạm vi tỉnh, mực nước trung bình tháng 11 có xu thế dâng là chính so với tháng 10. Giá trị dâng cao nhất là 0,15m tại Mỹ Thạnh Đông, Đức Huệ (Q684030) và giá trị hạ thấp nhất là 0,27m tại TT Tân Trụ, huyện Tân Trụ (Q326020M1).

Mực nước trung bình tháng nông nhất là -4,32m tại Mỹ Thạnh Đông, Đức Huệ (Q684030), mực nước trung bình tháng sâu nhất là -10,35m tại TT Tân Trụ, huyện Tân Trụ (Q326020M1).

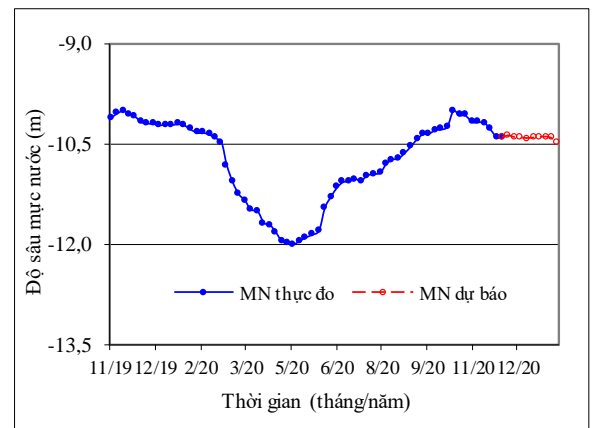
Dự báo: Trong tháng 12 và tháng 1 năm 2021 mực nước có xu thế hạ. Chi tiết diễn biến mực nước tại một số điểm đặc trưng như sau (xem hình 60 và bảng 28).



Hình 58. Sơ đồ diễn biến mực nước tháng 11 tầng qp2-3



a) TT Thanh Hóa, huyện Thanh Hóa (Q02202ZM1)



b) TT Tân Trụ, huyện Tân Trụ (Q326020M1)

Hình 59. Dự báo độ sâu mực nước tầng qp2-3

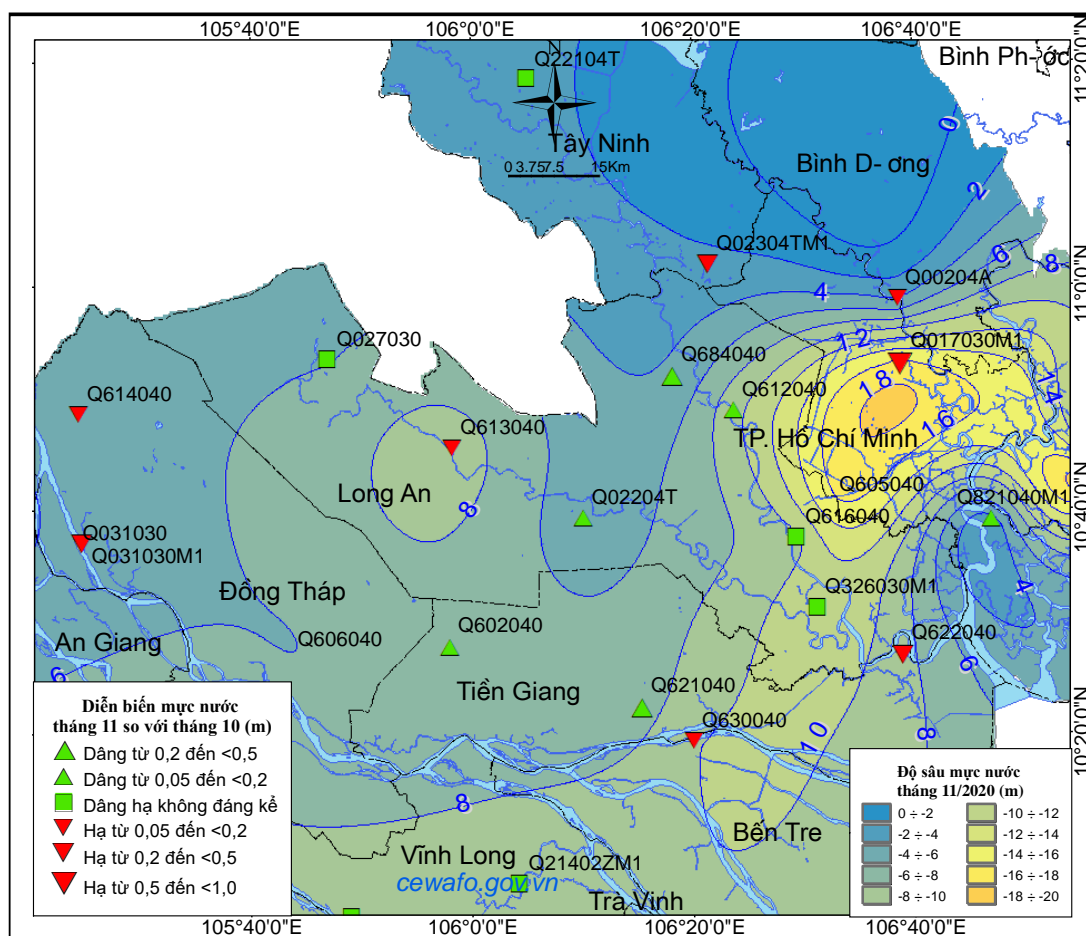
Bảng 28. Độ sâu mực nước tầng qp₂₋₃ (m)

Ngày	TT Thanh Hóa, huyện Thanh Hóa (Q02202ZM1)			TT Tân Trụ, huyện Tân Trụ (Q326020M1)		
	Mức nước thực đo tháng 11	Mức nước dự báo		Mức nước thực đo tháng 11	Mức nước dự báo	
		Tháng 12	Tháng 1 năm 2021		Tháng 12	Tháng 1 năm 2021
6	-4,93	-5,19	-5,33	-10,17	-10,38	-10,40
12	-5,03	-5,23	-5,37	-10,18	-10,40	-10,39
18	-4,96	-5,27	-5,40	-10,28	-10,40	-10,41
24	-5,06	-5,30	-5,39	-10,39	-10,41	-10,48
30	-5,13	-5,31	-5,40	-10,40	-10,41	-10,31
TB	-5,02	-5,26	-5,38	-10,28	-10,40	-10,40

II.6.3. Tầng chứa nước Pleistocene hạ (qp₁)

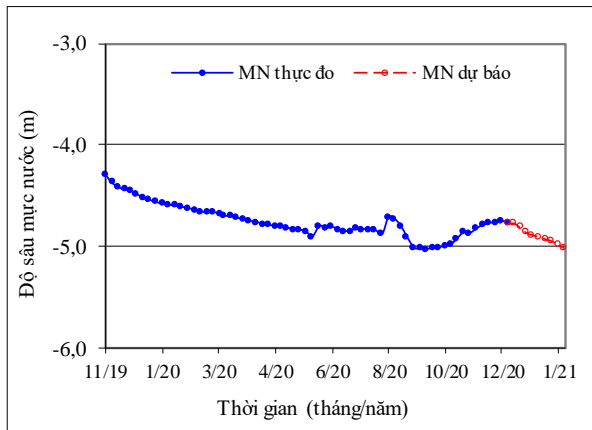
Trong phạm vi tỉnh, mực nước trung bình tháng 11 có xu thế dâng so với tháng 10. Giá trị dâng cao nhất là 0,26m tại Mỹ Thạnh Đông, Đức Huệ (Q684040).

Mức nước trung bình tháng nông nhất là -4,43m tại Mỹ Thạnh Đông, Đức Huệ (Q684040), mực nước trung bình tháng sâu nhất là -11,37m tại TT Tân Trụ, huyện Tân Trụ (Q326030M1).

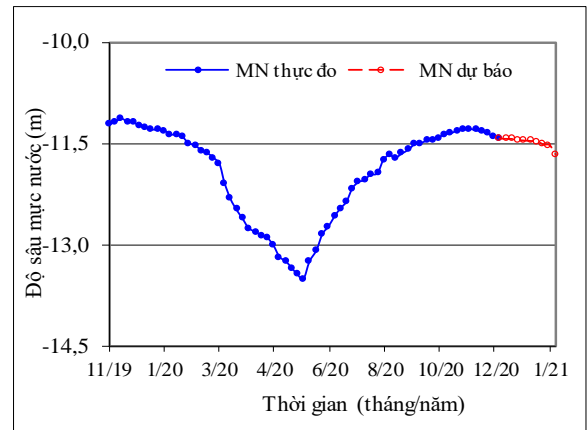


Hình 60. Sơ đồ diễn biến mực nước tháng 11 tầng qp₁

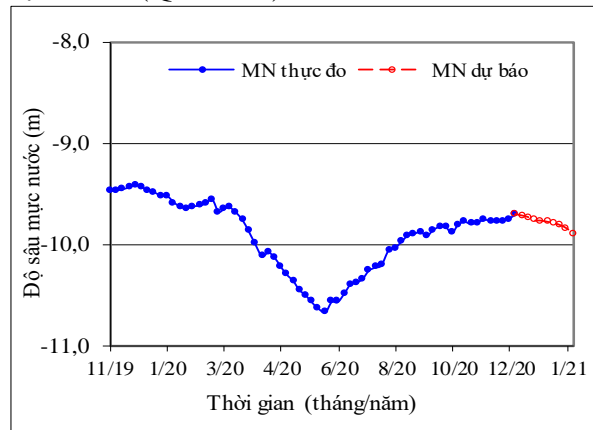
Dự báo: Trong tháng 12 và tháng 1 năm 2021 mực nước có xu thế hạ. Chi tiết diễn biến mực nước tại một số điểm đặc trưng như sau (xem hình 62 và bảng 29).



a) TT Thanh Hóa, huyện Thanh Hóa (Q02204T)



b) TT Tân Trụ, huyện Tân Trụ (Q326030M1)



c) TT Bến Lức, huyện Bến Lức (Q616040)

Hình 61. Dự báo độ sâu mực nước tầng q₁

Bảng 29. Độ sâu mực nước tầng q₁ (m)

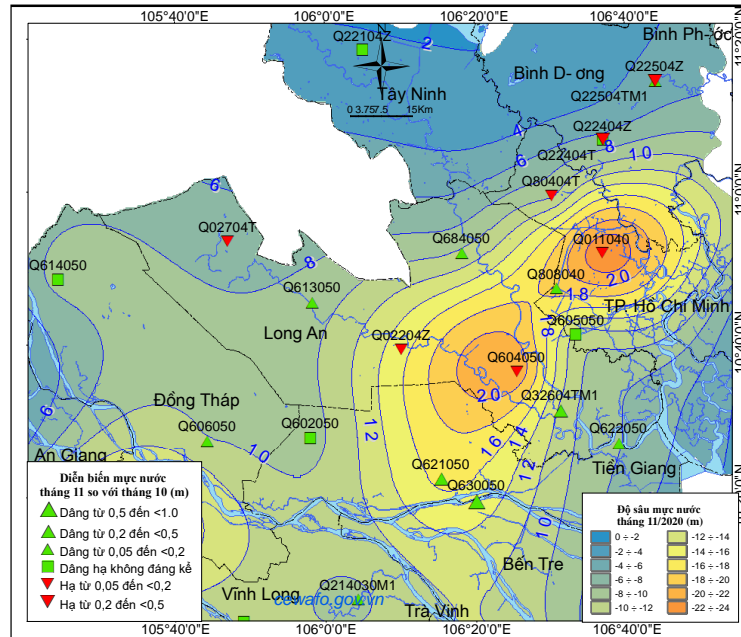
Ngày	TT Thanh Hóa, huyện Thanh Hóa (Q02204T)			TT Tân Trụ, huyện Tân Trụ (Q326030M1)			TT Bến Lức, huyện Bến Lức (Q616040)		
	Mực nước thực đo tháng 11	Mực nước dự báo		Mực nước thực đo tháng 11	Mực nước dự báo		Mực nước thực đo tháng 11	Mực nước dự báo	
		Tháng 12	Tháng 1 năm 2021		Tháng 12	Tháng 1 năm 2021		Tháng 12	Tháng 1 năm 2021
6	-4,79	-4,77	-4,93	-11,31	-11,44	-11,48	-9,77	-9,72	-9,79
12	-4,77	-4,81	-4,95	-11,33	-11,44	-11,52	-9,78	-9,74	-9,81
18	-4,76	-4,86	-4,98	-11,36	-11,45	-11,54	-9,77	-9,77	-9,85
24	-4,75	-4,89	-5,02	-11,40	-11,46	-11,69	-9,75	-9,77	-9,89
30	-4,77	-4,91	-5,02	-11,43	-11,47	-11,72	-9,71	-9,78	-9,91
TB	-4,77	-4,85	-4,98	-11,37	-11,45	-11,59	-9,76	-9,76	-9,85

II.6.4. Tầng chứa nước Pliocene trung (n₂²)

Trong phạm vi tỉnh, mực nước trung bình tháng 11 dâng hạ không rõ ràng so với tháng 10. Giá trị dâng cao nhất là 0,22m tại TT Tân Trụ, huyện Tân Trụ (Q32604TM1)

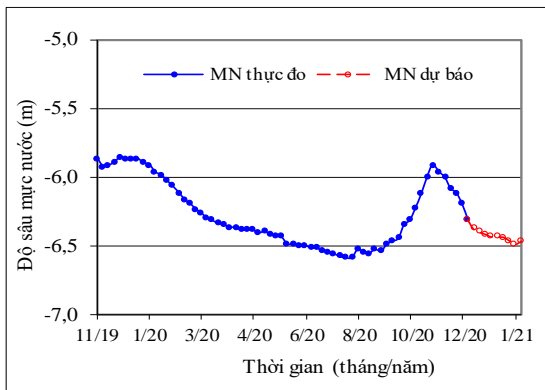
và giá trị hạ thấp nhất là 0,11m tại xã Nhị Thành, huyện Thụ Thờ (Q604050).

Mức nước trung bình tháng nông nhất là -7,10m tại TT Vĩnh Hưng, huyện Vĩnh Hưng (Q02704T), mức nước trung bình tháng sâu nhất là -21,38m tại xã Nhị Thành, huyện Thụ Thờ (Q604050).

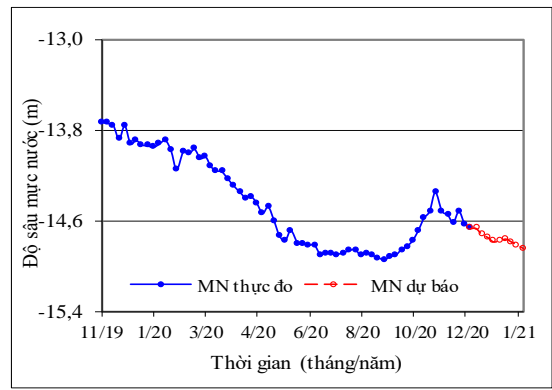


Hình 62. Sơ đồ diễn biến mực nước tháng 11 tăng n²

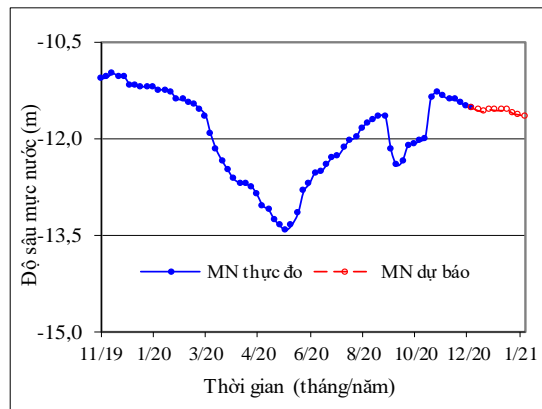
Dự báo: Mực nước có xu thế hạ vào tháng 12 và tháng 1 năm 2021. Chi tiết diễn biến mực nước tại một số điểm đặc trưng như sau (xem hình 64 và bảng 30).



a) TT Vĩnh Hưng, huyện Vĩnh Hưng (Q02704T)



b) TT Thanh Hóa, huyện Thanh Hóa (Q02204Z)



c) TT Tân Trụ, huyện Tân Trụ (Q32604TM1)

Hình 63. Dự báo độ sâu mực nước tăng n²

Bảng 30. Độ sâu mực nước tầng n_2^2 (m)

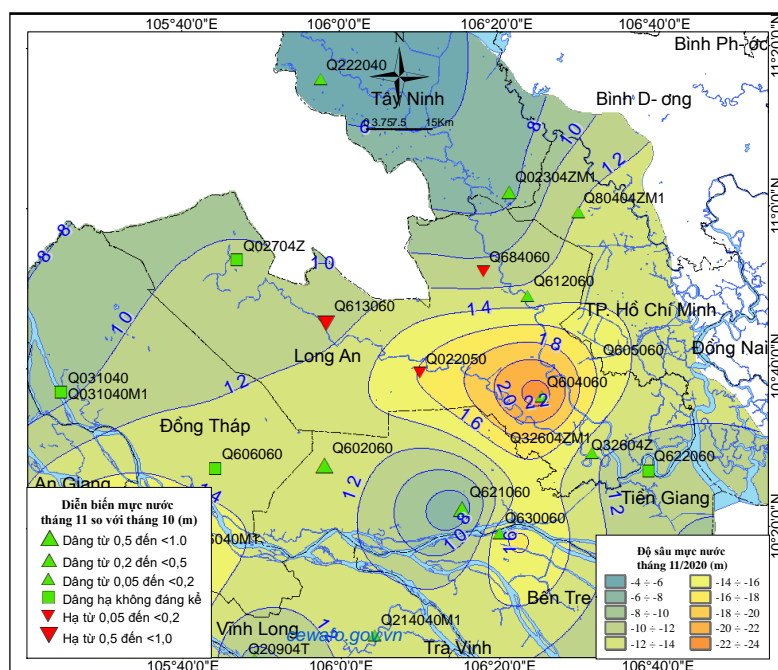
Ngày	TT Vĩnh Hưng, huyện Vĩnh Hưng (Q02704T)			TT Thanh Hóa, huyện Thanh Hóa (Q02204Z)			TT Tân Trụ, huyện Tân Trụ (Q32604TM1)		
	Mức nước thực đo tháng 11	Mức nước dự báo		Mức nước thực đo tháng 11	Mức nước dự báo		Mức nước thực đo tháng 11	Mức nước dự báo	
		Tháng 12	Tháng 1 năm 2021		Tháng 12	Tháng 1 năm 2021		Tháng 12	Tháng 1 năm 2021
6	-6,01	-6,38	-6,44	-14,55	-14,67	-14,76	-11,40	-11,57	-11,57
12	-6,09	-6,40	-6,47	-14,62	-14,72	-14,79	-11,41	-11,59	-11,62
18	-6,12	-6,42	-6,49	-14,52	-14,75	-14,82	-11,45	-11,55	-11,64
24	-6,20	-6,44	-6,47	-14,63	-14,79	-14,84	-11,51	-11,57	-11,67
30	-6,31	-6,44	-6,45	-14,67	-14,77	-14,85	-11,52	-11,57	-11,72
TB	-6,15	-6,41	-6,46	-14,60	-14,74	-14,81	-11,46	-11,57	-11,65

Cảnh báo: So với mực nước hạ thấp cho phép (-30m) trong tháng 11 độ sâu mực nước trung bình tháng ở xã Nhị Thành, huyện Thủ Thừa là -21,38m (Q604050) đạt 71,27%. Các đơn vị khai thác nước dưới đất cần chú ý chế độ khai thác ở các nhà máy nước quanh khu vực này.

II.6.5. Tầng chứa nước Pliocene hạ (n_2^1)

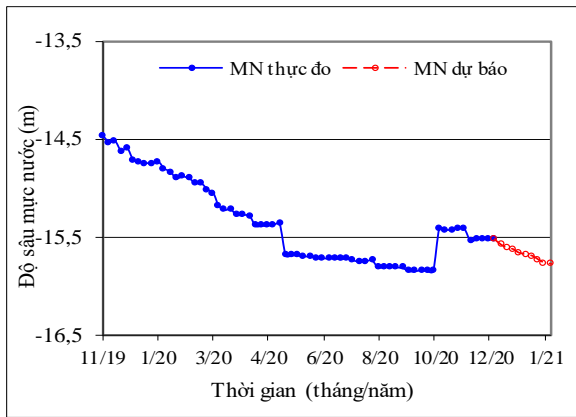
Trong phạm vi tỉnh, mực nước trung bình tháng 11 có xu thế dâng so với tháng 10. Giá trị dâng cao nhất là 0,19m tại xã Hòa Khánh Nam, huyện Đức Hòa (Q612060) và giá trị hạ thấp nhất là 0,74m tại Bình Hòa Trung, Mộc Hóa (Q613060).

Mực nước trung bình tháng nông nhất là -10,44m tại TT Vĩnh Hưng, huyện Vĩnh Hưng (Q02704Z), mực nước trung bình tháng sâu nhất là -22,62m tại xã Nhị Thành, huyện Thủ Thừa (Q604060).

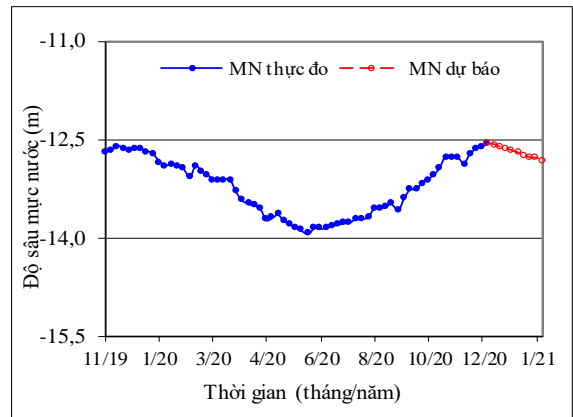


Hình 64. Sơ đồ diễn biến mực nước tháng 11 tầng n_2^1

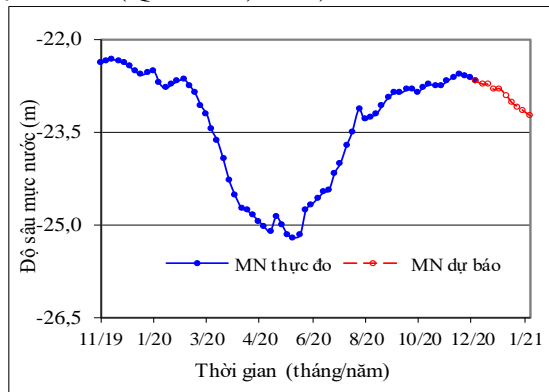
Dự báo: Trong tháng 12 và tháng 1 năm 2021 mực nước có xu thế hạ. Chi tiết diễn biến mực nước tại một số điểm đặc trưng như sau (xem hình 66 và bảng 31).



a) TT Thanh Hóa, huyện Thanh Hóa (Q022050)



b) xã Hòa Khánh Nam, huyện Đức Hòa (Q612060)



c) xã Nhị Thành, huyện Thủ Thừa (Q604060)

Hình 65. Dự báo độ sâu mực nước tầng n_2^1

Bảng 31. Độ sâu mực nước tầng n_2^1 (m)

Ngày	TT Thanh Hóa, huyện Thanh Hóa (Q022050)			xã Hòa Khánh Nam, huyện Đức Hòa (Q612060)			xã Nhị Thành, huyện Thủ Thừa (Q604060)		
	Mực nước thực đo tháng 11	Mực nước dự báo		Mực nước thực đo tháng 11	Mực nước dự báo		Mực nước thực đo tháng 11	Mực nước dự báo	
		Tháng 12	Tháng 1 năm 2021		Tháng 12	Tháng 1 năm 2021		Tháng 12	Tháng 1 năm 2021
6	-15,54	-15,58	-15,70	-12,88	-12,58	-12,74	-22,62	-22,73	-23,04
12	-15,53	-15,62	-15,74	-12,74	-12,62	-12,78	-22,57	-22,73	-23,10
18	-15,52	-15,63	-15,77	-12,66	-12,64	-12,78	-22,59	-22,81	-23,17
24	-15,53	-15,67	-15,78	-12,63	-12,67	-12,83	-22,63	-22,80	-23,24
30	-15,53	-15,68	-15,78	-12,58	-12,71	-12,86	-22,68	-22,92	-23,25
TB	-15,53	-15,64	-15,75	-12,70	-12,65	-12,80	-22,62	-22,80	-23,16

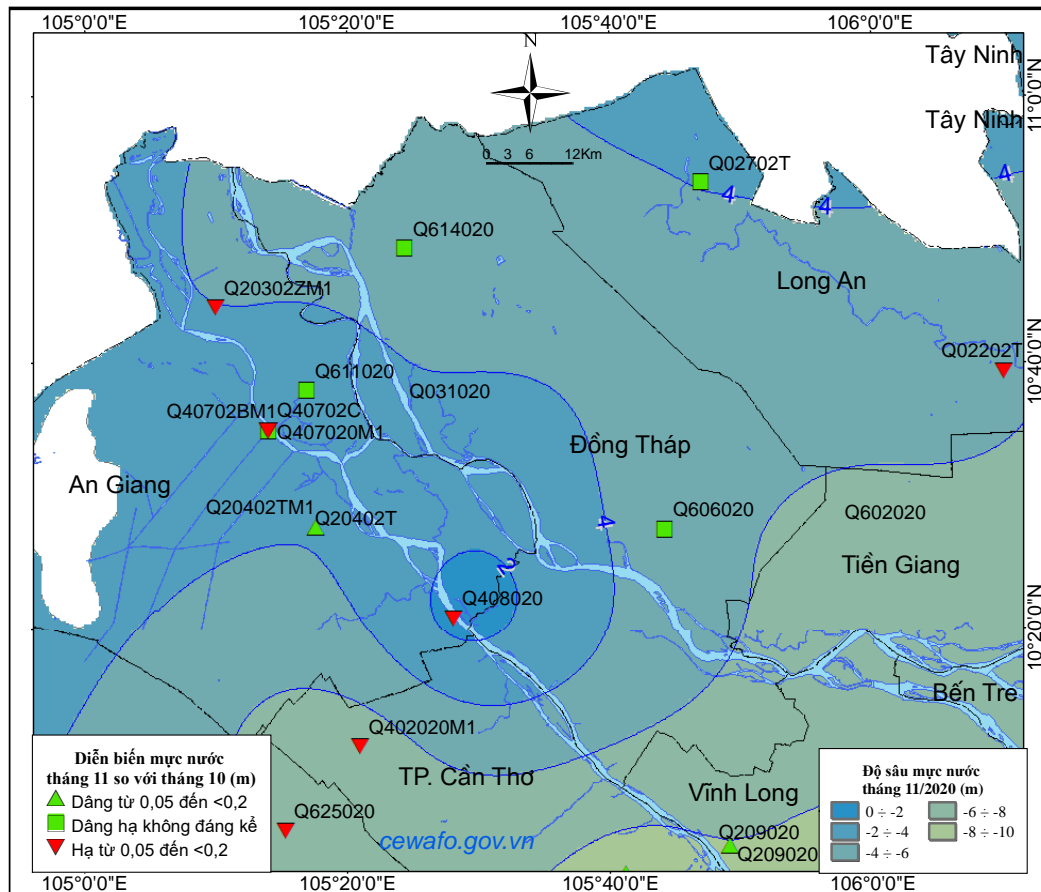
Cảnh báo: So với mực nước hạ thấp cho phép (-30m) trong tháng 11 độ sâu mực nước trung bình tháng ở TT Thanh Hóa, huyện Thanh Hóa là -16,16m (Q022050) đạt 53,87%, xã Nhị Thành, huyện Thủ Thừa là -22,62m (Q604060) đạt 75,40%. Các đơn vị khai thác nước dưới đất cần chú ý chế độ khai thác ở các nhà máy nước quanh khu vực này.

II.7. Tỉnh Đồng Tháp:

II.7.1. Tầng chứa nước Pleistocene thượng (qp₃)

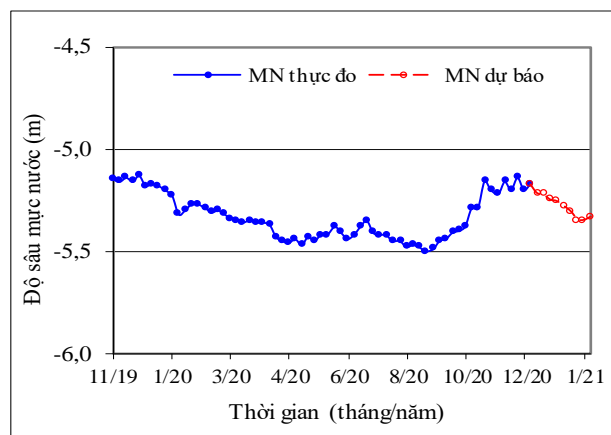
Trong phạm vi tỉnh, mực nước trung bình tháng 11 có xu thế dâng không đáng kể so với tháng 10.

Mực nước trung bình tháng nông nhất là -3,78m tại xã An Phong, huyện Thanh Bình (Q031020), mực nước trung bình tháng sâu nhất là -5,17m tại xã Mỹ Thọ, huyện Cao Lãnh (Q606020).



Hình 66. Sơ đồ diễn biến mực nước tháng 11 tầng qp₃

Dự báo: Trong tháng 12 và tháng 1 mực nước tại công trình Q606020 có xu thế hạ. Chi tiết diễn biến mực nước như sau (xem hình 68 và bảng 32).



Hình 67. Dự báo độ sâu mực nước tầng qp₃

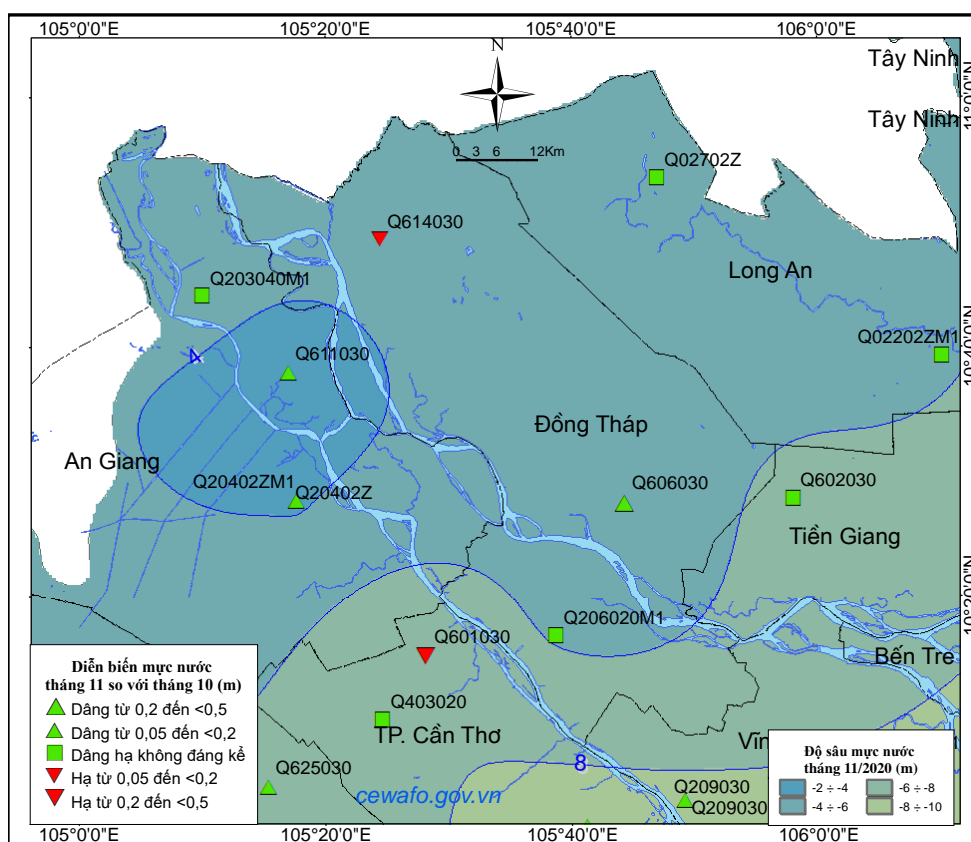
Bảng 32. Độ sâu mực nước tầng qp₃ (m)

Ngày	Xã Mỹ Thọ, huyện Cao Lãnh (Q606020)		
	Mức nước thực đo tháng 11	Mức nước dự báo	
		Tháng 12	Tháng 1 năm 2021
6	-5,16	-5,21	-5,31
12	-5,20	-5,22	-5,35
18	-5,14	-5,25	-5,35
24	-5,20	-5,26	-5,33
30	-5,17	-5,28	-5,30
TB	-5,17	-5,24	-5,33

II.7.2. Tầng chứa nước Pleistocene trung-thượng (qp₂₋₃)

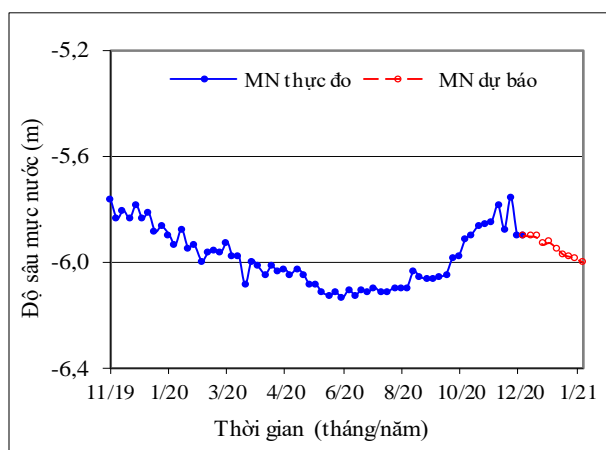
Trong phạm vi tỉnh, mực nước trung bình tháng 11 dâng hạ không rõ ràng so với tháng 10. Giá trị dâng cao nhất là 0,24m tại Mỹ Thọ, Cao Lãnh (Q606030) và giá trị hạ thấp nhất là 0,17m tại An Bình B, TX Hồng Ngự (Q614030).

Mực nước trung bình tháng nông nhất là -4,71m tại An Bình B, TX Hồng Ngự (Q614030), mực nước trung bình tháng sâu nhất là -5,85m tại xã Hòa Long, huyện Lai Vung (Q206020M1).



Hình 68. Sơ đồ diễn biến mực nước tháng 11 tầng qp₂₋₃

Dự báo: Trong tháng 12 và tháng 1 năm 2021 mực nước tại công trình Q206020M1 có xu thế hạ. Chi tiết diễn biến mực nước như sau (xem hình 70 và bảng 33).



Hình 69. Dự báo độ sâu mực nước tầng qp₂₋₃

Bảng 33. Độ sâu mực nước tầng qp₂₋₃ (m)

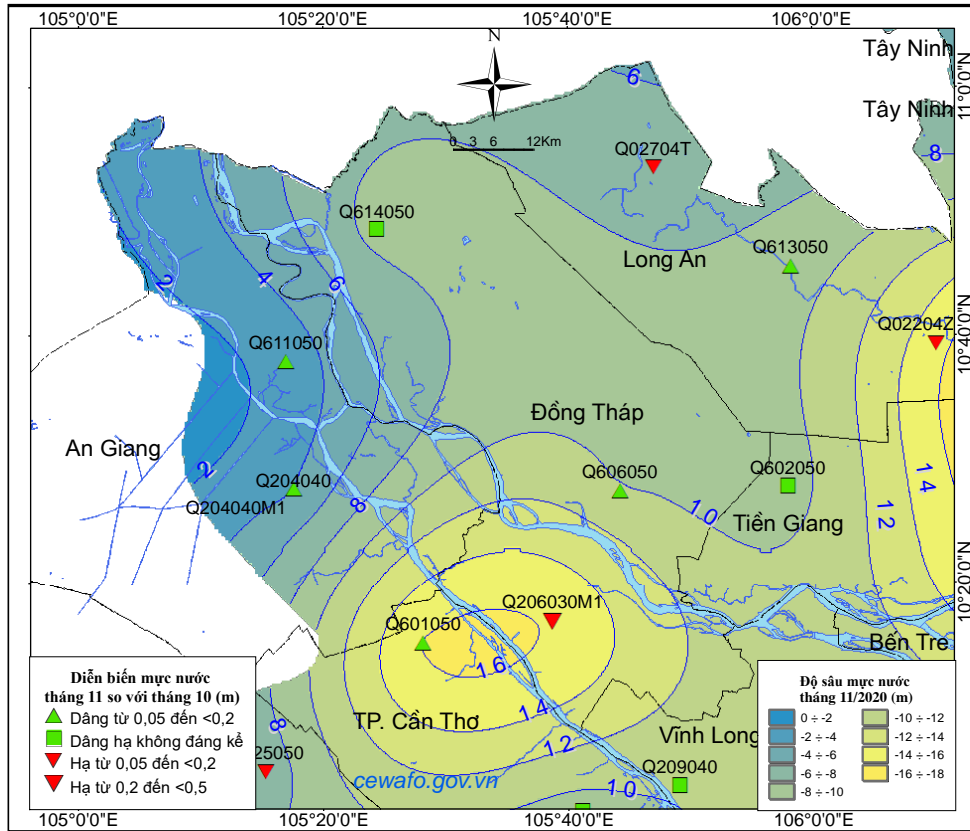
Ngày	xã Hòa Long, huyện Lai Vung (Q206020M1)		
	Mực nước thực đo tháng 11	Mực nước dự báo	
		Tháng 12	Tháng 1 năm 2021
6	-5,79	-5,90	-5,97
12	-5,88	-5,91	-5,98
18	-5,76	-5,93	-5,99
24	-5,90	-5,93	-6,00
30	-5,90	-5,95	-6,00
TB	-5,85	-5,92	-5,99

II.7.3. Tầng chứa nước Pliocene trung (n₂²)

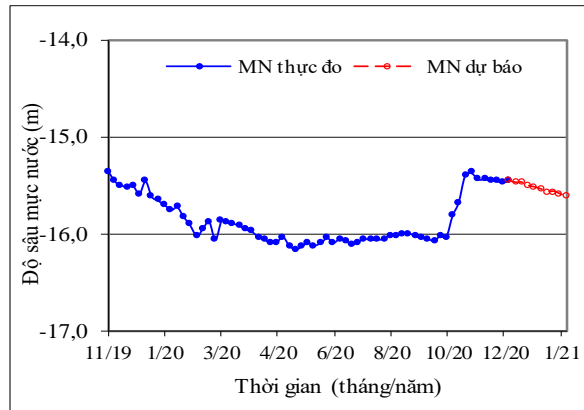
Trong phạm vi tỉnh, mực nước trung bình tháng 11 có xu thế dâng hạ không rõ ràng so với tháng 10. Giá trị mực nước dâng cao nhất là 0,15m tại Mỹ Thọ, Cao Lãnh (Q606050) và giá trị hạ thấp nhất là 0,23m tại xã Hòa Long, huyện Lai Vung (Q206030M1).

Mực nước trung bình tháng nông nhất là -8,52m tại An Bình B, TX Hồng Ngự (Q614050), mực nước trung bình tháng sâu nhất là -15,81m tại xã Hòa Long, huyện Lai Vung (Q206030M1).

Dự báo: Trong tháng 12 và tháng 1 năm 2021 mực nước tại công trình Q206030M1 có xu thế hạ. Chi tiết diễn biến mực nước như sau (xem hình 72 và bảng 34).



Hình 70. Sơ đồ diễn biến mực nước tháng 11 tầng n_2^2



Hình 71. Dự báo độ sâu mực nước tầng n_2^2

Bảng 34. Độ sâu mực nước tầng n_2^2 (m)

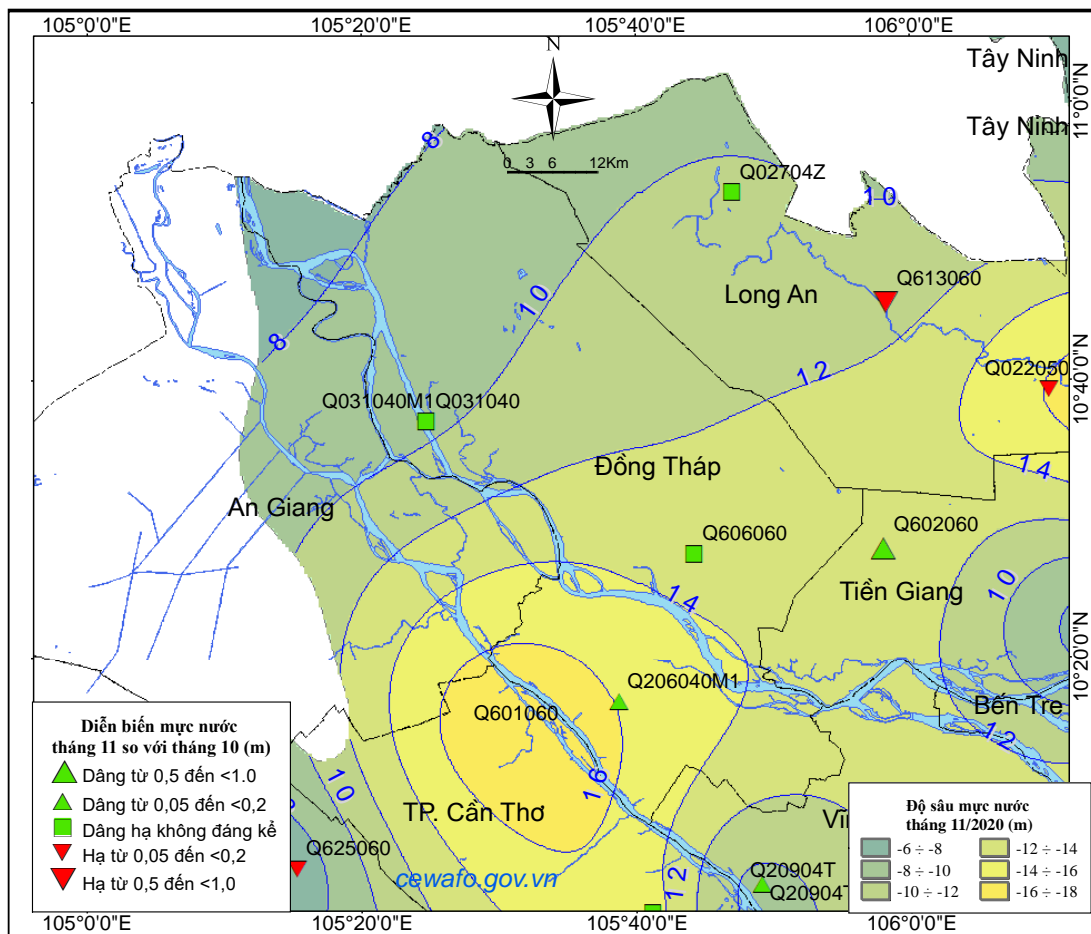
Ngày	xã Hòa Long, huyện Lai Vung (Q206030M1)		
	Mực nước thực đo tháng 11	Mực nước dự báo	
		Tháng 12	Tháng 1 năm 2021
6	-15,44	-15,48	-15,57
12	-15,45	-15,48	-15,57
18	-15,46	-15,51	-15,60
24	-15,47	-15,52	-15,62
30	-15,46	-15,55	-15,65
TB	-15,46	-15,51	-15,60

Cảnh báo: So với mực nước hạ thấp cho phép (-30m) trong tháng 11 độ sâu mực nước trung bình tháng ở xã Hòa Long, huyện Lai Vung là -15,81m (Q206030M1) đạt 52,70%. Các đơn vị khai thác nước dưới đất cần chú ý chế độ khai thác ở các nhà máy nước quanh khu vực này.

II.7.4. Tầng chứa nước Pliocene hạ (n_2^1)

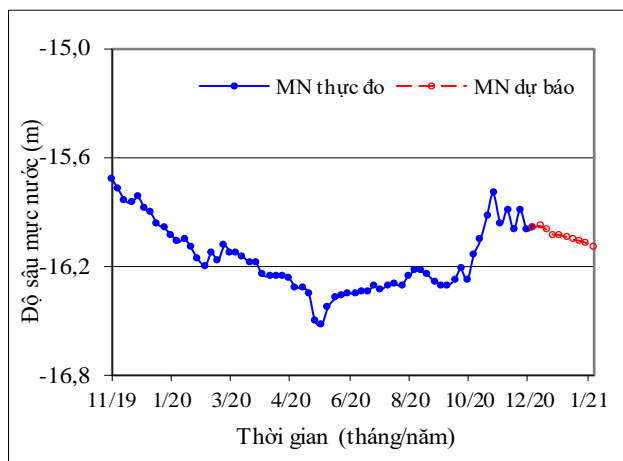
Trong phạm vi tỉnh, mực nước trung bình tháng 11 có xu thế dâng so với tháng 10. Giá trị mực nước dâng cao nhất là 0,06m tại xã Hòa Long, huyện Lai Vung (Q206040M1).

Mực nước trung bình tháng nông nhất là -9,65m tại xã An Phong, huyện Thanh Bình (Q031040), mực nước trung bình tháng sâu nhất là -15,95m tại xã Hòa Long, huyện Lai Vung (Q206040M1).

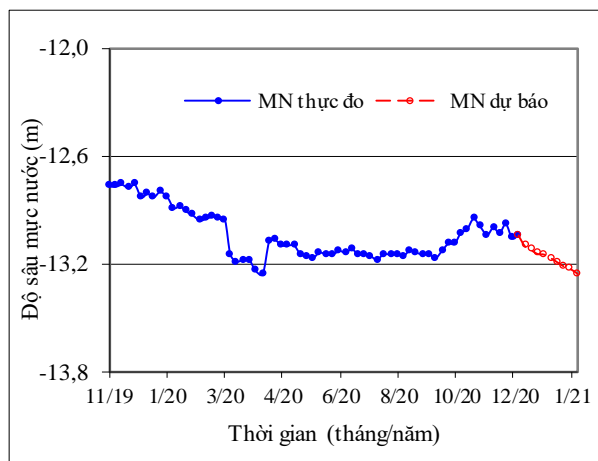


Hình 72. Sơ đồ diễn biến mực nước tháng 11 tầng n_2^1

Dự báo: Trong tháng 12 và tháng 1 năm 2021 mực nước có xu thế hạ. Chi tiết diễn biến mực nước tại một số điểm đặc trưng như sau (xem hình 74 và bảng 35).



a) xã Hòa Long, huyện Lai Vung (Q206040M1)



b) xã Mỹ Thọ, huyện Cao Lãnh (Q606060)

Hình 73. Dự báo độ sâu mực nước tầng n_2^1

Bảng 35. Độ sâu mực nước tầng n_2^1 (m)

Ngày	xã Hòa Long, huyện Lai Vung (Q206040M1)			xã Mỹ Thọ, huyện Cao Lãnh (Q606060)		
	Mức nước thực đo tháng 11	Mức nước dự báo		Mức nước thực đo tháng 11	Mức nước dự báo	
		Tháng 12	Tháng 1 năm 2021		Tháng 12	Tháng 1 năm 2021
6	-15,89	-15,98	-16,06	-13,00	-13,10	-13,20
12	-16,00	-16,00	-16,07	-13,03	-13,12	-13,22
18	-15,89	-16,03	-16,08	-12,98	-13,15	-13,23
24	-16,00	-16,03	-16,10	-13,06	-13,15	-13,26
30	-15,99	-16,05	-16,13	-13,04	-13,17	-13,27
TB	-15,95	-16,02	-16,09	-13,02	-13,14	-13,23

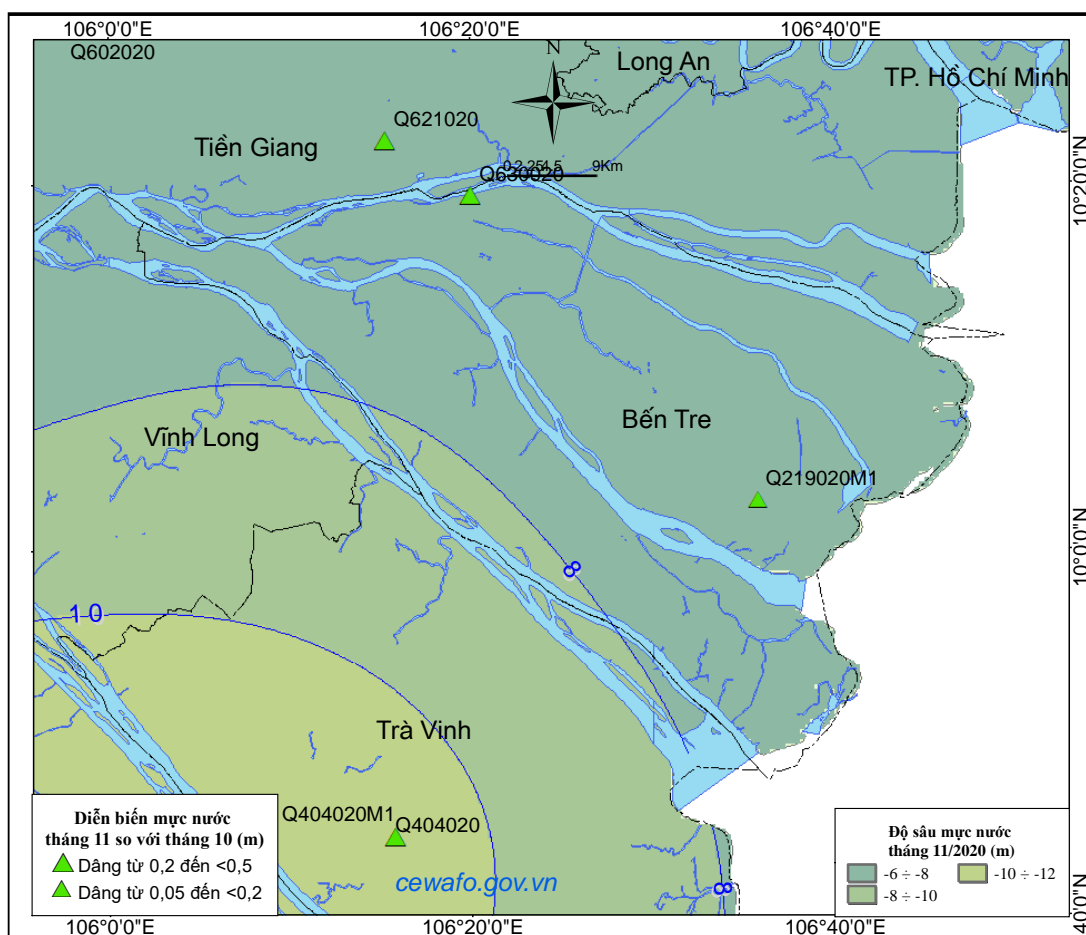
Cảnh báo: So với mực nước hạ thấp cho phép (-30m) trong tháng 11 độ sâu mực nước trung bình tháng ở xã Hòa Long, huyện Lai Vung là -15,95m (Q206040M1) đạt 53,17%. Các đơn vị khai thác nước dưới đất cần chú ý chế độ khai thác ở các nhà máy nước quanh khu vực này.

II.8. Tỉnh Bến Tre:

II.8.1. Tầng chứa nước Pleistocene thượng (qp_3)

Trong phạm vi tỉnh, mực nước trung bình tháng 11 dâng so với tháng 10. Giá trị dâng cao nhất là 0,31m tại An Khánh, Châu Thành (Q630020).

Mực nước trung bình tháng nông nhất là -6,66m tại TT Ba Tri, huyện Ba Tri (Q219020M1), mực nước trung bình tháng sâu nhất là -7,29m tại xã An Khánh, Châu Thành (Q630020).

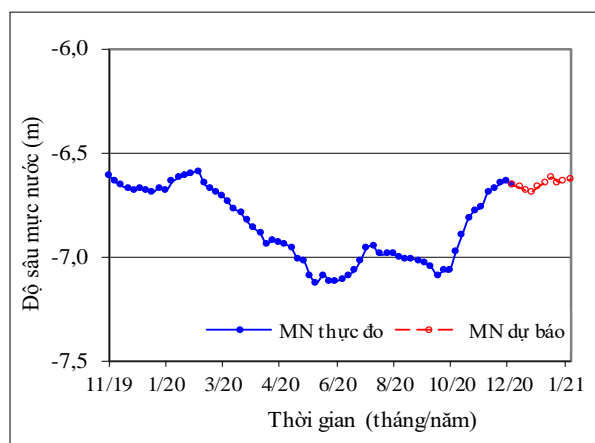


Hình 74. Sơ đồ diễn biến mực nước tháng 11 tầng qp3

Dự báo: Tỉnh Bến Tre là một trong những tỉnh thuộc ĐBSCL chịu ảnh hưởng của hạn hán trong năm nay. Trong tháng 12 và tháng 1 năm 2021 mực nước tại các huyện trong tỉnh có xu hướng dâng, trong đó mực nước dâng cao nhất là 1,71m tại huyện Chợ Lách, mực nước hạ thấp nhất là 0,35m tại huyện Bình Đại (xem bảng 36). Đồ thị mực nước minh họa tại tỉnh Bến Tre xem hình 76.

Bảng 36. Dự báo độ sâu mực nước các huyện tầng qp3

STT	Huyện	Mực nước thực đo tháng 11	Mực nước dự báo tháng 12	Thay đổi giá trị MN	Xu hướng
1	Ba Trĩ	-6,66	-6,69	-0,03	DHKDK
2	Bến Tre	-7,35	-6,96	0,38	Dâng
3	Bình Đại	-6,66	-7,01	-0,35	Hạ
4	Châu Thành	-7,31	-6,65	0,66	Dâng
5	Chợ Lách	-7,56	-5,85	1,71	Dâng
6	Giồng Trôm	-7,16	-6,99	0,17	Dâng
7	Mỏ Cày	-7,89	-7,22	0,67	Dâng
8	Thạnh Phú	-7,41	-7,58	-0,17	Hạ



Hình 75. Dự báo độ sâu mực nước tầng qp3 (m)

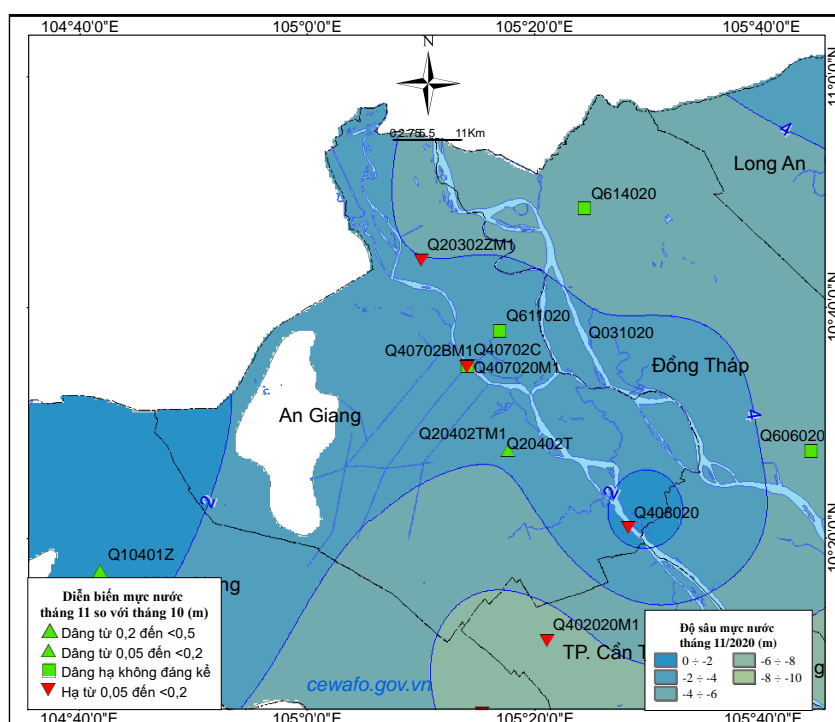
Cảnh báo: So với mực nước hạ thấp cho phép (-30m) trong tháng 11 độ sâu mực nước trung bình tháng ở xã An Khánh, huyện Châu Thành (TCN n₂²) là -14,91m (Q630050) đạt 49,70%, xã An Khánh, huyện Châu Thành (TCN n₂¹) là -15,49m đạt 51,63%. Các đơn vị khai thác nước dưới đất cần chú ý chế độ khai thác ở các nhà máy nước quanh khu vực này.

II.9. Tỉnh An Giang:

II.9.1. Tầng chứa nước Pleistocene thượng (qp3)

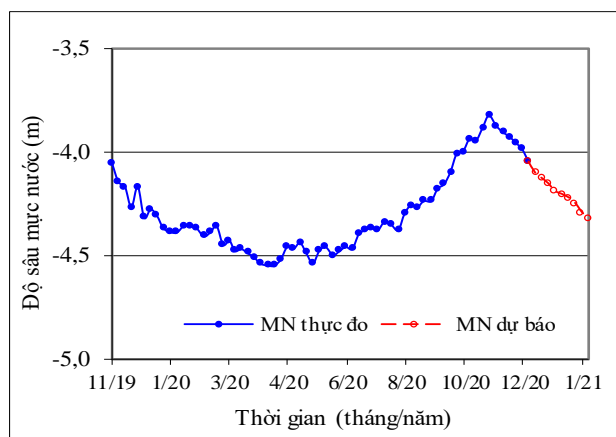
Trong phạm vi tỉnh, mực nước trung bình tháng 11 có xu thế hạ so với tháng 10. Giá trị hạ thấp nhất là 0,09m tại TT Cái Dầu, huyện Châu Phú (Q40702BM1) và giá trị dâng cao nhất là 0,11m tại xã Cần Đăng, huyện Châu Thành (Q20402T).

Mực nước trung bình tháng nông nhất là -1,62m tại phường Mỹ Thạnh, TP.Long Xuyên (Q408020), mực nước trung bình tháng sâu nhất là -3,97m tại xã Lê Chánh, huyện Tân Châu (Q20302ZM1).

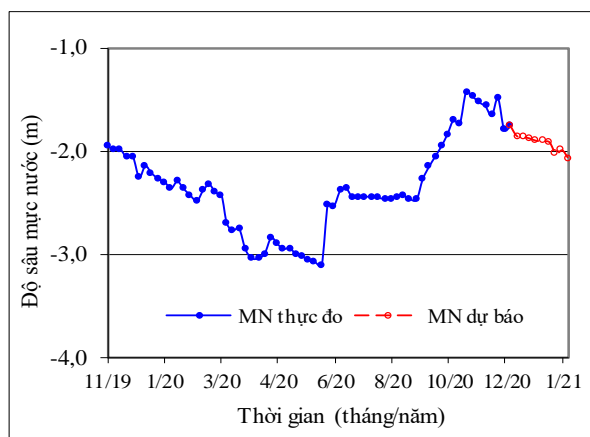


Hình 76. Sơ đồ diễn biến mực nước tháng 11 tầng qp3

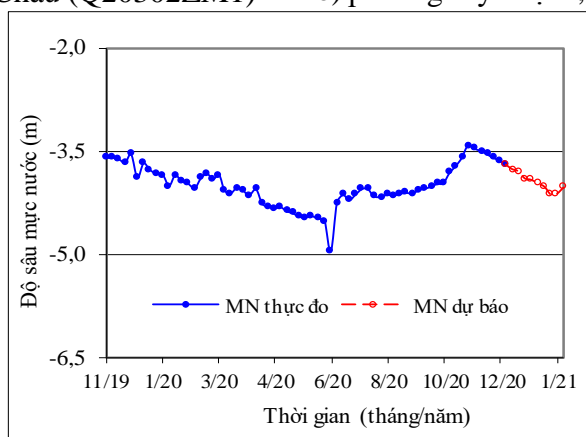
Dự báo: Trong tháng 12 và tháng 1 năm 2021 mực nước có xu thế hạ. Chi tiết diễn biến mực nước tại một số điểm đặc trưng như sau (xem hình 78 và bảng 37).



a) xã Lê Chánh, huyện Tân Châu (Q20302ZM1)



b) phường Mỹ Thạnh, TP Long Xuyên (Q408020)



c) TT Cái Dầu, huyện Châu Phú (Q407020M1)

Hình 77. Dự báo độ sâu mực nước tầng qp_3

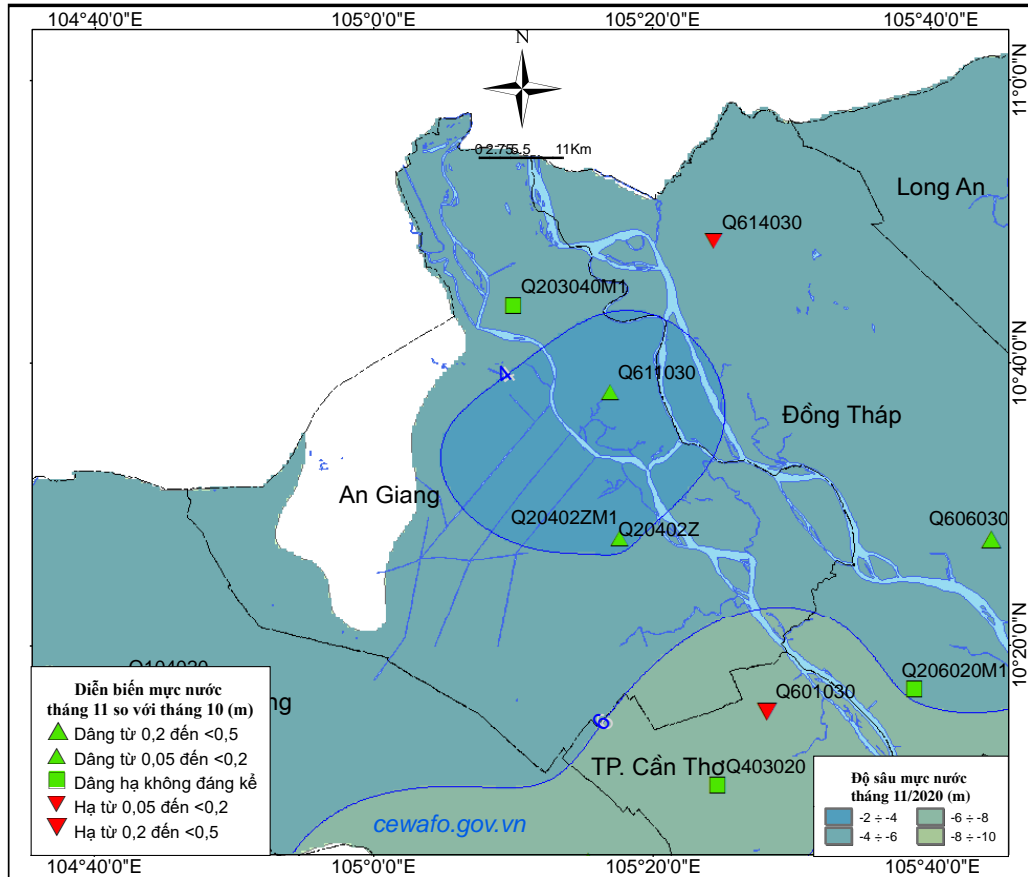
Bảng 37. Độ sâu mực nước tầng qp_3 (m)

Ngày	xã Lê Chánh, huyện Tân Châu (Q20302ZM1)			phường Mỹ Thạnh, TP Long Xuyên (Q408020)			TT Cái Dầu, huyện Châu Phú (Q407020M1)		
	Mực nước thực đo tháng 11	Mực nước dự báo		Mực nước thực đo tháng 11	Mực nước dự báo		Mực nước thực đo tháng 11	Mực nước dự báo	
		Tháng 12	Tháng 1 năm 2021		Tháng 12	Tháng 1 năm 2021		Tháng 12	Tháng 1 năm 2021
6	-3,91	-4,10	-4,22	-1,57	-1,86	-1,92	-3,50	-3,78	-4,03
12	-3,93	-4,13	-4,25	-1,66	-1,87	-2,03	-3,55	-3,81	-4,14
18	-3,96	-4,15	-4,30	-1,49	-1,88	-2,00	-3,60	-3,91	-4,12
24	-3,99	-4,19	-4,33	-1,80	-1,90	-2,08	-3,64	-3,93	-4,04
30	-4,05	-4,21	-4,38	-1,76	-1,91	-1,97	-3,71	-3,98	-3,96
TB	-3,97	-4,16	-4,30	-1,66	-1,88	-2,00	-3,60	-3,88	-4,06

II.9.2. Tầng chứa nước Pleistocene trung-thượng (qp₂₋₃)

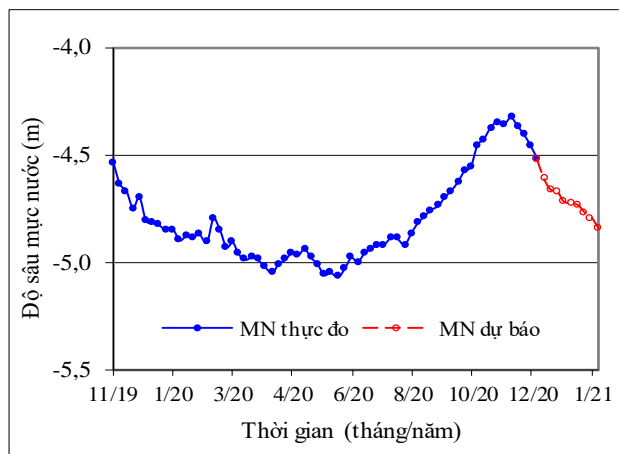
Trong phạm vi tỉnh, mực nước trung bình tháng 11 có xu thế dâng so với tháng 10. Giá trị dâng cao nhất là 0,10m tại Phú Xuân, Phú Tân (Q611030).

Mực nước trung bình tháng nông nhất là -3,38m tại Phú Xuân, Phú Tân (Q611030), mực nước trung bình tháng sâu nhất là -4,42m tại xã Lê Chánh, huyện Tân Châu (Q203040M1).



Hình 78. Sơ đồ diễn biến mực nước tháng 11 tầng qp₂₋₃

Dự báo: Trong tháng 12 và tháng 1 năm 2021 mực nước tại công trình Q203040M1 có xu thế hạ. Chi tiết diễn biến mực nước như sau (xem hình 80 và bảng 38).



Hình 79. Dự báo độ sâu mực nước tầng qp₂₋₃

Bảng 38. Độ sâu mực nước tầng qp₂₋₃ (m)

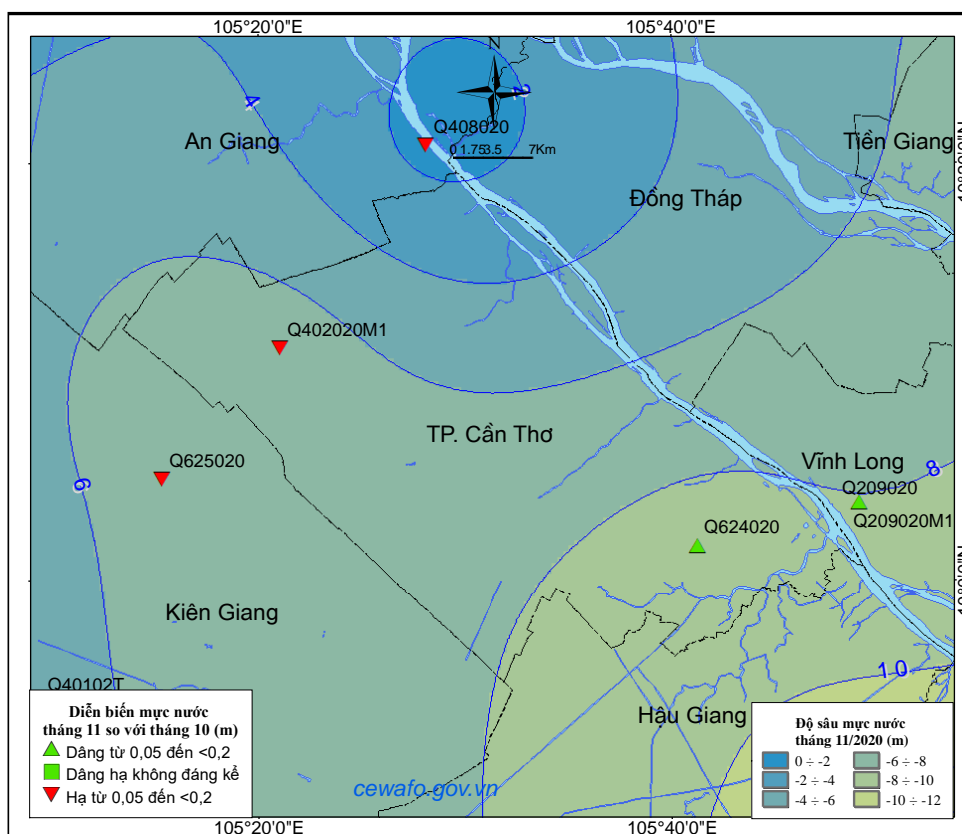
Ngày	Xã Lê Chánh, huyện Tân Châu (Q203040M1)		
	Mực nước thực đo tháng 11	Mực nước dự báo	
		Tháng 12	Tháng 1 năm 2021
6	-4,33	-4,61	-4,74
12	-4,37	-4,66	-4,77
18	-4,41	-4,67	-4,80
24	-4,46	-4,72	-4,85
30	-4,52	-4,73	-4,77
TB	-4,42	-4,68	-4,78

II.10. Thành phố Cần Thơ:

II.10.1. Tầng chứa nước Pleistocene thượng (qp₃)

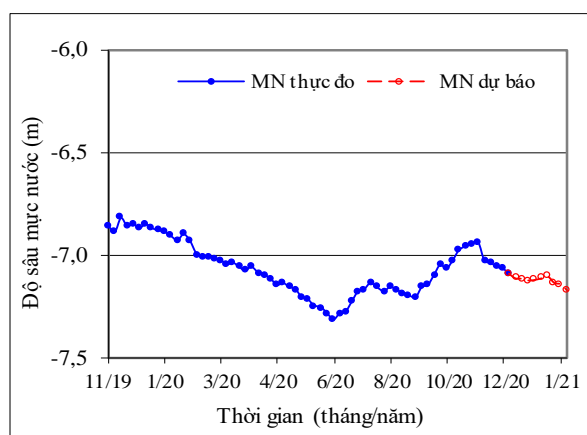
Trong phạm vi thành phố, mực nước trung bình tháng 11 dâng hạ không rõ ràng so với tháng 10. Giá trị dâng cao nhất là 0,16m tại Giai Xuân, Phong Điền (Q624020) và giá trị hạ thấp nhất là 0,18m tại xã Thạnh Tiến, huyện Vĩnh Thạnh (Q402020M1).

Mực nước trung bình tháng nông nhất là -7,06m tại xã xã Thạnh Tiến, huyện Vĩnh Thạnh (Q402020M1), mực nước trung bình tháng sâu nhất là -8,88m tại Giai Xuân, Phong Điền (Q624020).



Hình 80. Sơ đồ diễn biến mực nước tháng 11 tầng qp₃

Dự báo: Trong tháng 12 và tháng 1 năm 2021 mực nước tại công trình Q402020M1 có xu thế hạ. Chi tiết diễn biến mực nước như sau (xem hình 82 và bảng 39).



Hình 81. Dự báo độ sâu mực nước tầng qp₃

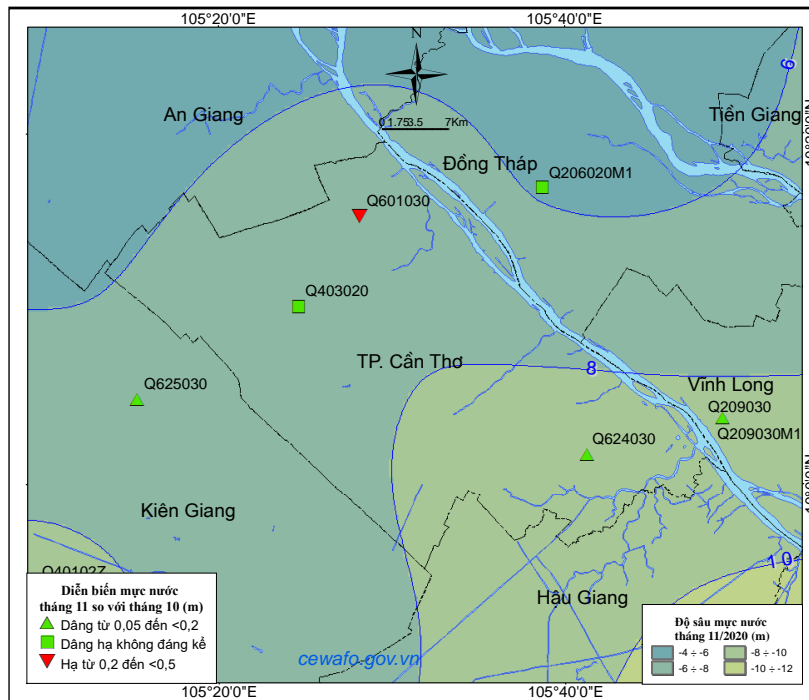
Bảng 39. Độ sâu mực nước tầng qp₃ (m)

Ngày	xã Thạnh Tiến, huyện Vĩnh Thạnh (Q402020M1)		
	Mực nước thực đo tháng 11	Mực nước dự báo	
		Tháng 12	Tháng 1 năm 2021
6	-7,03	-7,11	-7,11
12	-7,04	-7,12	-7,14
18	-7,06	-7,13	-7,15
24	-7,07	-7,12	-7,18
30	-7,09	-7,11	-7,26
TB	-7,06	-7,12	-7,17

II.10.2. Tầng chứa nước Pleistocene trung-thượng (qp₂₋₃)

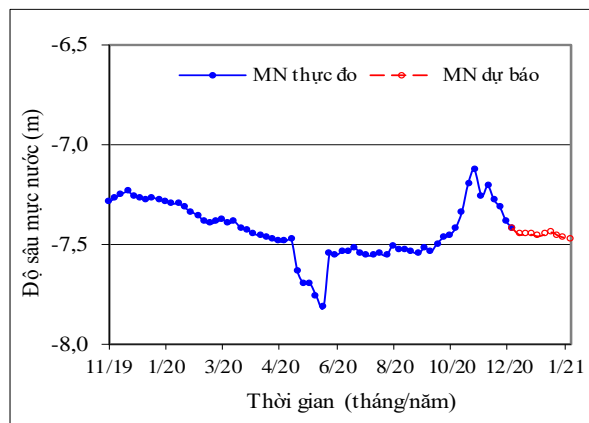
Trong phạm vi thành phố, mực nước trung bình tháng 11 hạ so với tháng 10. Giá trị hạ thấp nhất là 0,48m tại Vĩnh Bình, Vĩnh Thạnh (Q601030) và giá trị dâng cao nhất là 0,19m tại Giai Xuân, Phong Điền (Q624030).

Mực nước trung bình tháng nông nhất là -7,32m tại xã Thạnh Quới, huyện Thốt Nốt (Q403020), mực nước trung bình tháng sâu nhất là -8,98m tại Giai Xuân, Phong Điền (Q624030).



Hình 82. Sơ đồ diễn biến mực nước tháng 11 tầng qp2-3

Dự báo: Trong tháng 12 và tháng 1 năm 2021 mực nước tại công trình Q403020 có xu thế hạ. Chi tiết diễn biến mực nước như sau (xem hình 84 và bảng 40).



Hình 83. Dự báo độ sâu mực nước tầng qp2-3

Bảng 40. Độ sâu mực nước tầng qp2-3 (m)

Ngày	phường Thạnh Quới, quận Thốt Nốt (Q403020)		
	Mực nước thực đo tháng 11	Mực nước dự báo	
		Tháng 12	Tháng 1 năm 2021
6	-7,21	-7,45	-7,44
12	-7,28	-7,45	-7,46
18	-7,32	-7,45	-7,47
24	-7,39	-7,46	-7,47
30	-7,42	-7,45	-7,49
TB	-7,32	-7,45	-7,47

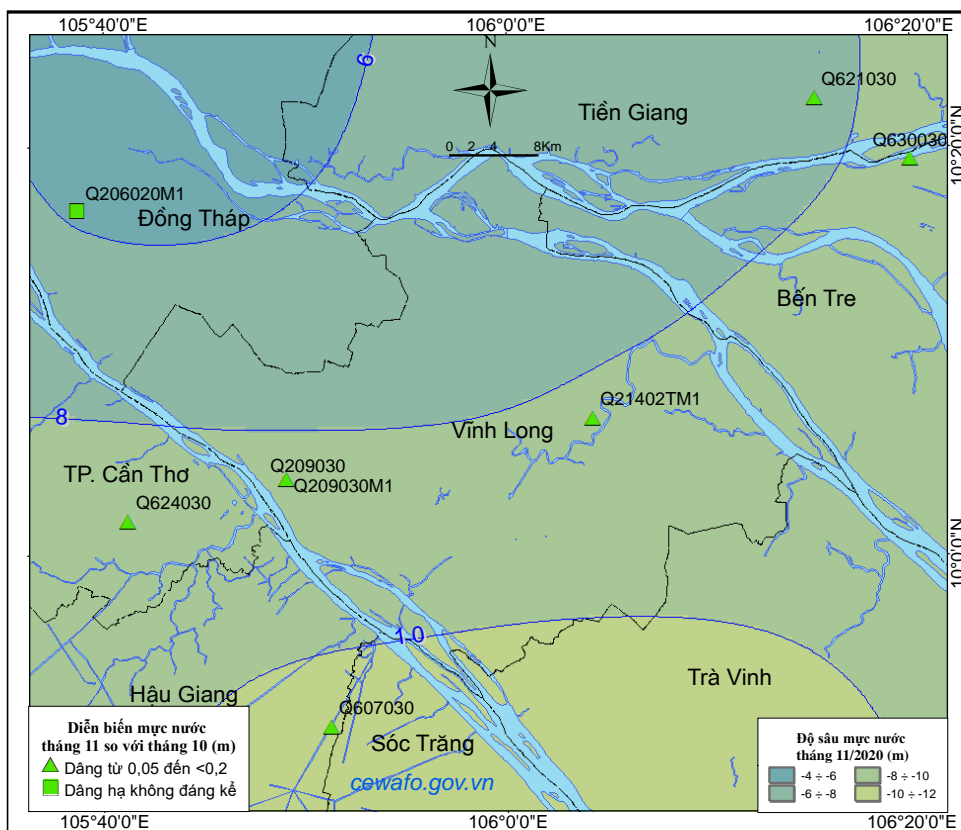
II.11. Tỉnh Vĩnh Long:

II.11.1. Tầng chứa nước Pleistocene trung-thượng (qp₂₋₃)

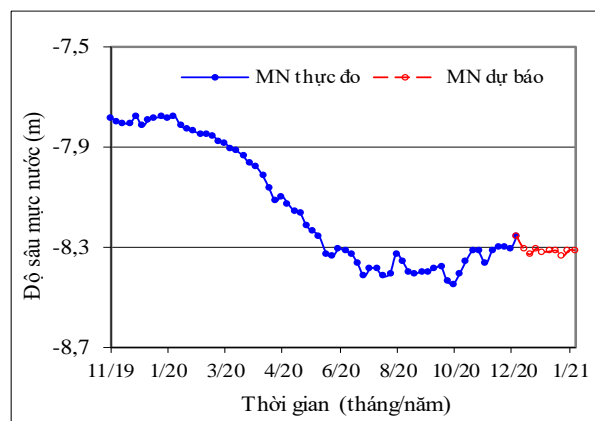
Trong phạm vi tỉnh, mực nước trung bình tháng 11 dâng so với tháng 10. Giá trị dâng cao nhất là 0,10m tại phường Cái Vồn, TX Bình Minh (Q209030).

Mực nước trung bình tháng nông nhất là -8,30m tại xã Tân Long Hội, huyện Măng Thít (Q21402TM1), mực nước trung bình tháng sâu nhất là -8,49m tại phường Cái Vồn, TX Bình Minh (Q209030).

Dự báo: Trong tháng 12 và tháng 1 năm 2021 mực nước tại công trình Q21402TM1 có xu thế hạ. Chi tiết diễn biến mực nước như sau (xem hình 86 và bảng 41).



Hình 84. Sơ đồ diễn biến mực nước tháng 11 tầng qp₂₋₃



Hình 85. Dự báo độ sâu mực nước tầng qp₂₋₃

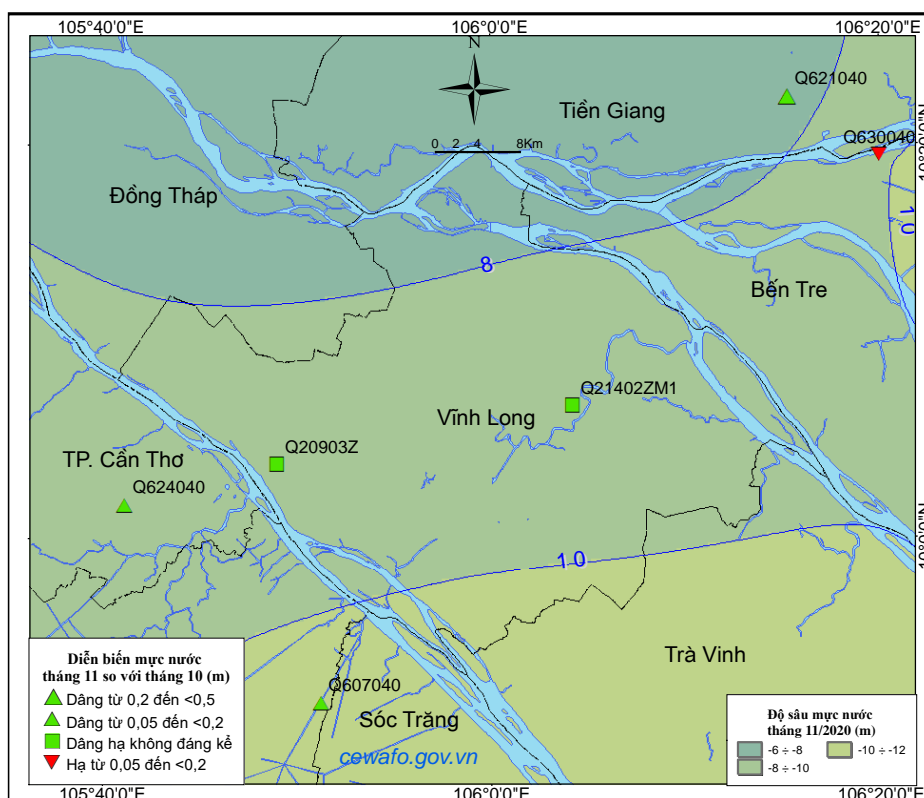
Bảng 41. Độ sâu mực nước tầng qp₂₋₃ (m)

Ngày	Xã Tân Long Hội, huyện Măng Thít (Q21402TM1)		
	Mực nước thực đo tháng 11	Mực nước dự báo	
		Tháng 12	Tháng 1 năm 2021
6	-8,32	-8,31	-8,32
12	-8,30	-8,33	-8,34
18	-8,30	-8,31	-8,32
24	-8,31	-8,32	-8,32
30	-8,26	-8,32	-8,34
TB	-8,30	-8,32	-8,33

II.11.2. Tầng chứa nước Pleistocene hạ (qp₁)

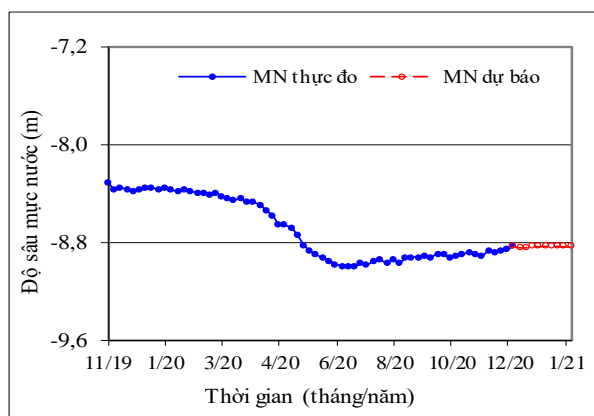
Trong phạm vi tỉnh, mực nước trung bình tháng 11 dâng không đáng kể so với tháng 10.

Mực nước trung bình tháng nông nhất là -8,87m tại xã Tân Long Hội, huyện Măng Thít (Q21402ZM1), mực nước trung bình tháng sâu nhất là -8,99m tại Phường Cái Vồn, TX Bình Minh (Q20903Z).



Hình 86. Sơ đồ diễn biến mực nước tháng 11 tầng qp₁

Dự báo: Trong tháng 12 và tháng 1 năm 2021 mực nước tại công trình Q21402ZM1 có xu thế hạ song không đáng kể. Chi tiết diễn biến mực nước như sau (xem hình 88 và bảng 42).



Hình 87. Dự báo độ sâu mực nước tầng qp₁

Bảng 42. Độ sâu mực nước tầng qp₁ (m)

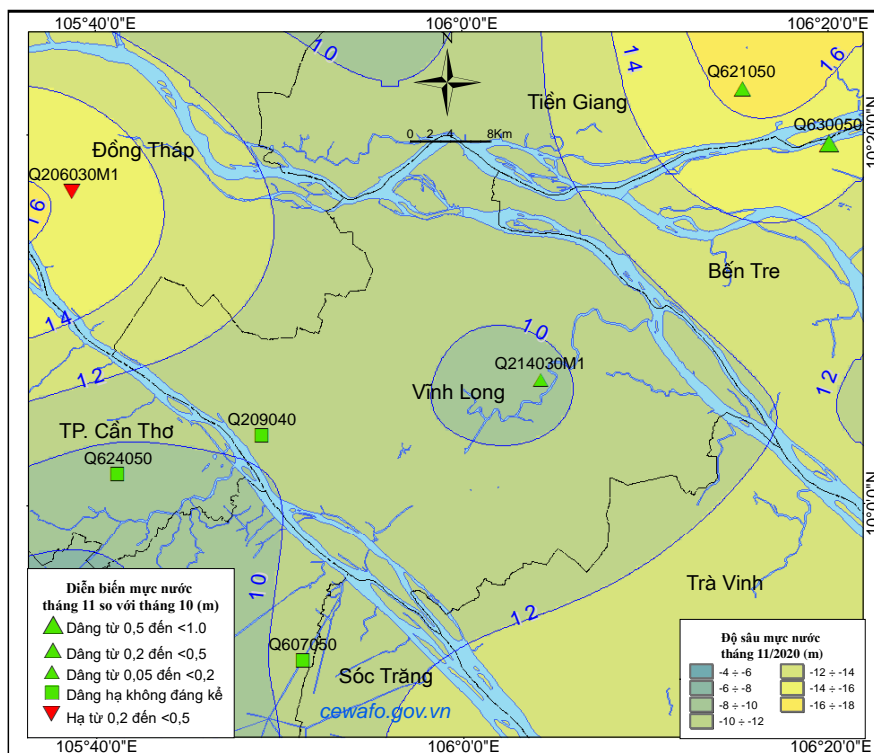
Ngày	xã Tân Long Hội, huyện Măng Thít (Q21402ZM1)		
	Mực nước thực đo tháng 11	Mực nước dự báo	
		Tháng 12	Tháng 1 năm 2021
6	-8,88	-8,85	-8,83
12	-8,89	-8,85	-8,84
18	-8,88	-8,83	-8,84
24	-8,87	-8,84	-8,84
30	-8,84	-8,83	-8,84
TB	-8,87	-8,84	-8,84

II.11.3. Tầng chứa nước Pliocene trung (n₂²)

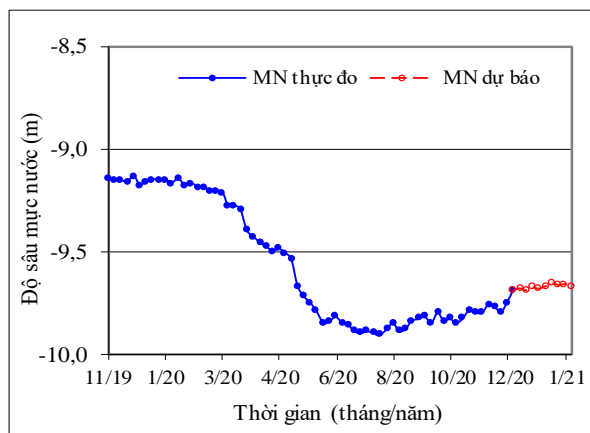
Trong phạm vi tỉnh, mực nước trung bình tháng 11 dâng so với tháng 10. Giá trị dâng cao nhất là 0,06m tại xã Tân Long Hội, huyện Măng Thít (Q214030M1).

Mực nước trung bình tháng nông nhất là -9,75m tại xã Tân Long Hội, huyện Măng Thít (Q214030M1), mực nước trung bình tháng sâu nhất là -10,26m tại Phường Cái Vồn, TX Bình Minh (Q209040).

Dự báo: Trong tháng 12 và tháng 1 năm 2021 mực nước tại công trình Q214030M1 có xu thế hạ song không đáng kể. Chi tiết diễn biến mực nước như sau (xem hình 90 và bảng 43).



Hình 88. Sơ đồ diễn biến mực nước tháng 11 tầng n_2^2



Hình 89. Dự báo độ sâu mực nước tầng n_2^2

Bảng 43. Độ sâu mực nước tầng n_2^2 (m)

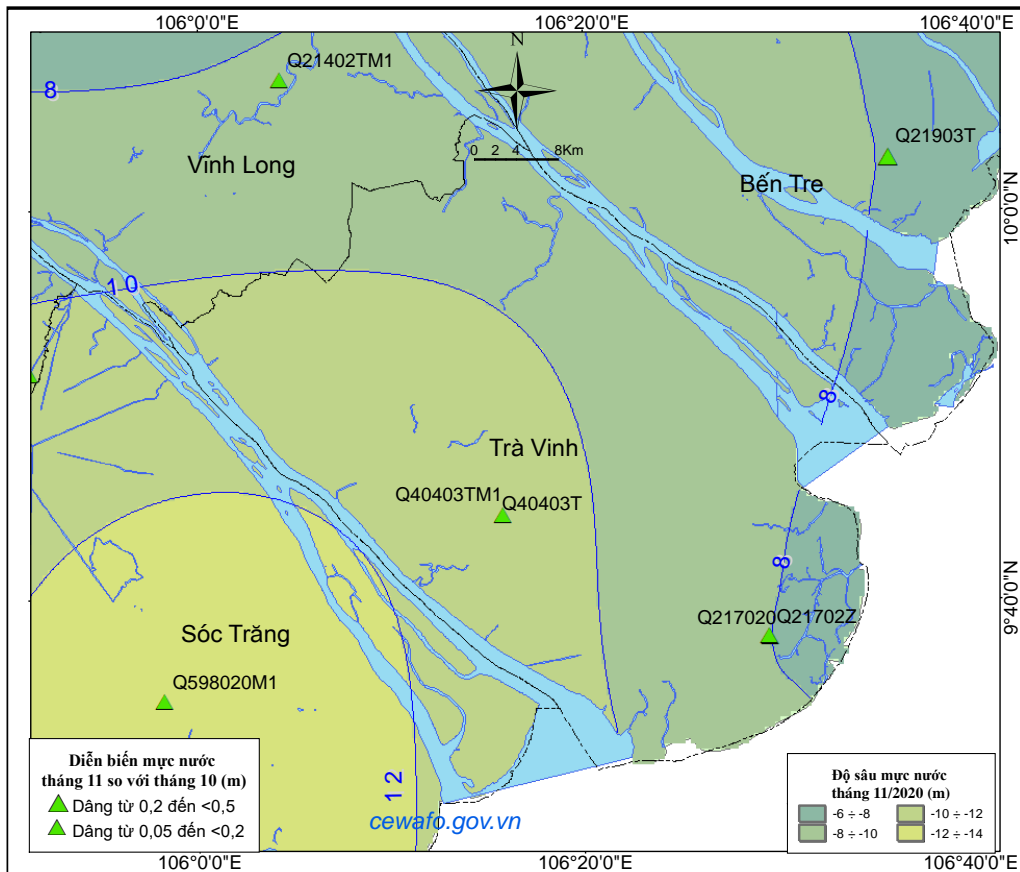
Ngày	xã Tân Long Hội, huyện Măng Thít (Q214030M1)		
	Mực nước thực đo tháng 11	Mực nước dự báo	
		Tháng 12	Tháng 1 năm 2021
6	-9,76	-9,68	-9,66
12	-9,77	-9,69	-9,67
18	-9,80	-9,68	-9,66
24	-9,75	-9,68	-9,68
30	-9,69	-9,67	-9,69
TB	-9,75	-9,68	-9,67

II.12. Tỉnh Trà Vinh:

II.12.1. Tầng chứa nước Pleistocene trung-thượng (qp2-3)

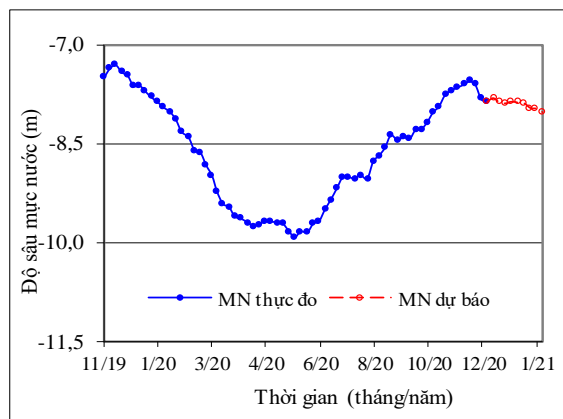
Trong phạm vi tỉnh, mực nước trung bình tháng 11 dâng so với tháng 10. Giá trị dâng cao nhất là 0,18m tại phường 1, TX Duyên Hải (Q217020).

Mực nước trung bình tháng nông nhất là -7,77m tại phường 1, TX Duyên Hải (Q217020), mực nước trung bình tháng sâu nhất là -11,01m tại xã Tập Sơn, huyện Trà Cú (Q40403T).



Hình 90. Sơ đồ diễn biến mực nước tháng 11 tầng qp2-3

Dự báo: Trong tháng 12 và tháng 1 năm 2021 mực nước tại công trình Q217020 có xu thế hạ. Chi tiết diễn biến mực nước như sau (xem hình 92 và bảng 44).



Hình 91. Dự báo độ sâu mực nước tầng qp2-3

Bảng 44. Độ sâu mực nước tầng qp2-3 (m)

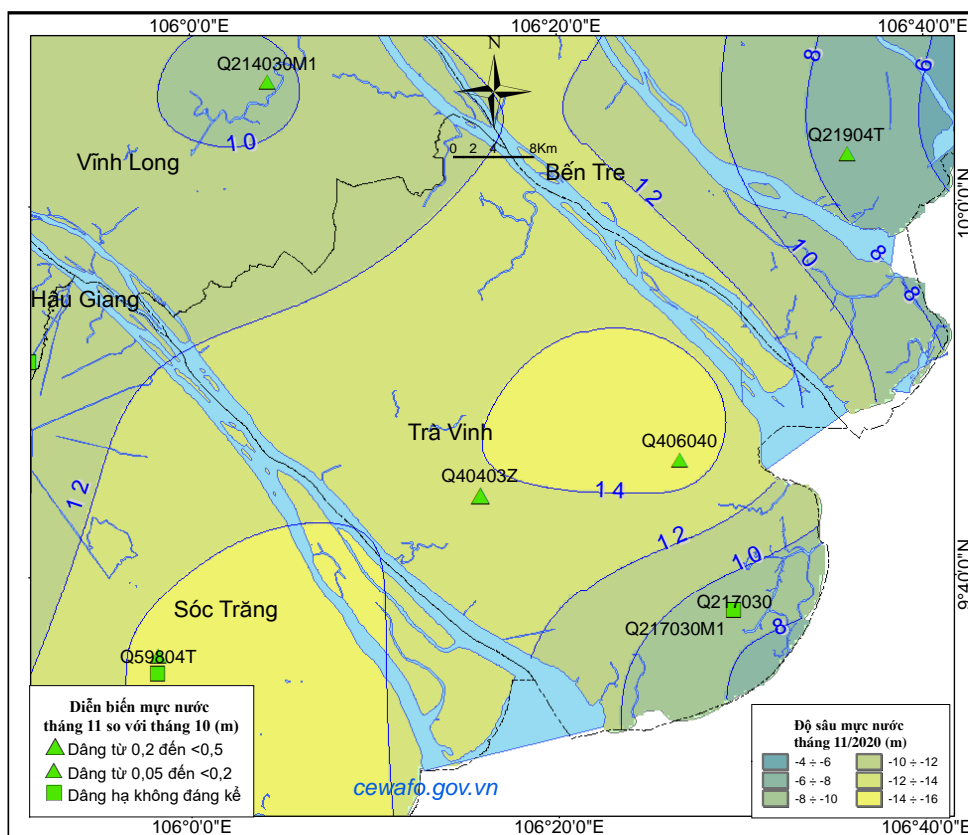
Ngày	TT. Duyên Hải, huyện Duyên Hải (Q217020)		
	Mực nước thực đo tháng 11	Mực nước dự báo	
		Tháng 12	Tháng 1 năm 2021
6	-7,61	-7,81	-7,89
12	-7,56	-7,87	-7,97
18	-7,61	-7,89	-7,98
24	-7,83	-7,87	-8,03
30	-7,87	-7,88	-8,09
TB	-7,70	-7,87	-7,99

II.12.2. Tầng chứa nước Pliocene trung (n_2^2)

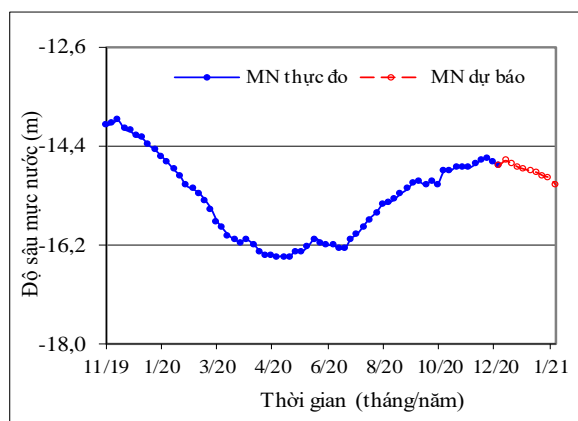
Trong phạm vi tỉnh, mực nước trung bình tháng 11 dâng so với tháng 10. Giá trị dâng cao nhất là 0,23m tại xã Tập Sơn, huyện Trà Cú (Q40403Z).

Mực nước trung bình tháng nông nhất là -13,85m xã Tập Sơn, huyện Trà Cú (Q40403Z), mực nước trung bình tháng sâu nhất là -14,71m tại xã Long Sơn, huyện Cầu Ngang (Q406040).

Dự báo: Trong tháng 12 và tháng 1 năm 2021 mực nước tại công trình Q406040 có xu thế hạ. Chi tiết diễn biến mực nước như sau (xem hình 94 và bảng 45).



Hình 92. Sơ đồ diễn biến mực nước tháng 11 tầng n_2^2



Hình 93. Dự báo độ sâu mực nước tầng n_2^2

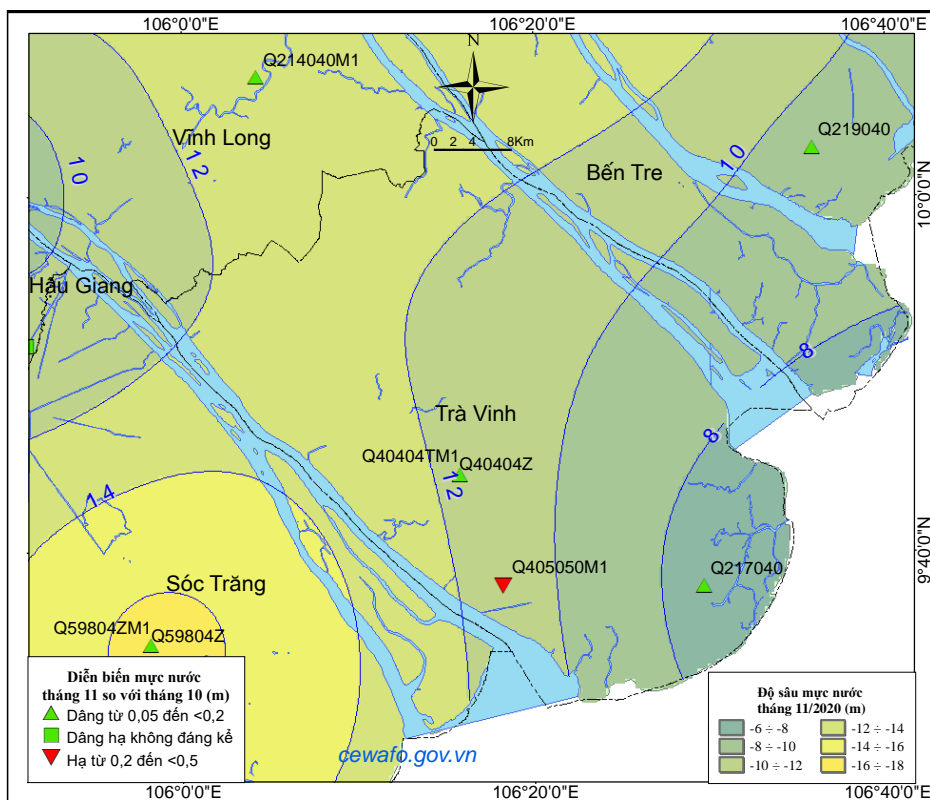
Bảng 45. Độ sâu mực nước tầng n_2^2 (m)

Ngày	xã Long Sơn, huyện Cầu Ngang (Q406040)		
	Mực nước thực đo tháng 11	Mực nước dự báo	
		Tháng 12	Tháng 1 năm 2021
6	-14,75	-14,68	-14,90
12	-14,67	-14,74	-14,97
18	-14,63	-14,80	-15,00
24	-14,70	-14,84	-15,13
30	-14,78	-14,87	-15,23
TB	-14,71	-14,78	-15,05

II.12.3. Tầng chứa nước Pliocene hạ (n_2^1)

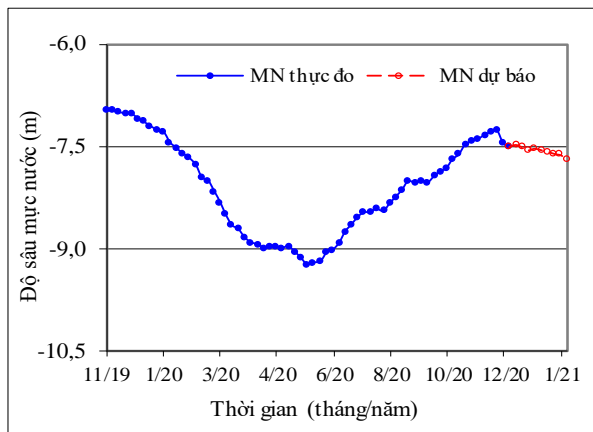
Trong phạm vi tỉnh, mực nước trung bình tháng 11 dâng so với tháng 10. Giá trị dâng cao nhất là 0,44m tại xã Tập Sơn, huyện Trà Cú (Q40404TM1) và giá trị hạ thấp nhất là 0,35m tại xã Đại An, huyện Trà Cú (Q405050M1).

Mực nước trung bình tháng nông nhất là -7,36m tại phường 1, TX Duyên Hải (Q217040), mực nước trung bình tháng sâu nhất là -12,79m tại xã Tập Sơn, huyện Trà Cú (Q40404TM1).

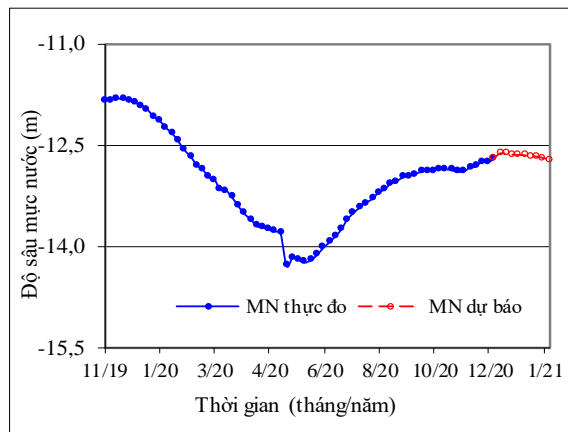


Hình 94. Sơ đồ diễn biến mực nước tháng 11 tầng n_2^1

Dự báo: Trong tháng 12 và tháng 1 năm 2021 mực nước có xu thế hạ. Chi tiết diễn biến mực nước tại một số điểm đặc trưng như sau (xem hình 96 và bảng 46).



a) TT Duyên Hải, huyện Duyên Hải (Q217040)



b) xã Tập Sơn, huyện Trà Cú (Q40404TM1)

Hình 95. Dự báo độ sâu mực nước tầng n_2^1

Bảng 46. Độ sâu mực nước tầng n_2^1 (m)

Ngày	TT Duyên Hải, huyện Duyên Hải (Q217040)			xã Tập Sơn, huyện Trà Cú (Q40404TM1)		
	Mực nước thực đo tháng 11	Mực nước dự báo		Mực nước thực đo tháng 11	Mực nước dự báo	
		Tháng 12	Tháng 1 năm 2021		Tháng 12	Tháng 1 năm 2021
6	-7,34	-7,49	-7,59	-12,84	-12,62	-12,67
12	-7,30	-7,52	-7,62	-12,82	-12,63	-12,68
18	-7,27	-7,56	-7,63	-12,75	-12,64	-12,71

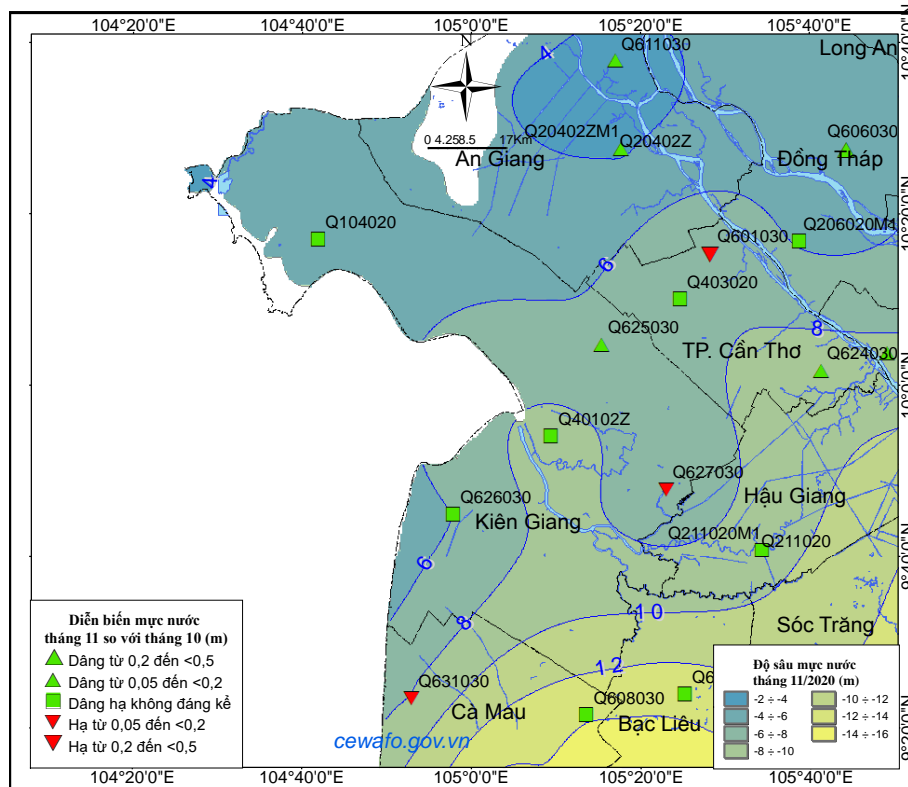
Ngày	TT Duyên Hải, huyện Duyên Hải (Q217040)			xã Tập Sơn, huyện Trà Cú (Q40404TM1)		
	Mức nước thực đo tháng 11	Mức nước dự báo		Mức nước thực đo tháng 11	Mức nước dự báo	
		Tháng 12	Tháng 1 năm 2021		Tháng 12	Tháng 1 năm 2021
24	-7,46	-7,54	-7,69	-12,76	-12,65	-12,74
30	-7,52	-7,56	-7,73	-12,71	-12,66	-12,78
TB	-7,38	-7,54	-7,65	-12,78	-12,64	-12,71

II.13. Tỉnh Kiên Giang:

II.13.1. Tầng chứa nước Pleistocene trung-thượng (qp₂₋₃)

Trong phạm vi tỉnh, mức nước trung bình tháng 11 có xu thế hạ so với tháng 10. Giá trị hạ thấp nhất là 0,11m tại Vĩnh Hòa Hưng Bắc, Gò Quao (Q627030) và giá trị dâng cao nhất là 0,16m tại TT Tân Hiệp, Tân Hiệp (Q625030).

Mức nước trung bình tháng nông nhất là -4,84m tại xã Kiên Lương, huyện Hà Tiên (Q104020), mức nước trung bình tháng sâu nhất là -8,77m tại TT Minh Lương, huyện Châu Thành (Q40102Z).



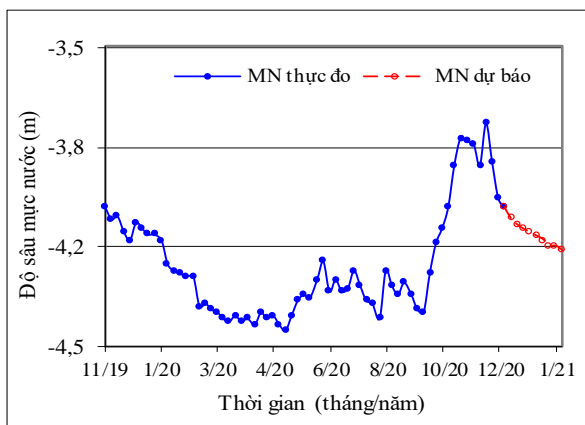
Hình 96. Sơ đồ diễn biến mực nước tháng 11 tầng qp₂₋₃

Dự báo: Tỉnh Kiên Giang là một trong những tỉnh thuộc ĐBSCL chịu ảnh hưởng của hạn hán trong năm nay. Trong tháng 12 và tháng 1 năm 2021 mức nước tại các huyện trong tầng qp₂₋₃ có xu hướng hạ tuy nhiên tại một số huyện mức nước vẫn có xu hướng dâng, trong đó mức nước hạ lớn nhất là 0,4m tại huyện Hà Tiên và dâng

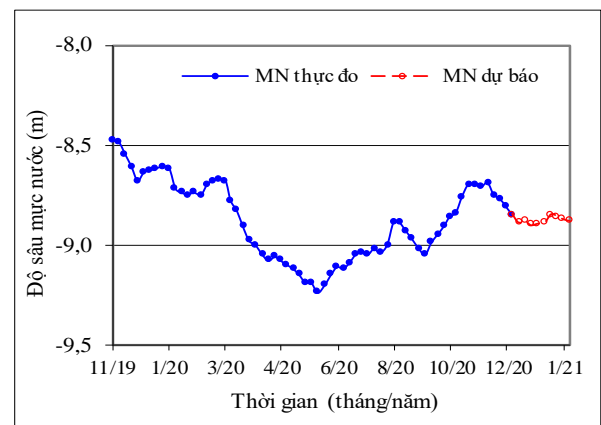
cao nhất là 0,53m tại huyện Hòn Đất (xem bảng 47). Đồ thị mực nước minh họa xu hướng hạ tại tỉnh Kiên Giang tầng qp₂₋₃ xem hình 98.

Bảng 47. Dự báo độ sâu mực nước các huyện tầng qp₂₋₃

STT	Huyện	Mực nước thực đo tháng 11	Mực nước dự báo tháng 12	Thay đổi giá trị MN	Xu hướng
1	An Biên	-7,70	-7,75	-0,05	Hạ
2	An Minh	-6,07	-6,11	-0,04	DHKDK
3	Châu Thành	-8,77	-8,83	-0,06	Hạ
4	Giồng Giềng	-7,21	-7,34	-0,13	Hạ
5	Gò Quao	-6,86	-6,97	-0,11	Hạ
6	Hà Tiên	-4,05	-4,45	-0,40	Hạ
7	Hòn Đất	-5,53	-5,00	0,53	Dâng
8	Kiên Lương	-4,84	-4,87	-0,03	DHKDK
9	Rạch Giá	-6,95	-6,69	0,26	Dâng
10	Tân Hiệp	-6,42	-6,26	0,16	Dâng
11	Vĩnh Thuận	-9,68	-9,78	-0,10	Hạ



a) xã Kiên Bình, huyện Kiên Lương (Q104020)



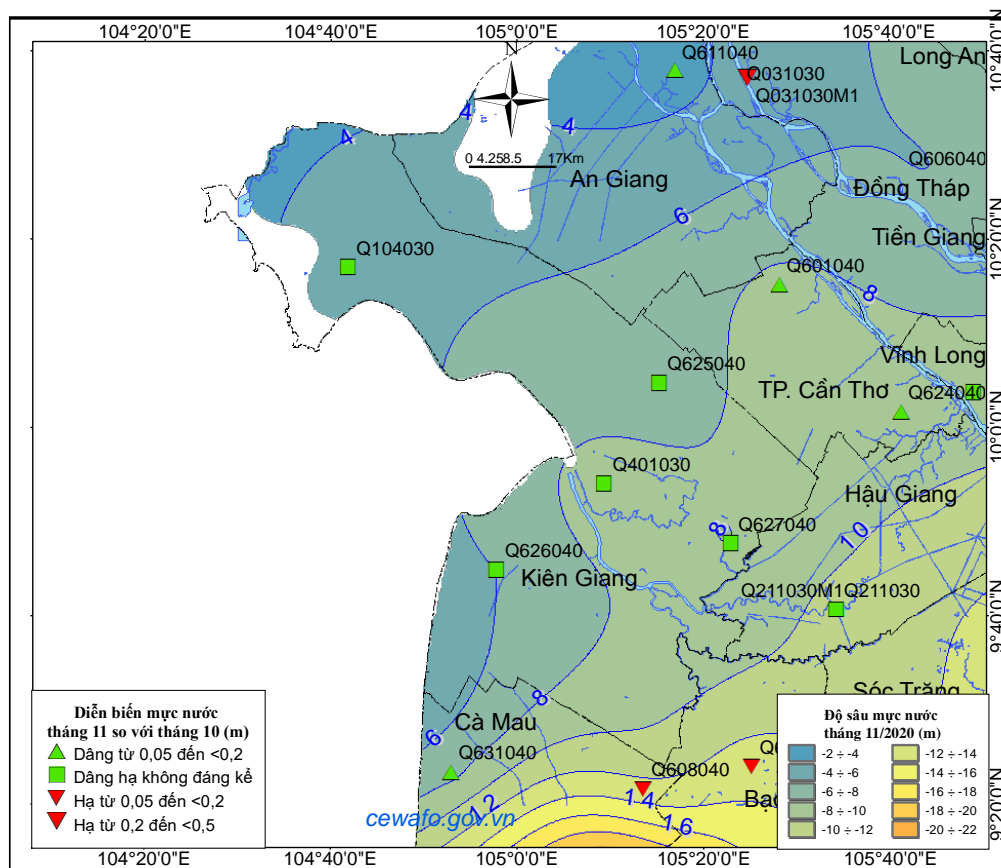
b) TT Minh Lương, huyện Châu Thành (Q40102Z)

Hình 97. Dự báo độ sâu mực nước tầng qp₂₋₃

II.13.2. Tầng chứa nước Pleistocene hạ (qp₁)

Trong phạm vi tỉnh, mực nước trung bình tháng 11 có xu thế dâng không đáng kể so với tháng 10.

Mực nước trung bình tháng nông nhất là -4,87m tại xã Kiên Lương, huyện Hà Tiên (Q104030), mực nước trung bình tháng sâu nhất là -8,70m tại TT Minh Lương, huyện Châu Thành (Q401030).

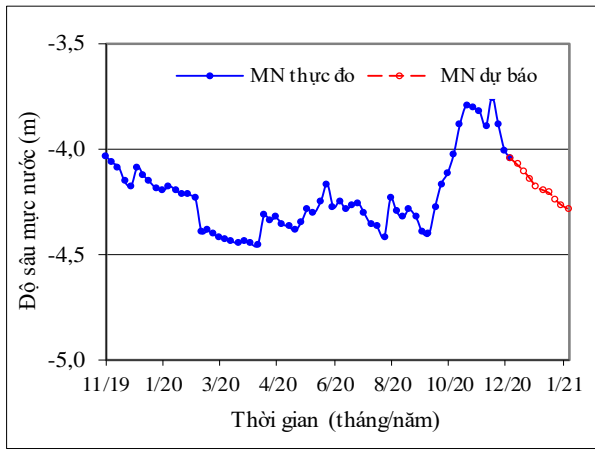


Hình 98. Sơ đồ diễn biến mực nước tháng 11 tầng q_{p1}

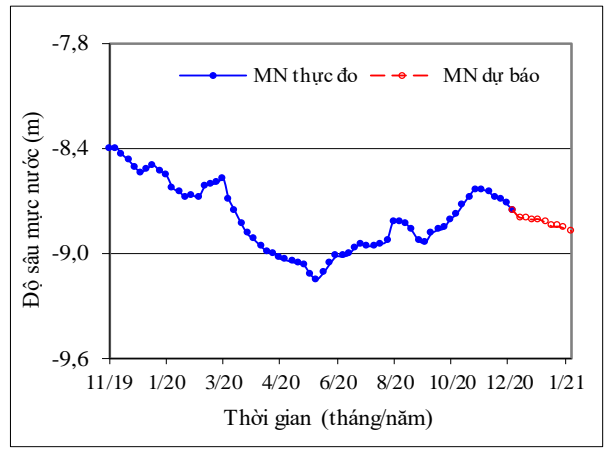
Dự báo: Trong tháng 12 và tháng 1 năm 2021 mực nước tại các huyện trong tầng q_{p1} có xu hướng dâng hạ không rõ ràng, trong đó mực nước hạ thấp nhất với giá trị là 0,08m tại huyện Hà Tiên (xem bảng 48). Đồ thị mực nước minh họa xu hướng hạ, hạ tại tỉnh Kiên Giang tầng q_{p1} xem hình 100.

Bảng 48. Dự báo độ sâu mực nước các huyện tầng q_{p1}

STT	Huyện	Mực nước thực đo tháng 11	Mực nước dự báo tháng 12	Thay đổi giá trị MN	Xu hướng
1	An Biên	-7,54	-7,57	-0,03	DHKDK
2	An Minh	-6,07	-6,03	0,04	DHKDK
3	Châu Thành	-8,70	-8,78	-0,08	Hạ
4	Giồng Giềng	-8,09	-8,06	0,03	DHKDK
5	Gò Quao	-8,02	-7,99	0,03	DHKDK
6	Hà Tiên	-3,76	-3,84	-0,08	Hạ
7	Hòn Đất	-5,92	-5,91	0,01	DHKDK
8	Kiên Lương	-4,87	-4,92	-0,05	DHKDK
9	rạch Giá	-7,44	-7,46	-0,02	DHKDK
10	Tân Hiệp	-7,23	-7,20	0,03	DHKDK
11	Vĩnh Thuận	-8,65	-8,69	-0,04	DHKDK



a) xã Kiên Bình, huyện Kiên Lương (Q104030)



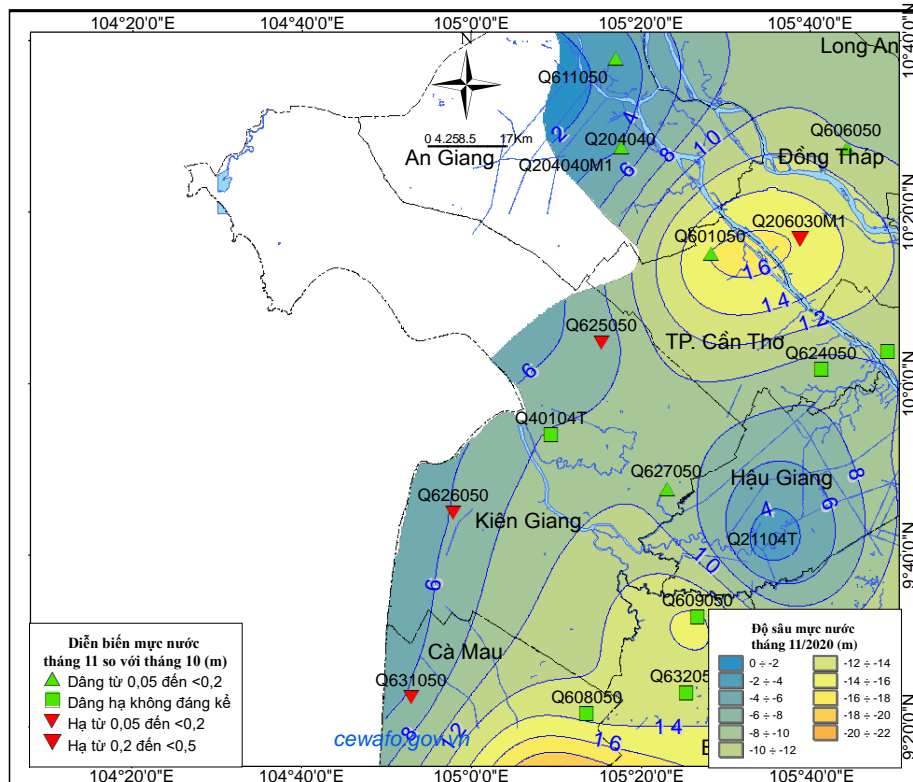
b) TT Minh Lương, huyện Châu Thành (Q401030)

Hình 99. Dự báo độ sâu mực nước tầng qp_1

II.13.3. Tầng chứa nước Pliocene trung (n_2^2)

Trong phạm vi tỉnh, mực nước trung bình tháng 11 có xu thế hạ so với tháng 10. Giá trị hạ thấp nhất là 0,09m tại Đông Hòa, An Minh (Q626050) và giá trị dâng cao nhất là 0,06m tại Vĩnh Hòa Hưng Bắc, Gò Quao (Q627050).

Mực nước trung bình tháng nông nhất là -6,13m tại xã Đông Hòa, An Minh (Q626050), mực nước trung bình tháng sâu nhất là -9,29m tại xã Vĩnh Hòa Hưng Bắc, Gò Quao (Q627050).

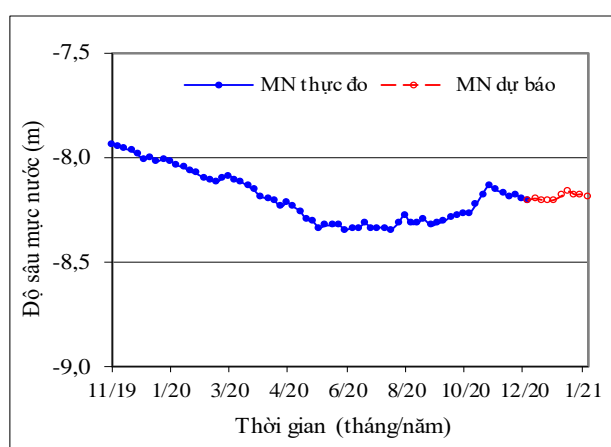


Hình 100. Sơ đồ diễn biến mực nước tháng 11 tầng n_2^2

Dự báo: Trong tháng 12 và tháng 1 năm 2021 mực nước tại các huyện trong tầng n_2^2 có xu hướng hạ, trong đó mực nước hạ lớn nhất là 0,29m tại huyện Vĩnh Thuận, mực nước dâng cao nhất là 0,06m tại huyện Gò Quao (xem bảng 49). Đồ thị mực nước minh họa tại tỉnh Kiên Giang tầng n_2^2 xem hình 102.

Bảng 49. Dự báo độ sâu mực nước các huyện tầng n_2^2

STT	Huyện	Mức nước thực đo tháng 11	Mức nước dự báo tháng 12	Thay đổi giá trị MN	Xu hướng
1	An Biên	-7,50	-7,61	-0,11	Hạ
2	An Minh	-6,13	-6,22	-0,09	Hạ
3	Châu Thành	-8,19	-8,24	-0,05	Hạ
4	Giồng Giêng	-9,06	-9,06	0,00	DHKDK
5	Gò Quao	-9,29	-9,23	0,06	Dâng
6	Hà Tiên	1,75	1,75	0,00	DHKDK
7	Hòn Đất	-2,27	-2,22	0,05	DHKDK
8	Kiên Lương	0,61	0,65	0,04	DHKDK
9	Rạch Giá	-5,59	-5,61	-0,01	DHKDK
10	Tân Hiệp	-6,98	-7,05	-0,07	Hạ
11	Vĩnh Thuận	-11,08	-11,37	-0,29	Hạ



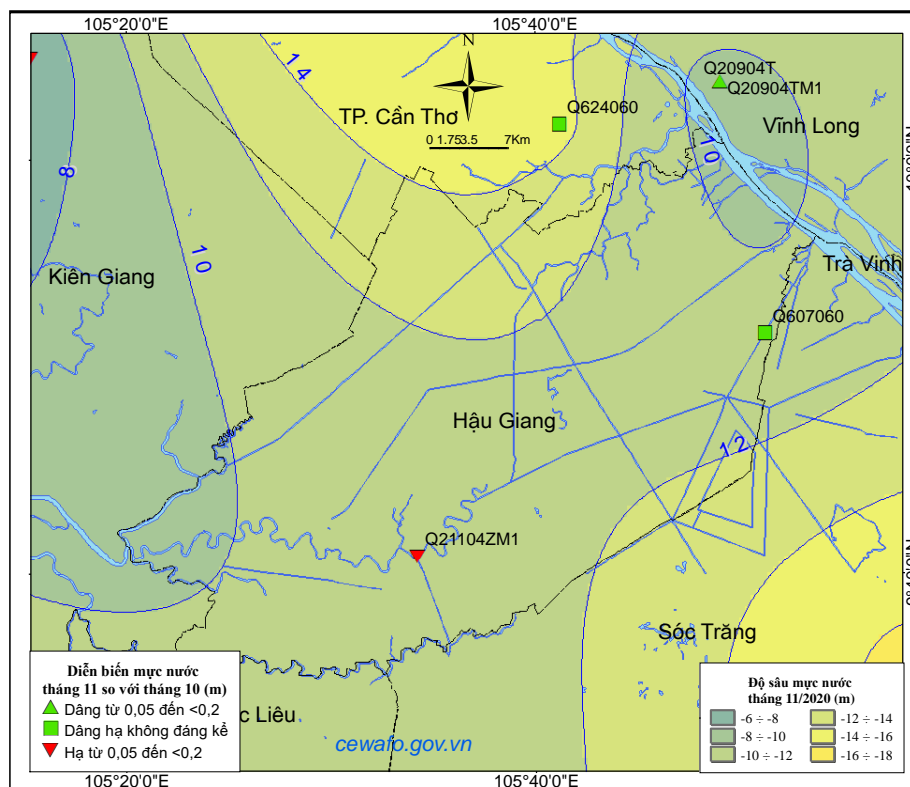
Hình 101. Dự báo độ sâu mực nước tầng n_2^2

II.14. Tỉnh Hậu Giang:

II.14.1. Tầng chứa nước Pliocene hạ (n_2^1)

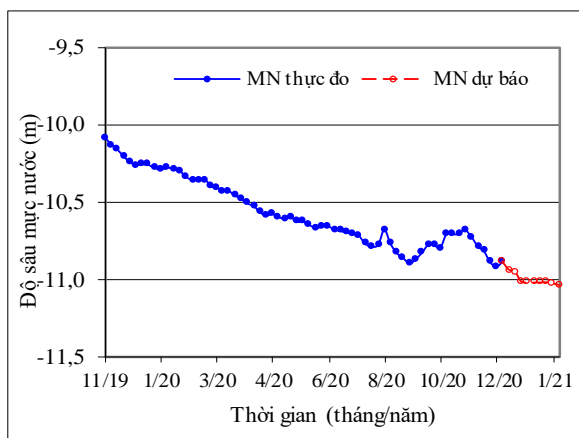
Trong phạm vi tỉnh, mực nước trung bình tháng 11 có xu thế hạ so với tháng 10. Giá trị hạ thấp nhất là 0,08m tại TT Long Mỹ, huyện Long Mỹ (Q21104ZM1).

Mực nước trung bình tháng nông nhất là -10,50m tại xã Tân Thành, TX Ngã Bảy (Q607060), mực nước trung bình tháng sâu nhất là -10,86m tại TT Long Mỹ, huyện Long Mỹ (Q21104ZM1).



Hình 102. Sơ đồ diễn biến mực nước tháng 11 tầng n_2^1

Dự báo: Trong tháng 12 và tháng 1 năm 2021 mực nước tại công trình Q21104ZM1 có xu thế hạ. Chi tiết diễn biến mực nước như sau (xem hình 104 và bảng 50).



Hình 103. Dự báo độ sâu mực nước tầng n_2^1

Bảng 50. Độ sâu mực nước tầng n_2^1 (m)

Ngày	TT Long Mỹ, huyện Long Mỹ (Q21104ZM1)		
	Mực nước thực đo tháng 11	Mực nước dự báo	
		Tháng 12	Tháng 1 năm 2021
6	-10,79	-10,94	-11,02
12	-10,82	-10,95	-11,02
18	-10,89	-11,02	-11,03

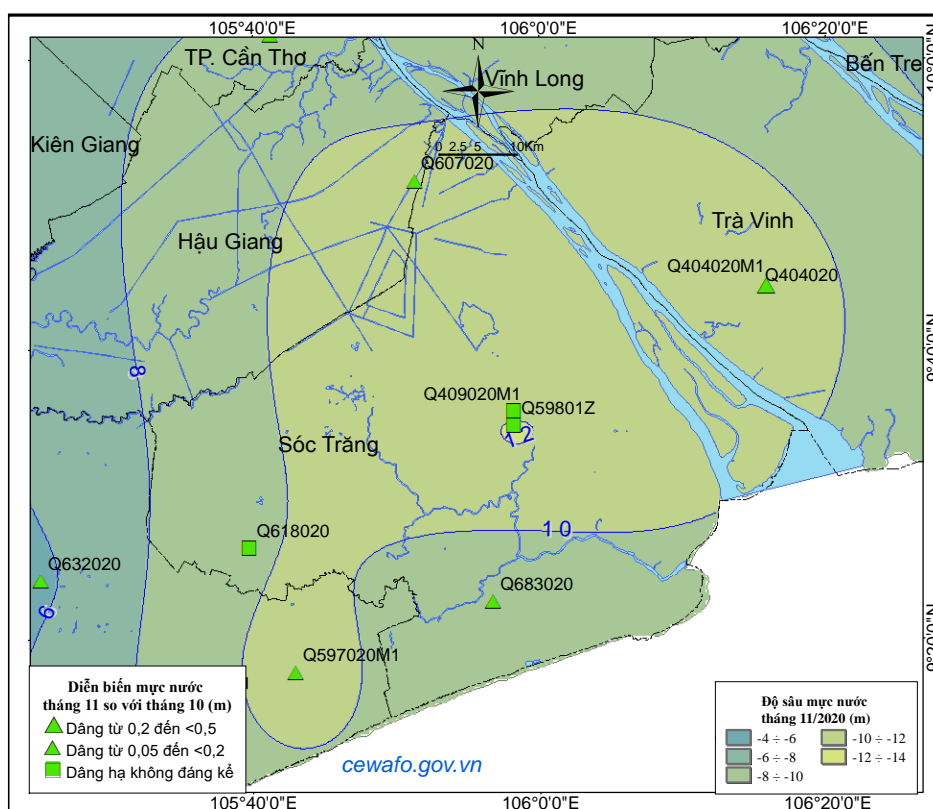
Ngày	TT Long Mỹ, huyện Long Mỹ (Q21104ZM1)		
	Mức nước thực đo tháng 11	Mức nước dự báo	
		Tháng 12	Tháng 1 năm 2021
24	-10,92	-11,02	-11,04
30	-10,89	-11,02	-11,05
TB	-10,86	-10,99	-11,03

II.15. Tỉnh Sóc Trăng:

II.15.1. Tầng chứa nước Pleistocene thượng (qp₃)

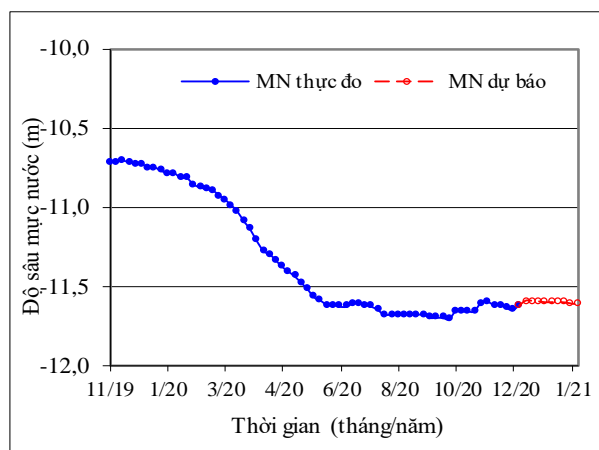
Trong phạm vi tỉnh, mực nước trung bình tháng 11 có xu thế dâng so với tháng 10. Giá trị dâng cao nhất là 0,06m tại Vĩnh Hiệp, Vĩnh Châu (Q683020).

Mức nước trung bình tháng nông nhất là -8,36m tại xã Vĩnh Hiệp, Vĩnh Châu (Q683020), mực nước trung bình tháng sâu nhất là -12,20m tại Phường 3, TP.Sóc Trăng (Q59801Z).



Hình 104. Sơ đồ diễn biến mực nước tháng 11 tầng qp₃

Dự báo: Trong tháng 12 và tháng 1 năm 2021 mực nước tại công trình Q409020M1 có xu thế hạ song không đáng kể. Chi tiết diễn biến mực nước như sau (xem hình 106 và bảng 51).



Hình 105. Dự báo độ sâu mực nước tầng qp₃

Bảng 51. Độ sâu mực nước tầng qp₃ (m)

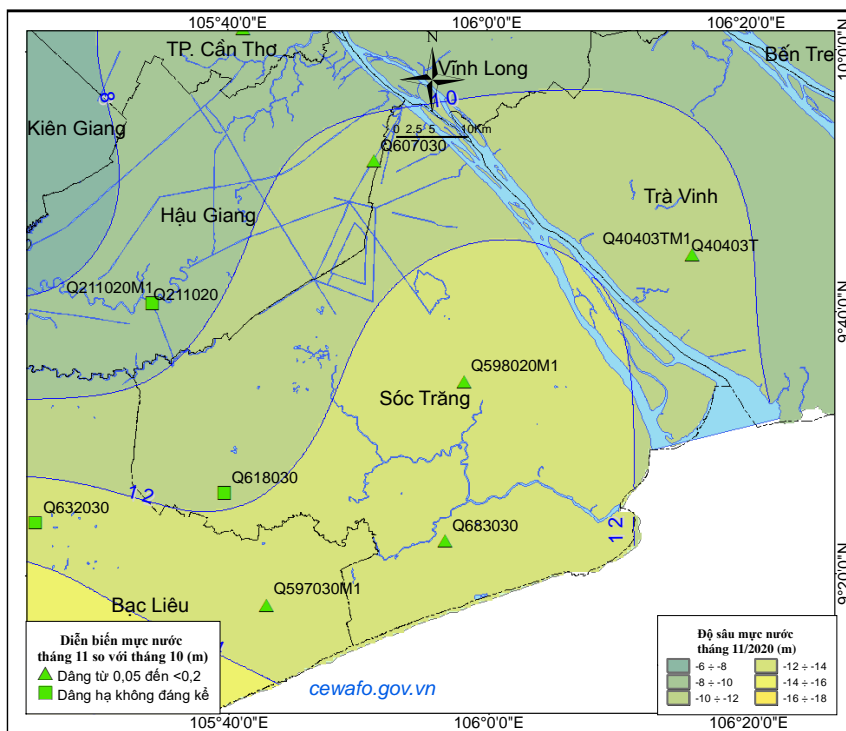
Ngày	Phường 6, TP.Sóc Trăng (Q409020M1)		
	Mực nước thực đo tháng 11	Mực nước dự báo	
		Tháng 12	Tháng 1 năm 2021
6	-11,62	-11,60	-11,60
12	-11,62	-11,60	-11,61
18	-11,64	-11,60	-11,61
24	-11,65	-11,60	-11,62
30	-11,62	-11,60	-11,63
TB	-11,63	-11,60	-11,61

II.15.2. Tầng chứa nước Pleistocene trung - thượng (qp₂₋₃)

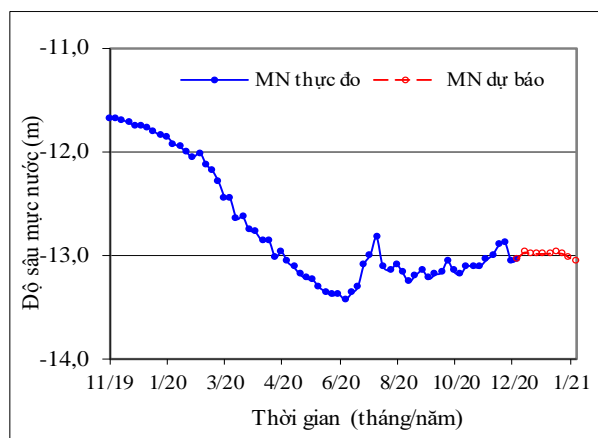
Trong phạm vi tỉnh, mực nước trung bình tháng 11 dâng so với tháng 10. Giá trị dâng cao nhất là 0,15m tại Phường 3, TP.Sóc Trăng (Q598020M1).

Mực nước trung bình tháng nông nhất là -11,76m tại Châu Hưng, Thanh Trị (Q618030), mực nước trung bình tháng sâu nhất là -13,08m tại Phường 3, TP.Sóc Trăng (Q598020M1).

Dự báo: Trong tháng 12 và tháng 1 mực nước tại công trình Q598020M1 có xu thế hạ song không đáng kể. Chi tiết diễn biến mực nước như sau (xem hình 108 và bảng 56),



Hình 106. Sơ đồ diễn biến mực nước tháng 11 tăng qp2-3



Hình 107. Dự báo độ sâu mực nước tầng qp1

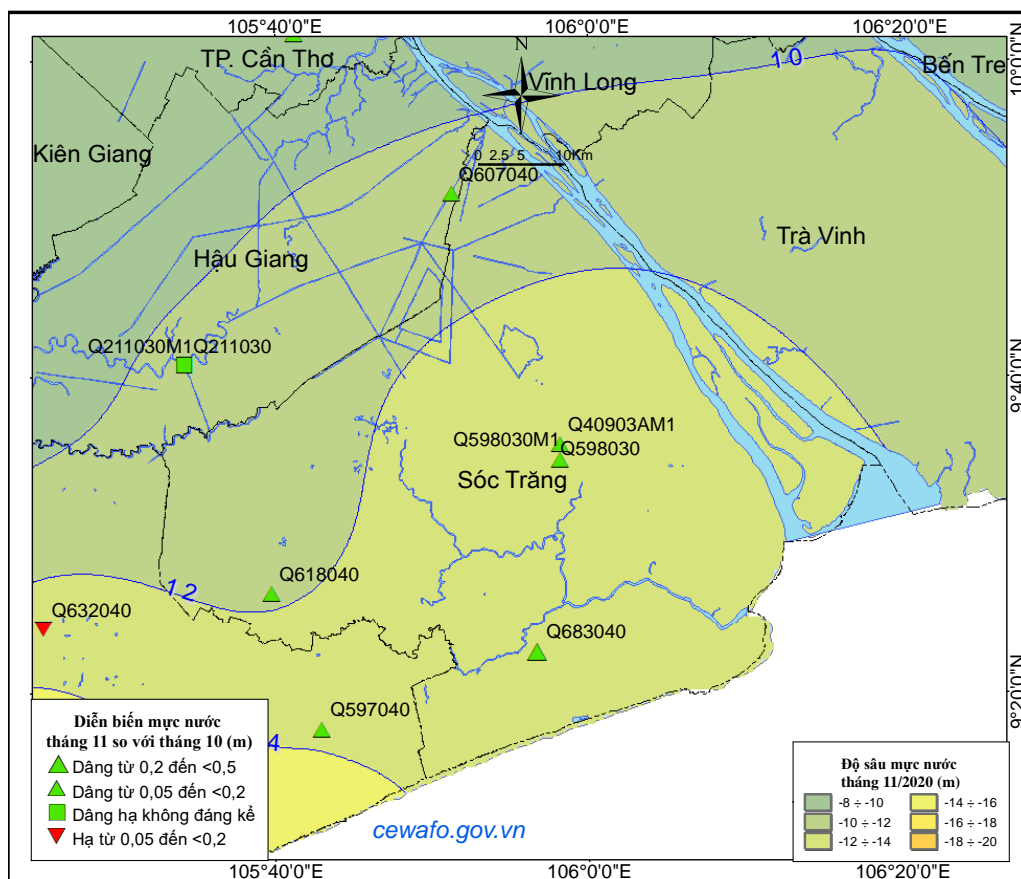
Bảng 52. Độ sâu mực nước tầng qp1 (m)

Ngày	Phường 3, TP Sóc Trăng (Q598020M1)		
	Mực nước thực đo tháng 11	Mực nước dự báo	
		Tháng 12	Tháng 1 năm 2021
6	-13,00	-12,97	-12,98
12	-12,91	-12,98	-12,99
18	-12,88	-12,99	-13,04
24	-13,06	-12,99	-13,07
30	-13,04	-12,98	-13,09
TB	-12,98	-12,98	-13,03

II.15.3. Tầng chứa nước Pleistocene hạ (qp₁)

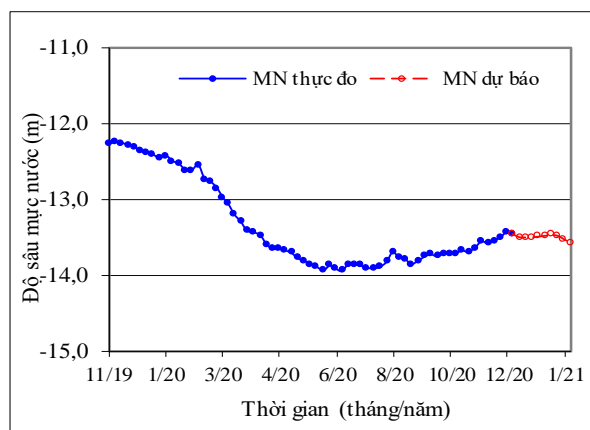
Trong phạm vi tỉnh, mực nước trung bình tháng 11 có xu thế dâng so với tháng 10. Giá trị dâng cao nhất là 0,26m tại Vĩnh Hiệp, Vĩnh Châu (Q683040).

Mực nước trung bình tháng nông nhất là -11,77m tại xã Châu Hưng, Thanh Tri (Q618040), mực nước trung bình tháng sâu nhất là -13,52m tại Phường 3, TP.Sóc Trăng (Q40903AM1).



Hình 108. Sơ đồ diễn biến mực nước tháng 11 tầng qp₁

Dự báo: Trong tháng 12 và tháng 1 năm 2021 mực nước tại công trình Q40903AM1 có xu thế hạ song không đáng kể. Chi tiết diễn biến mực nước như sau (xem hình 110 và bảng 53),



Hình 109. Dự báo độ sâu mực nước tầng qp₁

Bảng 53. Độ sâu mực nước tầng qp_1 (m)

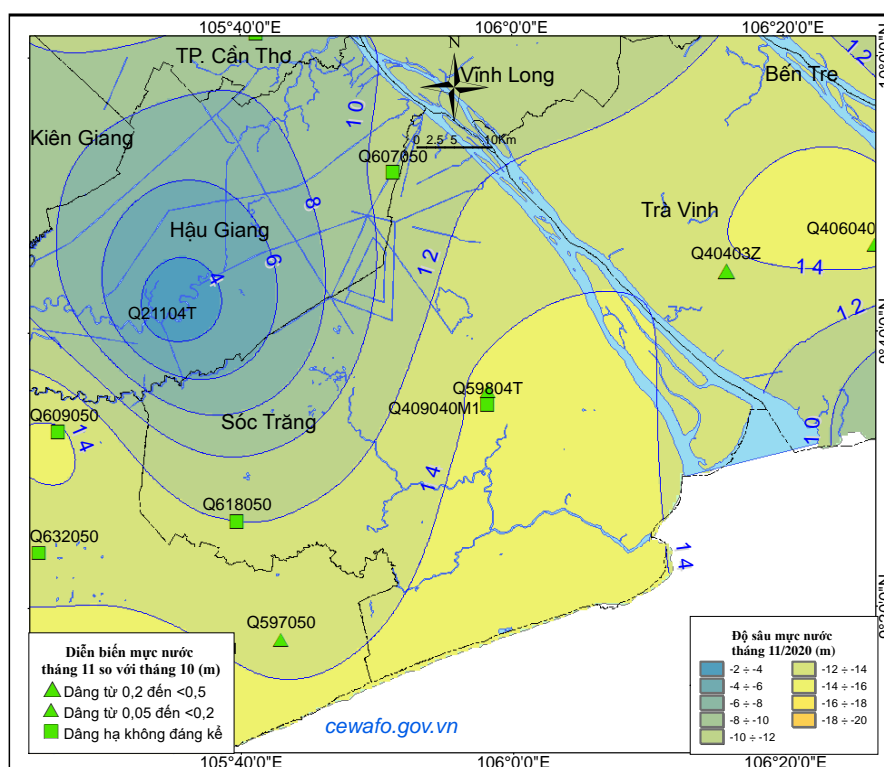
Ngày	Phường 6, TP Sóc Trăng (Q40903AM1)		
	Mực nước thực đo tháng 6	Mực nước dự báo	
		tháng 7	tháng 8
6	-13,59	-13,50	-13,47
12	-13,55	-13,50	-13,49
18	-13,51	-13,50	-13,53
24	-13,44	-13,49	-13,58
30	-13,46	-13,48	-13,57
TB	-13,51	-13,50	-13,53

II.15.4. Tầng chứa nước Pliocene trung (n_2^2)

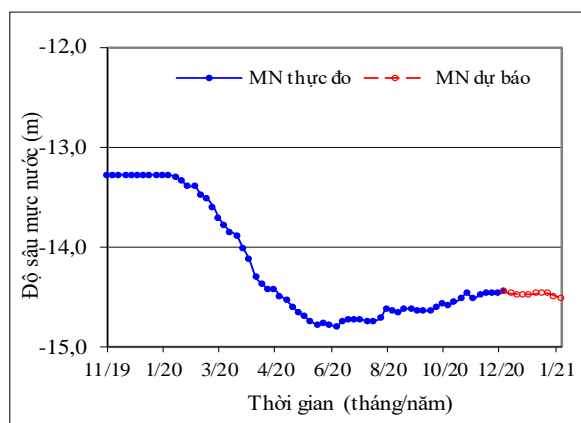
Trong phạm vi tỉnh, mực nước trung bình tháng 11 dâng so với tháng 10. Giá trị dâng cao nhất là 0,06m tại Phường 3, TP.Sóc Trăng (Q409040M1).

Mực nước trung bình tháng nông nhất là -12,02m tại xã Châu Hưng, Thanh Trị (Q618050), mực nước trung bình tháng sâu nhất là -14,49m tại Phường 3, TP.Sóc Trăng (Q409040M1).

Dự báo: Trong tháng 12 và tháng 1 năm 2021 mực nước tại công trình Q409040M1 có xu thế hạ song không đáng kể. Chi tiết diễn biến mực nước như sau (xem hình 112 và bảng 54).



Hình 110. Sơ đồ diễn biến mực nước tháng 11 tầng n_2^2



Hình 111. Dự báo độ sâu mực nước tầng n_2^2

Bảng 54. Độ sâu mực nước tầng n_2^2 (m)

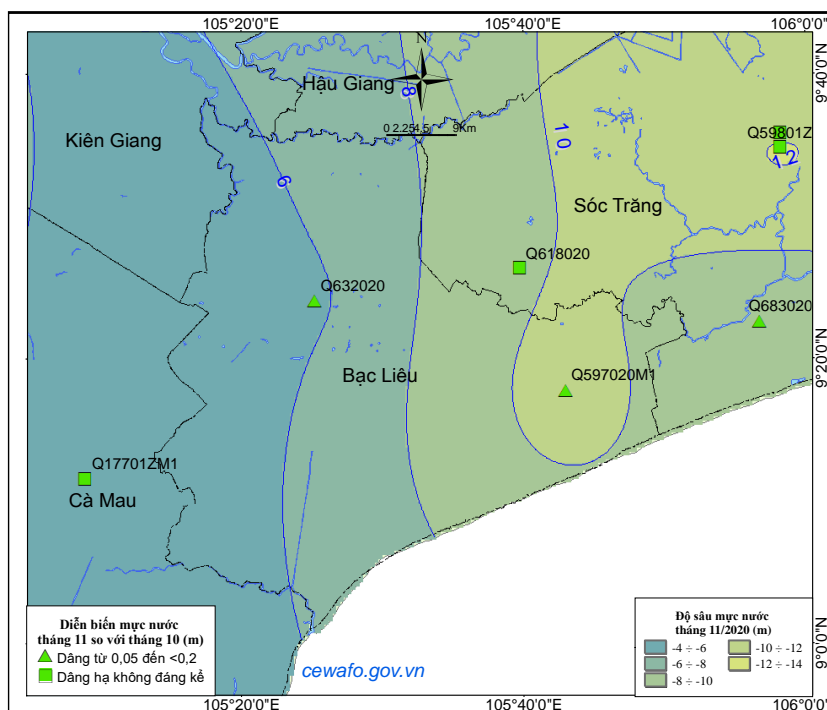
Ngày	Phường 6, TP Sóc Trăng (Q409040M1)		
	Mực nước thực đo tháng 6	Mực nước dự báo	
		tháng 7	tháng 8
6	-14,49	-14,48	-14,47
12	-14,48	-14,48	-14,48
18	-14,48	-14,48	-14,50
24	-14,48	-14,49	-14,53
30	-14,46	-14,48	-14,54
TB	-14,48	-14,48	-14,51

II.16. Tỉnh Bạc Liêu:

II.16.1. Tầng chứa nước Pleistocene thượng (qp₃)

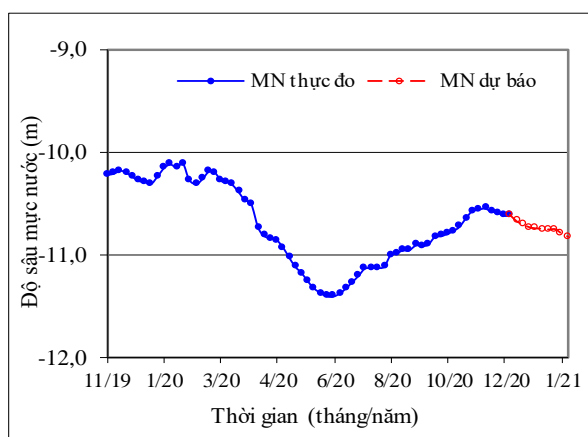
Trong phạm vi tỉnh, mực nước trung bình tháng 11 dâng so với tháng 10. Giá trị dâng cao nhất là 0,08m tại Phường 7, TX. Bạc Liêu (Q597020M1).

Mực nước trung bình tháng nông nhất là -5,77m tại xã Phường 7, TX. Bạc Liêu (Q597020M1), mực nước trung bình tháng sâu nhất là -10,59m tại Phước Long, Phước Long (Q632020).



Hình 112. Sơ đồ diễn biến mực nước tháng 11 tầng qp3

Dự báo: Trong tháng 12 và tháng 1 năm 2021 mực nước tại công trình Q597020M1 có xu thế hạ. Chi tiết diễn biến mực như sau (xem hình 114 và bảng 55),



Hình 113. Dự báo độ sâu mực nước tầng qp3

Bảng 55. Độ sâu mực nước tầng qp3 (m)

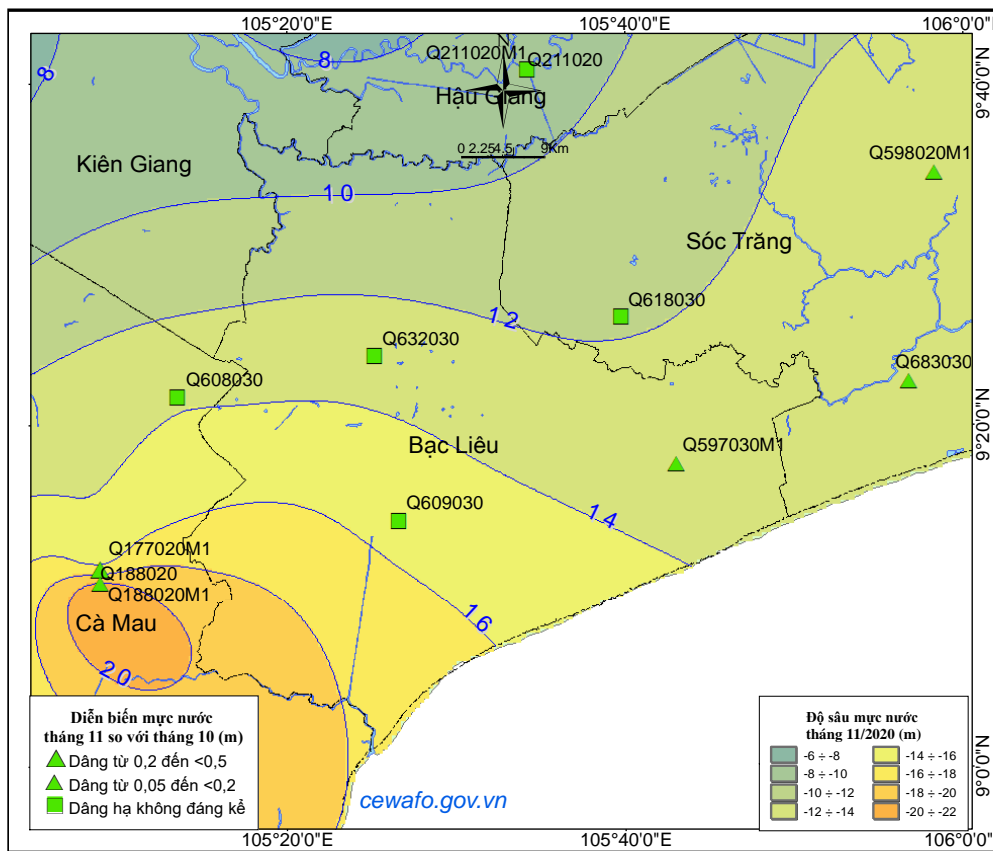
Ngày	Phường 7, TP Bạc Liêu (Q597020M1)		
	Mực nước thực đo tháng 6	Mực nước dự báo	
		tháng 7	tháng 8
6	-10,55	-10,68	-10,76
12	-10,58	-10,71	-10,75
18	-10,59	-10,73	-10,80
24	-10,62	-10,75	-10,82
30	-10,62	-10,75	-10,87
TB	-10,59	-10,72	-10,80

II.16.2. Tầng chứa nước Pleistocene trung-thượng (qp2-3)

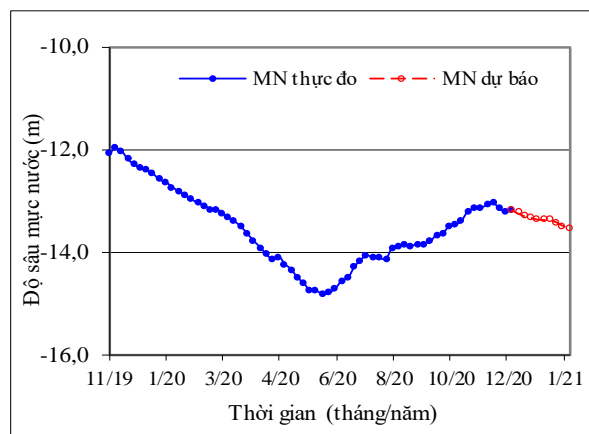
Trong phạm vi tỉnh, mực nước trung bình tháng 11 dâng so với tháng 10. Giá trị dâng cao nhất là 0,17m tại Phường 7, TX.Bạc Liêu (Q597030M1).

Mực nước trung bình tháng nông nhất là -13,09m tại Phước Long, Phước Long (Q632030), mực nước trung bình tháng sâu nhất là -15,33m tại Phường 1, TX Giá Rai (Q609030).

Dự báo: Trong tháng 12 và tháng 1 năm 2021 mực nước tại công trình Q597030M1 có xu thế hạ. Chi tiết diễn biến mực nước như sau (xem hình 116 và bảng 56).



Hình 114. Sơ đồ diễn biến mực nước tháng 11 tầng qp2-3



Hình 115. Dự báo độ sâu mực nước tầng qp2-3

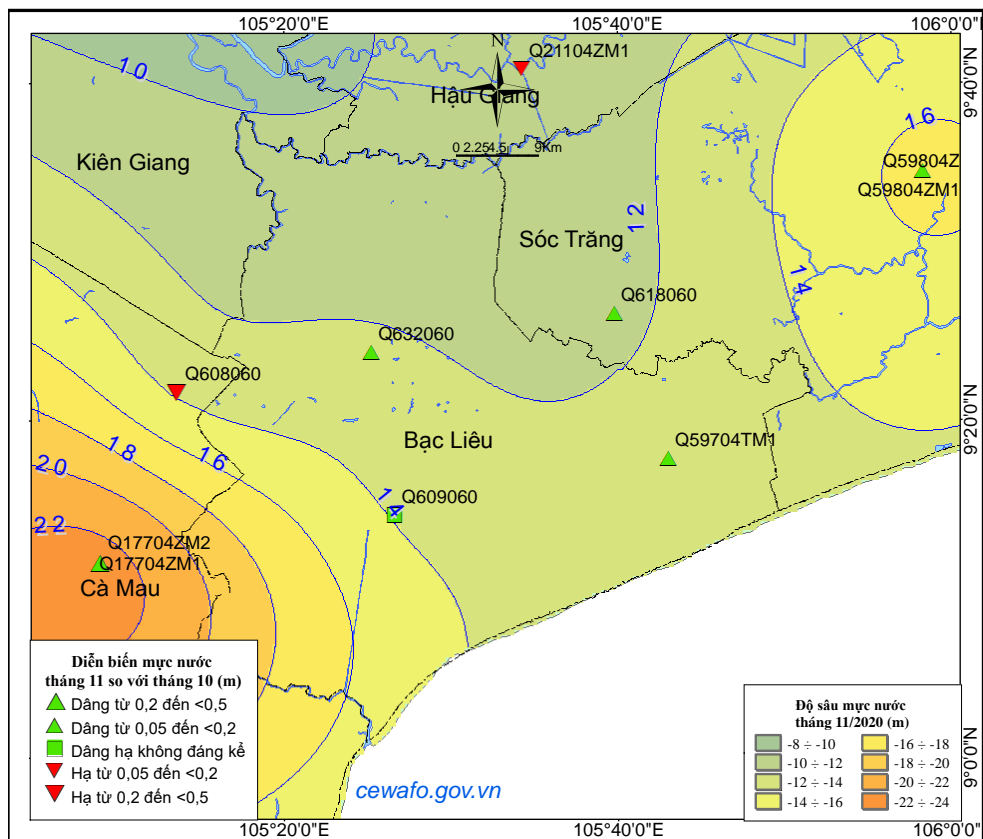
Bảng 56. Độ sâu mực nước tầng q_{p2-3} (m)

Ngày	Phường 7, TP Bạc Liêu (Q597030M1)		
	Mực nước thực đo tháng 6	Mực nước dự báo	
		tháng 7	tháng 8
6	-13,10	-13,25	-13,39
12	-13,06	-13,30	-13,44
18	-13,17	-13,33	-13,51
24	-13,24	-13,37	-13,55
30	-13,18	-13,38	-13,62
TB	-13,15	-13,32	-13,50

II.16.3. Tầng chứa nước Pliocene hạ (n₂¹)

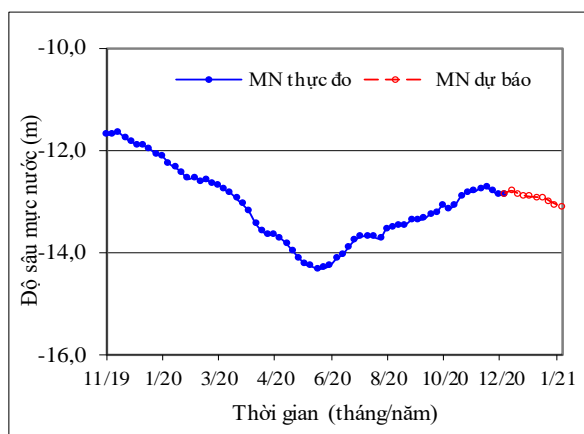
Trong phạm vi tỉnh, mực nước trung bình tháng 11 dâng so với tháng 10, Giá trị dâng cao nhất là 0,18m tại Phường 7, TX.Bạc Liêu (Q59704TM1).

Mực nước trung bình tháng nông nhất là -12,38m tại xã Phước Long, Phước Long (Q632060), mực nước trung bình tháng sâu nhất là -13,92m tại Phường 1, TX Giá Rai (Q609060).



Hình 116. Sơ đồ diễn biến mực nước tháng 11 tầng n₂¹

Dự báo: Tại công trình Q59704TM1 trong tháng 12 và tháng 1 năm 2021 mực nước có xu thế hạ. Chi tiết diễn biến mực nước như sau (xem hình 118 và bảng 57).



Hình 117. Dự báo độ sâu mực nước tầng n_2^1

Bảng 57. Độ sâu mực nước tầng n_2^1 (m)

Ngày	Phường 7, TP Bạc Liêu (Q597040M1)		
	Mực nước thực đo tháng 6	Mực nước dự báo	
		tháng 7	tháng 8
6	-12,75	-12,81	-12,95
12	-12,74	-12,86	-13,01
18	-12,81	-12,90	-13,07
24	-12,88	-12,93	-13,13
30	-12,86	-12,94	-13,20
TB	-12,81	-12,89	-13,07

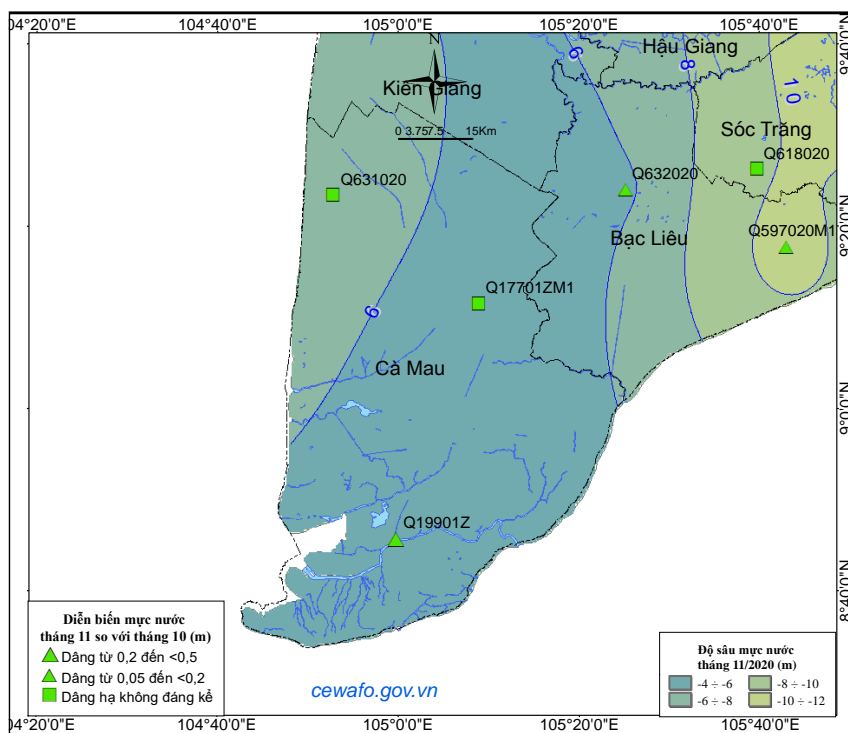
II.17. Tỉnh Cà Mau:

II.17.1. Tầng chứa nước Pleistocene thượng (qp_3)

Trong phạm vi tỉnh, mực nước trung bình tháng 11 có xu thế dâng so với tháng 10. Giá trị dâng cao nhất là 0,32m tại TT Năm Căn, Năm Căn (Q19901Z).

Mực nước trung bình tháng nông nhất là -5,10m tại Phường 9, TP.Cà Mau (Q17701ZM1), mực nước trung bình tháng sâu nhất là -7,27m tại Khánh Hòa, U Minh (Q631020).

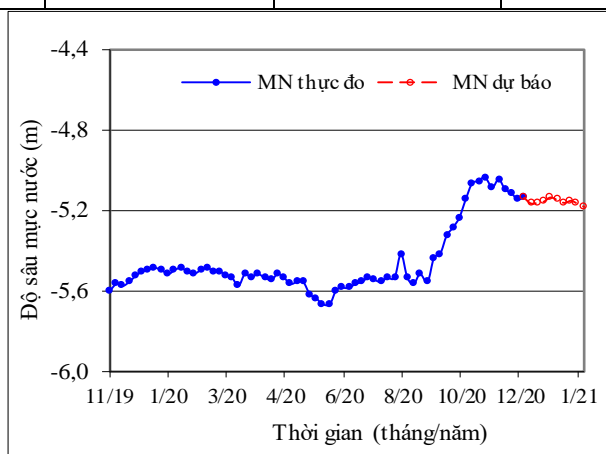
Dự báo: Tỉnh Cà Mau là một trong những tỉnh thuộc ĐBSCL chịu ảnh hưởng của hạn hán trong năm nay. Trong tháng 12 và tháng 1 năm 2021 mực nước tại các huyện trong tầng qp_3 có xu hướng hạ, trong đó mực nước hạ lớn nhất là 0,42m tại TP. Cà Mau và dâng cao nhất là 0,44m tại Ngọc Hiến (xem bảng 58). Đồ thị mực nước minh họa xu hướng hạ tại tỉnh Cà Mau tầng qp_3 xem hình 120.



Hình 118. Sơ đồ diễn biến mực nước tháng 11 tầng q₃

Bảng 58. Dự báo độ sâu mực nước các huyện tầng q₃

STT	Huyện	Mực nước thực đo tháng 11	Mực nước dự báo tháng 12	Thay đổi giá trị MN	Xu hướng
1	Cái Nước	-5,31	-5,47	-0,16	Hạ
2	Đầm Dơi	-5,26	-5,67	-0,41	Hạ
3	Năm Căn	-5,26	-4,94	0,32	Dâng
4	Ngọc Hiển	-5,18	-4,74	0,44	Dâng
5	Phú Tân	-5,65	-5,37	0,28	Dâng
6	Thới Bình	-5,33	-5,60	-0,27	Hạ
7	TP. Cà Mau	-5,10	-5,52	-0,42	Hạ
8	Trần Văn Thời	-6,12	-6,18	-0,06	Hạ
9	U Minh	-7,27	-7,31	-0,04	DHKDK

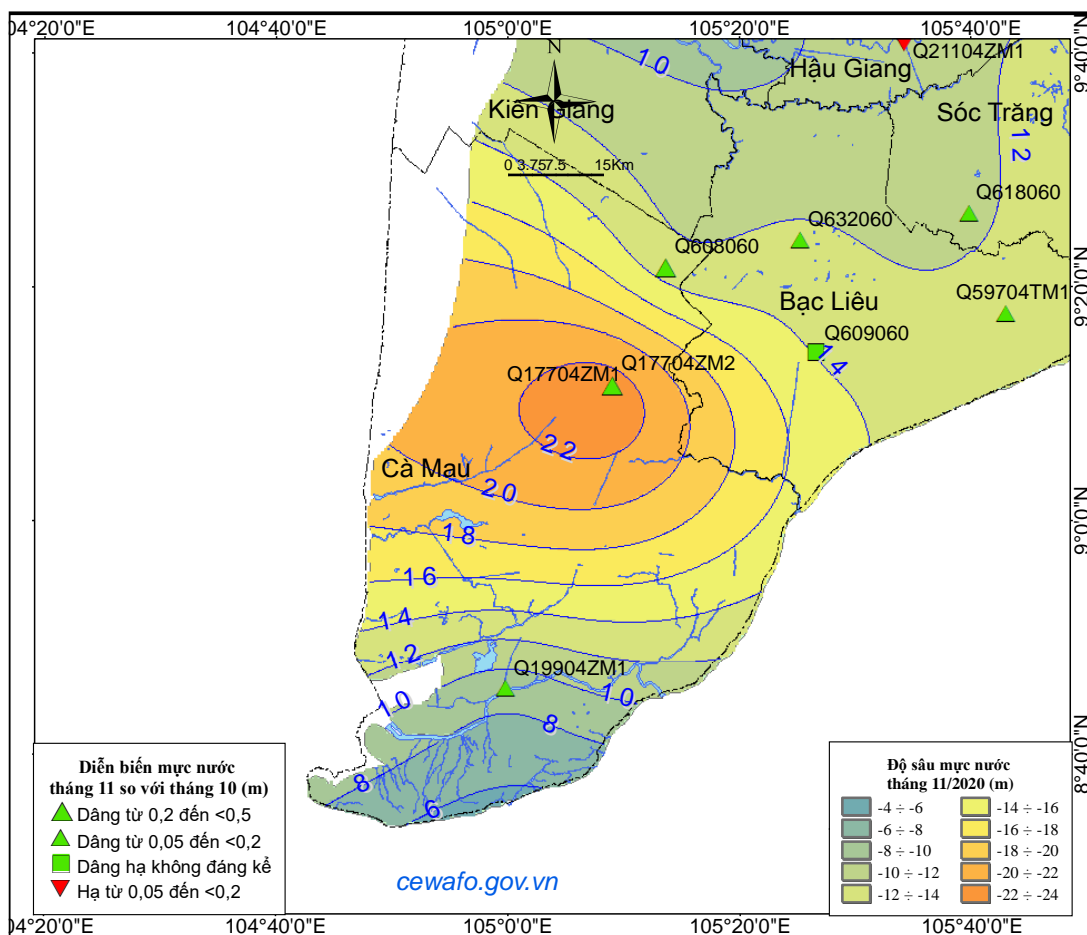


Hình 119. Dự báo độ sâu mực nước tầng q₃

II.17.2. Tầng chứa nước Pliocene hạ (n_2^1)

Trong phạm vi tỉnh, mực nước trung bình tháng 11 có xu thế dâng so với tháng 10. Giá trị dâng cao nhất là 0,41m tại Tân Phú, Thới Bình (Q608060).

Mực nước trung bình tháng nông nhất là -8,98m tại TT Năm Căn, huyện Năm Căn (Q19904ZM1), mực nước trung bình tháng sâu nhất là -22,72m tại Phường 9, TP.Cà Mau (Q17704ZM1).



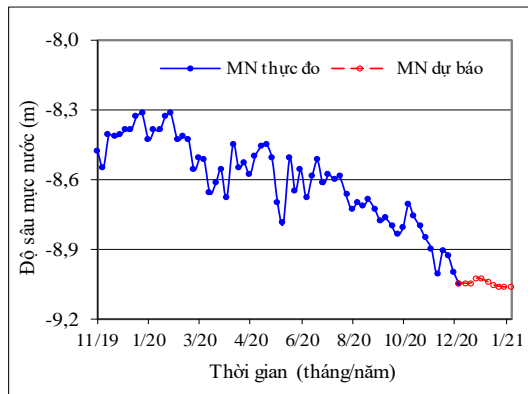
Hình 120. Sơ đồ diễn biến mực nước tháng 11 tầng n_2^1

Dự báo: Trong tháng 12 và tháng 1 năm 2021 mực nước tại các huyện trong tầng n_2^1 có xu hướng dâng, trong đó mực nước dâng cao nhất là 9m tại huyện Cái Nước, mực nước hạ thấp nhất là 0,22m tại huyện Thới Bình (xem bảng 59). Đồ thị mực nước minh họa dự báo mực nước tại huyện Năm Căn tỉnh Cà Mau tầng n_2^1 xem hình 122.

Bảng 59. Dự báo độ sâu mực nước các huyện tầng n_2^1

STT	Huyện	Mực nước thực đo tháng 11	Mực nước dự báo tháng 12	Thay đổi giá trị MN	Xu hướng
1	Cái Nước	-20,34	-20,05	0,29	Dâng
2	Đầm Dơi	-16,45	-16,22	0,23	Dâng
3	Năm Căn	-8,98	-8,88	0,10	Dâng
4	Ngọc Hiển	-6,66	-6,59	0,07	Dâng

STT	Huyện	Mức nước thực đo tháng 11	Mức nước dự báo tháng 12	Thay đổi giá trị MN	Xu hướng
5	Phú Tân	-14,24	-14,08	0,16	Dâng
6	Thới Bình	-13,78	-14,00	-0,22	Hạ
7	TP. Cà Mau	-22,72	-22,44	0,28	Dâng
8	Trần Văn Thời	-21,01	-20,78	0,23	Dâng
9	U Minh	-17,88	-17,83	0,05	DHKDK



Hình 121. Dự báo độ sâu mực nước tầng n₂¹

Cảnh báo: Trong tháng 11, năm (05) công trình quan trắc trong các TCN chính có độ sâu mực nước sâu đạt trên 50% so với mực nước hạ thấp cho phép (chi tiết bảng 60). Các đơn vị khai thác nước dưới đất cần chú ý chế độ khai thác ở các nhà máy nước quanh khu vực này.

Cảnh báo độ sâu mực nước trung bình tháng 11 của các TCN

STT	SHLK	TCN	Vị Trí	Độ sâu MN(m)	% đạt đến Hẹp
1	Q188020	qp23	Phường 5, TP.Cà Mau	-20,48	58,51
2	Q188030	qp1	Phường 5, Tp Cà Mau	-25,29	72,26
3	Q177040		Phường 9, Tp Cà Mau	-24,19	69,11
4	Q199030		TT Năm Căn, Năm Căn	-15,50	52,23
5	Q17704ZM1	n21	Phường 9, TP.Cà Mau	-22,72	64,91

Người biên soạn bản tin: Nguyễn Thị Hồng - Phòng Cảnh báo, Dự báo TNN dưới đất

Người kiểm tra: Hoàng Thị Thu Hà - Phòng Cảnh báo, Dự báo TNN dưới đất